

BÁCH KHOA

23

15 THÁNG 12-1957

Trong số này :

- HUỖNH-VĂN-LANG *Một ít nhận xét về chế độ
bảo vệ kinh tế.*
- HOÀNG-MINH-TUỖNH *Chế độ dân chủ cổ điển :
Hiệp-chủng-quốc Mỹ-Châu - III.*
- PHẠM-HOÀN-MĨ *Nhà Triệu là một triều đại Việt ?
Lữ Gia là một anh hùng Việt ?*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ *Cái thần trong văn.*
- VŨ-KỶ *Mộng và thực của khoa học.*
- THUẦN-PHONG *Phần đóng góp của văn học bình dân
trong văn học bác học.*
- TRẦN-HÀ *Một trận giặc, mấy bài học.*
- HƯ-CHU *Trung-Hoa sinh sử.*
- MẶC-THU *Nội kê thứ hai.*
- NGUYỄN-VĂN-TRUNG *Thơ dịch.*
- LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(do Vi-Huyền-Đắc dịch) *Khởi lửa Kinh thành.*

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie củ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES ***de L'INDOCHINE***



**NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ « **SUPER G** »



SAIGON - PARIS

(chuyến bay « **THANH-LONG** »)

cát cánh 20g30 mỗi thứ sáu



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 8g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

De SAIGON, avec le
Super G
d'AIR FRANCE
vous pouvez aller à



AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

12, Đại-lô Thống-Nhứt
SAIGON

Tél : 20.981 & 20.984

BỐN CỎI

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA SỐ ĐẶC BIỆT

kỷ niệm đệ nhất chu niên

Phát hành ngày 15 - 1 - 1958.

Số đặc biệt, dày 150 trang, gồm những thiên khảo luận giá trị, những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen thuộc :

Nguyễn-văn-Ba

Hư-Chu

Vi-huyền-Đắc

Nguyễn-Đồng

Trần-Hà

Phạm-hoàng-Hộ

Nguyễn-Hóa

Quang-Huấn

Trần-văn-Khê

Huỳnh-văn-Lang

Nguyễn-hiến-Lê

Hoàng-ngọc-Liên

Cô-Liêu

Nguyễn-anh-Linh

Bình-nguyên-Lộc

Phạm-hoàn-Mĩ

Nguyễn-ngọc-Ngu

Thoại-Nguyên

Võ-Phiến

Thuần-Phong

Nguyễn-Phúc

Văn-Quang

Lê-văn-Siêu

Phạm-Tăng

Hoàng-minh-Tuynh

Phan-lạc-Tuyên

Phạm-ngọc-Thảo

Mặc-Thu

Nguyễn-văn-Trung

Lê-Văn ..

Bìa ba màu do họa sĩ Phạm-Tăng trình bày và minh họa. Số đặc biệt sẽ đánh dấu một nỗ lực mới của Bách-Khoa cải tiến cả về nội dung lẫn hình thức, để đáp lại thịnh tình của các bạn đọc thân mến bốn phương đã ủng hộ và khuyến khích Bách-Khoa trong một năm qua.

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

SỐ 23 — 15 - 12 - 57

HUỖNH-VĂN-LANG *Một ít nhận xét về chế độ
bảo vệ kinh tế.*

HOÀNG-MINH-TUỖNH *Chế độ dân chủ cồ điền :
Hiệp-chúng-quốc Mỹ-Châu - III.*

PHẠM-HOÀN-MỈ *Nhà Triệu là một triều đại Việt ?
Lữ-Gia là một anh hùng Việt ?*

NGUYỄN-HIỂN-LÊ *Cái thần trong văn.*

VŨ-KÝ *Mộng và thực của khoa học.*

THUẦN-PHONG *Phần đóng góp của văn học bình dân
trong văn học bác học.*

TRẦN-HÀ *Một trận giặc, mấy bài học.*

HU-CHU *Trung-Hoa tình sử.*

MẶC-THU *Nồi kê thứ hai.*

NGUYỄN-VĂN-TRUNG *Thơ dịch.*

LÂM-NGŨ-ĐUỜNG
(do Vi-Huyền-Đắc dịch) *Khói lửa Kinh thành.*

TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Trong những số tới:

- HUỲNH-VĂN-LANG : *Khái niệm về giảm phát.*
- : *Tôi thăm viếng Hòa-Lan (công cuộc dinh điền).*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ cổ điển: Hợp-chúng-quốc Mỹ-châu - IV.*
- KIÊM-ĐẠT : *Thánh Quát đố thần Siêu đâu?*
- QUANG-HUẤN : *Trung-Đông, bài học lịch sử.*
- PHANG-KHOAN : *Đức dục và Công dân giáo dục.*
- ĐẶNG-VĂN-NHÂM : *Khảo về - kiến trúc « Đình » của Việt-Nam.*
- PHẠM-HOÀN-MỸ : *Nhà Thục không phải là một đời vua Việt?*
- BÌNH-NGUYỄN-LỘC : *Thú tánh sơ khai (truyện ngắn).*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

CHẾ ĐỘ BẢO VỆ KINH TẾ

HUỖNH-VĂN-LANG

NGÀY nay, dân tộc Việt-Nam đã được độc lập, lấy lại tự do chen vai với nước người trên đường chánh trị. Nhưng kinh tế Việt-Nam vì bị chi phối, bóc lột gần non một thế kỷ, nên vẫn còn nằm trong tình trạng hậu tiến và yếu đuối, và người mình còn bỡ ngỡ trước «lý tưởng độc lập kinh tế». Lý tưởng đã được nêu lên, người Việt nay đã có ý thức rất nhiều, mà cuộc tranh đấu này phải quan niệm làm sao, phải thực hiện thế nào để mau có kết quả? Nhiều bậc đàn anh đang hy sinh, đang cố gắng, dấn thân vào chiến trường, ở lãnh vực kỹ nghệ như thương mại. Nhưng đây là một chiến trận, một ván cờ, tương như binh, người đánh như các con cờ phải ăn rập vào một thế, một chiến lược, hay một đường lối. Muốn thắng trận không chưa đủ, cần phải biết thắng. Mà cho được biết thắng, phải hiểu địch, hiểu mình và địa thế nữa. Địch mạnh mà mình yếu đó đã rõ, nhưng địa thế kinh tế là một địa thế phức tạp không phải dễ hiểu. Hiểu địch, hiểu mình, hiểu địa thế không cũng chưa đủ, tướng lĩnh còn phải biết tiết kiệm nghị lực, sinh mạng, lương thực, không phung phí vô ích, binh sĩ còn phải biết kỹ thuật và kỷ luật chiến đấu. Cuộc chiến đấu ở trận mạc có đẫm máu gay go, cuộc tranh đấu kinh tế có khi còn hơn phần khó khăn.

CHẾ ĐỘ BẢO VỆ KINH TẾ

Cuộc tranh đấu kinh tế tổng quát nói trên gồm nhiều phương diện, nhiều thể nhỏ mà chế độ bảo vệ kinh tế lại là một. Ở đây tác giả còn muốn thu hẹp vấn đề hơn nữa, là sự bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam.

Đã đành, người Việt vừa mới vào kỹ nghệ, kỹ thuật kém cỏi, tài chánh ít ỏi, chưa có kinh nghiệm, mà kinh tế Việt-Nam ta còn bị kinh tế ngoại bang chi phối rất nhiều, đến đôi kinh tế Việt-Nam chẳng qua là một cái chợ tiêu thụ cho hàng hóa ngoại quốc, đang khi thị trường quốc tế gần như không cần gì hàng hóa của ta. Nhưng người dân Việt về mặt chánh trị đã hưởng được khi trời độc lập tự do không lẽ khoanh tay chịu kéo dài tình trạng « thuộc địa kinh tế » này mãi. Cho nên « lời hịch » đã thốt ra : ta phải sản xuất lấy những cái ta cần. Phong trào sản xuất phát khởi một cách hùng hậu, mọi người đều đứng lên muốn tham gia kể nhiều người ít vào công việc xây dựng độc lập kinh tế, NHƯ một phong trào cần vương hay cách mạng. Nhưng NHƯ sao được, chính thật một cuộc cách mạng kinh tế đang khởi sự. Người Việt-Nam tiêu thụ bị bóc lột muốn tự mình sản xuất lấy những cái mình cần và sản xuất như người ngoại quốc. Cho nên không lúc nào bằng lúc này những tiếng thương trường kỹ nghệ, tranh đấu, sản xuất, kế hoạch, dự án... được nói đến và viết ra nhiều bằng, và như thế đã gần hai năm nay rồi !

Trước một phong trào đầy hứa hẹn như thế, đáng mừng hay đáng lo. Tất nhiên ta phải mừng, vì người mình đã có ý thức về cuộc tranh đấu này, vì dân tộc không thiếu bậc đàn anh ra tay gánh vác việc lớn, hy sinh, cố gắng nhiều. Nhưng cũng không khỏi lo sợ. Một lo sợ thứ nhất là mạnh ai nấy tranh đấu, rời rạc và có khi còn đâm chon vớ với nhau ; thứ hai là kẻ trên người dưới không cùng một quan niệm, một đường lối, có khi chỉ tổ làm hại lẫn nhau.

Đứng trong phạm vi nhỏ hẹp của chế độ bảo vệ kỹ nghệ non yếu nước nhà mà xét, thì có khi cần phải đặt lại vấn đề cho rõ ràng minh bạch hơn. Lẽ tất nhiên, kỹ nghệ « lò canh » còn yếu ớt, chánh quyền phải giúp đỡ, nếu không giúp đỡ được thì ít ra phải bảo vệ, nghĩa là ít ra phải giúp đỡ một cách tiêu cực. Nhưng bảo vệ làm sao, theo những nguyên tắc nào ? Làm sao để trên hiểu dưới, dưới hiểu trên, để cùng đi đến mục đích chung là sự độc lập kinh tế. Đó là những đại cương tôi muốn bạn đọc thảo luận với chúng tôi trong bài này.



Chúng ta đều thỏa thuận với nhau từ lâu về điểm này : cần phải bảo vệ kỹ nghệ non yếu Việt-Nam trong buổi đầu này, nhưng sao vẫn còn có sự sung đột ý niệm giữa kẻ chỉ huy và người thực hành kỹ nghệ. Các kỹ nghệ gia vẫn còn ta thán chánh quyền vẫn giúp đỡ bảo vệ chưa đủ, chánh quyền thường bảo các kỹ nghệ gia hay ỷ lại, không tháo vát, tự lập cho đủ, thường muốn ỷ lại nơi chánh quyền để rồi biếng nhác trong một tổ chức, một kỹ thuật hủ lậu, sản xuất thô sơ. Tóm lại : một đảng thường muốn được bảo vệ có khi đến chỗ nắm lấy độc quyền, một đảng lại rất e ngại vì độc quyền nhiều khi hàm súc sự lạm dụng và bao giờ cũng tổn kém cho quốc gia, cho dân tộc, e ngại về tài cũng như về đức của kẻ khác.

Cho nên từ bây giờ ta cần phải thỏa thuận với nhau về một ít nguyên tắc căn bản của một chế độ bảo vệ.

Nguyên tắc thứ nhất là nguyên tắc kinh tế : những kỹ nghệ căn bản cho một sự khuếch trương kinh tế hay kỹ nghệ hóa kinh tế cần phải triệt để bảo vệ. Vì sự bảo vệ kỹ nghệ không có mục đích là bảo vệ tên X, tên Y, và tài sản của họ, song sự bảo vệ kỹ nghệ phải có mục đích kinh tế hoặc kỹ nghệ hóa kinh tế nước nhà, hoặc khuếch trương kinh tế nếu đó là điều kiện để đi đến độc lập kinh tế. Nhưng độc lập kinh tế không có nghĩa là cái gì mình cũng sản xuất lấy được không cần xin người, độc lập kinh tế có nghĩa là người Việt nắm lấy những kỹ nghệ căn bản của kinh tế Việt-Nam. Nhưng cái gì là kỹ nghệ căn bản ? Trước tiên là những kỹ nghệ chuyên chở dịch vụ, những kỹ nghệ động lực (than hay điện), kể đến là những kỹ nghệ sản xuất hàng hóa cần thiết nhất cho sự tiêu thụ của người dân, ít nhất là ăn, mặc và ở.

Nguyên tắc thứ hai là nguyên tắc phân công (division du travail). Nước Việt-Nam ta không thể có một nền kinh tế độc lập mà lẻ loi, một mình một cõi không liên lạc với quốc tế được. Cho nên sự phân công thiên nhiên của tạo vật do sự kiện lịch sử định đoạt phải được chú ý : Ta không thể lập tức sản xuất những hàng hóa mà các nước khác vì hoàn cảnh lịch sử hay địa dư, văn hóa đã tiến xa nước ta hàng thế kỷ. Nếu không, thì sự cố gắng của chúng ta chỉ tổ làm phung phí tài sản quốc gia hơn. Ví dụ : không thể vì Việt-Nam dùng xe hơi mà cứ cố gắng làm xe hơi để

CHẾ ĐỘ BẢO VỆ KINH TẾ

cạnh tranh với Đức hay với Mỹ đang khi tạo hóa đã phân công cho chúng ta một đồng bằng phì nhiêu, một đồng cao đầy cây cối sum sê, một giải trường sơn đề trồng trọt hơn là đất chứa thép gang, một bờ biển dài cả ngàn dặm của một cái biển có những đặc điểm như một cái hồ lớn đầy tôm đầy cá. Còn về mặt kỹ thuật thì sao nữa? Sự kiện lịch sử bắt chúng ta phải đi sau kẻ khác hằng thế kỷ, không lẽ chúng ta muốn một ngày hai ngày thay thế kẻ khác dù trong thị trường nội địa và về mọi mặt.

Trên thực tế, trong nhiều trường hợp hai nguyên tắc trên đây như mâu thuẫn nhau, ví dụ : một kỹ nghệ căn bản cho kinh tế nước nhà lại đòi hỏi điều kiện kỹ thuật hay kinh tế (nhân công, nguyên liệu) mà Việt-Nam ta không có hẳn, hay có mà ở một trình độ kém cỏi xir người nhiều quá. Khi này, thì hai nguyên tắc trên phải dung hòa lấy nhau hơn là mâu thuẫn lẫn nhau, nghĩa là phải so sánh sự cần thiết với sự hy sinh cố gắng về mặt kỹ thuật hay kinh tế. Đó là những trường hợp trung dung cần phải suy luận, cân nhắc và chọn lựa, dung hòa hai nguyên tắc chánh như hai phương châm.

Thường hơn thì có những trường hợp dễ phân tách, như một kỹ nghệ đã không là căn bản cho kinh tế, mà Việt-Nam lại ở trong một trình độ kỹ thuật quá kém xa nước ngoài hay thiếu hẳn điều kiện kinh tế như nhân công, nguyên liệu. Nếu ở lãnh vực nào mà Việt-Nam ta còn kém xa nước ngoài về mặt kỹ thuật cũng như nhân công và nguyên liệu, mà ta muốn phát triển, muốn áp dụng chế độ bảo vệ thì tức nhiên là ta phải hy sinh rất nhiều, điều ấy đã rõ. Vậy không lẽ ta lại phải hy sinh, cố gắng để bảo vệ một kỹ nghệ không cần thiết?



Khi ta quan niệm kế hoạch ngũ niên, các chuyên viên ngoại quốc thường có nói đến nguyên tắc ngoại tệ sau đây để làm tiêu chuẩn chọn lọc lấy kỹ nghệ cần phải thiết lập hay khuếch trương, là nguyên tắc sanh ngoại tệ (dollar-earning) hay ít ra là tiết kiệm ngoại tệ (dollar-saving).

Nguyên tắc này, nếu ở ngoài hai nguyên tắc trên thì hóa ra bao la và có khi mơ hồ, vì thực ra kỹ nghệ nào cũng có thể sanh ngoại tệ, nghĩa là xuất cảng và tiết kiệm ngoại tệ, nghĩa là bớt nhập cảng.

Nhưng nếu nguyên tắc «ngoại tệ» này đứng trong khuôn khổ của hai nguyên tắc kia thì thấy vấn đề chọn lựa kỹ nghệ không còn khó khăn nữa : sanh hay tiết kiệm ngoại tệ không chưa đủ, còn cần phải là kỹ nghệ căn bản cần thiết hay đừng bắt buộc một sự cố gắng thối quá, một sự hy sinh quá đáng.

Hơn nữa trên hết những nguyên tắc này còn có nguyên tắc « chủ quyền kinh tế » cho Việt-Nam. Tác giả bài này vẫn đồng quan điểm với bạn Thanh-Bình (Bách-Khoa số 16) « là giành quyền kinh tế cho Việt-Nam, loại ngoại kiều ra khỏi một vài địa hạt kinh tế nào đó ». Nguyên tắc độc lập kinh tế không có nghĩa là bài ngoại và bài ngoại ở mọi lãnh vực. Khi áp dụng chế độ bảo vệ kỹ nghệ non yếu nước nhà thì nguyên tắc này cũng không nên quên biệt đi.

Bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam không có nghĩa là bảo vệ tư bản ngoại quốc ở Việt-Nam. Nhưng bảo vệ kỹ nghệ V.N. cũng có thể là bảo vệ tư bản ngoại quốc khi nào tư bản ngoại quốc phụng sự thật sự kinh tế V.N. theo hai nguyên tắc đã nêu trên. Mà tư bản ngoại quốc phụng sự kinh tế V.N. theo hai nguyên tắc đã nêu trên không có nghĩa là lấn áp chủ quyền kinh tế của người Việt-Nam.



Đưa nguyên tắc ra thì dễ nhưng thực hành thì chắc chắn là có nhiều cái khó khăn. Ở Việt-Nam ta chế độ bảo vệ kỹ nghệ được áp dụng làm sao, thử đưa ra nhiều cái nguy hại mà khi vì bảo vệ ta có thể vấp phải. Ở đây cần phải phân biệt một bên là vấn đề bảo-vệ kỹ nghệ của người Việt-Nam để nói đến trước tiên là vấn đề bảo vệ kỹ nghệ V.N., nghĩa là bất chấp đến kỹ nghệ ấy là của người Việt hay của ngoại kiều.

1.— Bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam không có nghĩa là củng cố một độc quyền mà độc quyền ấy lại đi ngược với quyền lợi của dân tộc, dù dân tộc phải hy sinh cho nó sống. Ví dụ : dân tộc phải hy sinh rất nhiều ngoại tệ để cho một kỹ nghệ X mượn kỹ thuật, mua nguyên liệu, mua dụng cụ, mua bộ phận tháo rời v.v... để rồi phải trả giá cao một món hàng hóa có một phẩm chất đáng ngờ vực. Phải rồi, một kỹ nghệ mới mọc ra thường thường phải có một kế hoạch dài hạn mà ta có thể tóm tắt làm ba : giai đoạn thứ nhất làm lời thật nhiều (tất nhiên là trên lưng người tiêu thụ), giai

đoạn thứ hai là lấy tiền lời ấy (lấy ra bao nhiêu và chia ra bỏ túi bao nhiêu?) để khuếch trương thêm kỹ nghệ để đi dần đến chỗ tự lập; giai đoạn thứ ba là hoàn bị một kỹ nghệ trưởng thành và tự lập không cần bảo vệ nữa và cũng không cần thị trường ngoại quốc để nhập cảng kỹ thuật, nguyên liệu, bộ phận tháo rời... trừ ra một số tối thiểu. Ba giai đoạn ấy được phân đông các nhà kỹ nghệ đặt ra để trình chánh phủ. Nhưng thử hỏi: giai đoạn thứ nhất sẽ bao lâu năm? Cái đó là tùy từng kỹ nghệ không thể nhất định được, đã đành. Mà các nhà kỹ nghệ ấy có muốn qua giai đoạn ấy cho đúng thời hạn, cho nhanh không? Hay là chỉ muốn kéo dài giai đoạn ấy, nhất là khi họ còn được để dành ở ngoại quốc mỗi khi nhập cảng chỉ chi một phần xuất gọi là huế hồng. Nếu kỹ nghệ gia (!) muốn kéo dài ai sẽ kiểm soát họ. Mà kiểm soát có được không? Vì biết rằng, nếu họ không muốn qua giai đoạn thứ hai, thì chánh phủ chắc chắn sẽ không bảo vệ tích cực hay tiêu cực nữa. Nhưng biện pháp ấy không ăn thua gì hết, vì kỹ nghệ gia X ấy đã giàu rồi, nhà cửa to tát rồi, tiền bạc để ngoại quốc nhiều rồi. Thực ra, nếu kỹ nghệ gia ấy là người ngoại quốc thì còn ra sao nữa. Họ có thiết ở lại để qua giai đoạn thứ hai không, khi họ đã giàu rồi, đem vốn đi hết rồi thì họ còn cần gì chánh phủ nữa, họ còn sợ biện pháp gì của chánh phủ nữa, mà khi ấy họ còn có quyền làm « *chantage* » nữa, là sa thải công nhân, đóng cửa xưởng v.v...

2.— Bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam không có nghĩa là bảo vệ tư bản ngoại quốc ở Việt-Nam. Người ngoại quốc ở V.N. chỉ có mục đích chánh là làm lời cho nhanh và cho nhiều, còn mục đích khuếch trương kinh tế Việt-Nam chỉ là phụ thuộc. Hơn nữa, nhiều khi chủ trương độc lập kinh tế lại đi ngược quyền lợi riêng của họ, kinh tế càng lệ thuộc ngoại bang càng lâu thì họ càng lợi. Giả sử kỹ nghệ gia X ngoại tịch vào Việt-Nam để lập một kỹ nghệ Y cùng một lúc họ có cổ phần hay % huế hồng này nọ với kỹ nghệ Y ở nước Z. Thử hỏi, tên X này sẽ chọn cái gì, hoặc là làm cho kỹ nghệ nước ta mau độc lập, để số tiền lời tiền huế hồng để ở ngoại quốc bớt lần lần hay kéo dài tình trạng lệ thuộc để cho số tiền lời tiền huế hồng ở ngoại quốc càng ngày càng to, nhất là khi mà cái tủ đề ở ngoại quốc lại có tính cách chắc chắn hơn cái tủ đề ở Việt-Nam. Trong trường hợp này, chánh phủ làm gì với họ? Phá sản sau hai, ba năm ư? Họ chỉ trông như thể thôi.

3.— Bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam không có nghĩa là để các nhà

kỹ nghệ muốn gì được nấy. Nuôi một đứa con, cần phải bảo vệ nó, nhưng không có nghĩa là cưng kiêu cho nó hư đi. Không phải cái gì thấy lời tức khắc nhảy vô làm, là chính phủ cứ phải bảo vệ. Nhiều vấn đề kỹ thuật, tài chánh, thị trường cần phải được kiểm soát và chỉ dẫn theo một chánh sách kinh tế lâu dài. Nhiều kỹ nghệ gia hấp tấp nhảy ra làm ăn, Chánh phủ cứ bảo vệ đề nay mai vì thiếu điều kiện họ phải chết. Chánh phủ đã hứa thì phải giữ lời, nhưng các kỹ nghệ gia cũng phải biết nhiều khi một người hứa không có nghĩa là chánh phủ hứa, và nhiều trường hợp Chánh Phủ không thể phải giữ lời hứa, nhất là khi lời hứa ấy chỉ tỏ làm hại cho ích lợi chung. Thanh thử, chánh phủ cần phải thấy xa để có một chánh sách bảo vệ có tính cách dài hạn và ít ra phải duy nhất chánh sách ấy, không thể thay đổi quá nhanh hay là có những biện pháp mau thuẫn. Đó là phần riêng của chánh phủ, còn đối với kỹ nghệ gia thì phải theo dõi từng giai đoạn và chắt chẻ. Không thể đặt hành chánh sách bảo vệ một cách hợp lý được, khi mà chánh phủ không biết tài chánh của xưởng kỹ nghệ đi đến đâu, thị trường thế nào, kỹ thuật làm sao. Ví dụ muốn bảo vệ kỹ nghệ X, mà chỉ biết cho nhập cảng này nọ, đến đâu không biết được kỹ nghệ ấy sản xuất được bao nhiêu hàng, phẩm chất làm sao, bán được mấy cái, tiêu thụ ở thị trường làm sao v.v... Nếu phải bảo vệ như thế thì chỉ là việc dùng từng một thủ đoạn âm mưu.

4.— Bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam không có nghĩa là ôm ngoại tệ ngoại viện để mục đi không xài đến được cho hữu lý. Cái khó khăn thứ bốn này do vấn đề ngoại viện. Biết rằng ngoại viện thường tính theo ngân sách và chương trình công tác, nếu không xài hết thì không có quỹ đổi chiều, mà không có quỹ đổi chiều đủ thì ngân sách thiếu hụt và các công tác phải bỏ đi. Cho nên kỹ nghệ chỉ ích lợi trực tiếp cho một số người và đang khi ngân sách và công tác là trực tiếp liên quan đến công ích. Cho nên khi bảo vệ kỹ nghệ cần phải lưu ý đến vấn đề ngoại viện để tìm một chánh sách dung hòa hợp lý. Nhưng nếu những nguyên tắc bảo vệ nói trên được tôn trọng thì vấn đề dung hòa sự bảo vệ kỹ nghệ và việc xử dụng ngoại viện bớt được phần khó khăn và phức tạp.

Tóm lại, chế độ bảo vệ đòi hỏi nhiều cái hy sinh, nhiều cái cố gắng không phải riêng về chánh phủ mà là cả toàn dân, cần

phải được quan niệm một cách sáng suốt và áp dụng một cách khôn ngoan từng trường hợp đặc biệt. Một cái cần kiểp hay cần bản thì cần phải hy sinh nhiều, nhưng đừng hy sinh nhiều vì một cái không ích lợi bao nhiêu.



Cũng ở trong khuôn khổ vấn đề bảo vệ kỹ nghệ Việt-Nam là vấn đề bảo vệ kỹ nghệ của người Việt-Nam. Đọc qua các báo và chính bài « Xác định » của bạn Thanh-Bình (Bách-Khoa số 16), cũng chủ trương độc lập kinh tế, có nghĩa là kinh tế V.N. do người Việt-Nam nắm lấy. Tác giả bài này rất đồng ý kiến, nhưng cần phải nói rõ hơn nữa, không phải độc lập kinh tế là cái gì cũng phải do người Việt-Nam điều khiển, song độc lập kinh tế nghĩa là tất cả những ngành kinh tế căn bản, những kỹ nghệ căn bản đều phải do người Việt-Nam điều khiển. Khi quan niệm một chủ trương độc lập kinh tế như thế rồi thì vấn đề bảo vệ kỹ nghệ của người Việt-Nam sẽ được thực hiện một cách rõ ràng và dễ dàng hơn. Cái gì ở đời cũng có giới hạn dù là quyền lực của chánh phủ, cho nên nếu chánh phủ dùng quyền lực của mình để bảo vệ « lung tung » thì tất nhiên là những cái gì căn bản không được chú trọng hết sức được. Không khéo thì chỉ tổ đi đến chỗ phung phí nghị lực và tài sản của dân tộc bằng cách bảo vệ những cái không đáng hay không cần bảo vệ.

Hơn nữa, nếu một chánh sách bảo vệ được hoạch định theo một chủ trương « độc lập kinh tế » rõ ràng như trên thì vấn đề đầu tư của ngoại quốc, vấn đề làm ăn của ngoại kiều ở Việt-Nam không thành khó khăn, tránh được rất nhiều cái đụng chạm chỉ có hại hơn là có lợi. Nên chia ranh giới bảo vệ hay can thiệp cho mình bạch thì người ngoại quốc tin cậy dễ hơn.



Nhưng bảo vệ không có nghĩa là chỉ biết ngăn cấm mà thôi. Như bạn Thanh-Bình đã bảo « đa số các báo ở đây đều tổ về tán thành qui định dành quyền kinh doanh cho Việt-Nam, loại ngoại kiều ra khỏi một địa hạt kinh tế nào đó. Nhưng tất cả đều rất tiếc rằng qui định ấy không đi đôi với một chương trình chuẩn bị giúp đỡ người Việt-Nam đứng ra thay ». Tôi rất đồng ý rằng ngăn cấm chỉ là một việc tiêu cực bảo vệ, còn tích cực bảo vệ cần

phải đi đôi mới có kết quả được. Sự bảo vệ một cách tích cực nên quan niệm như sau : giúp đỡ trực tiếp về mọi mặt, tài chánh, thị trường, kỹ thuật v.v... và nhất là theo dõi kiểm soát từng bước một. Các nhà kỹ nghệ muốn được giúp đỡ nhiều nhưng lại sợ mọi hình thức kiểm soát, đó là một việc mâu thuẫn. Nhưng cần phải quan niệm sự kiểm soát lại một cách khác, kiểm soát ở đây không có nghĩa là khống chế, là bắt bớ. Kiểm soát ở đây có một nghĩa giáo dục, cần phải biết những cái dở để sửa chữa. Cha mẹ có một người con vừa nhận trách nhiệm quan trọng có phận sự giúp đỡ và cũng có phận sự phải theo dõi để giúp đỡ chứ không phải theo dõi để ngăn trở việc làm của nó, « bố » nó v.v... Theo dõi để nhắc nhở trách nhiệm và sự mệnh của nó không cho nó xao lãng mà chơi lặt vặt làm hỏng đại sự. Cũng thế, các kỹ nghệ gia cần phải được kiểm soát để Chánh Phủ giúp đỡ cho phải chỗ và cho hiệu nghiệm và cũng để tránh cho kỹ nghệ gia những ý muốn tham lam vun văt làm hỏng được việc to. Ai dám bảo rằng các kỹ nghệ gia mười người như một đều nghĩ xa, lo cho tiền đồ kinh tế nước nhà hơn là nghĩ đến cái lợi tức khắc. Đó là không nói đến những nhà kỹ nghệ không kỹ nghệ chút nào cả, bởi họ chỉ đứng ra làm « nộm » cho người khác. Chánh Phủ Việt-Nam không có được mấy tuổi, nhưng có lẽ kinh nghiệm cũng đủ để có quyền được đề dặt và ngờ vực nhiều khi.

Cho vay tiền, hùn vốn là một hình thức giúp đỡ. Nhưng chỉ dẫn về tổ chức cần lao, tổ chức kỹ nghệ, tổ chức tài chánh kế toán, khảo sát thị trường v.v... cũng là một hình thức giúp đỡ có khi còn cần hơn là khác.



Tác giả bày này tha thiết cầu chúc một ngày kia vấn đề bảo vệ được quan niệm lại, kẻ trên người dưới đều nhất trí như một, cho con cháu ta được sớm thấy ngày độc lập kinh tế. Tài liệu tham khảo bài này chỉ có vốn vẹn đôi ba tờ báo còn lẫn quần nói đến cái « cầu Thị-Nghè » và tập sách mỏng « Bút chiến đấu » vừa nhận được do Hội Khổng Học Việt-Nam gửi tặng. Giở mấy trang sách sau này, để nhìn lại chơn dung của : Vua Hàm Nghi, Phan-Bội-Châu, Nguyễn-Thượng-Hiền, Huỳnh-thúc-Kháng, Cường-Đề, Nguyễn-Thái-Học..., là những nhà chiến sĩ, những nhà cách mạng chánh trị để gương oanh liệt lại cho hậu thế. Nhưng họ còn nhắc nhở đến những cái thất bại, những cuộc phản bội chua cay, để cho

ta hiểu cái lẽ thành công ở tại sự đồng tâm nhứt trí, sự bền gan kiên nhẫn, tinh thần kỷ luật tranh đấu và sự am hiểu biết mình, biết người và thời thế.

Các nhà chiến sĩ tiên phong kinh tế là các nhà kỹ nghệ gia Việt-Nam trong giai đoạn này cũng như những người có trách nhiệm về vận mạng kinh tế V. N. đọc lại những trang sử cũ để thỏa thuận với nhau về một đường lối tranh đấu. Nếu không thì chỉ tổ chen nhau qua cái « cầu kinh tế » đau thương bằng vận lẩn mà báo chí nên lưu ý hơn thì phải.



Đề kết luận bài này, xin trở lại một vấn đề mà tác giả bài này không đồng ý với bạn Thanh Bình (Bách Khoa số 16) (1), là vấn đề can thiệp của chánh phủ trong kỹ nghệ. Theo tác giả bài này thì trong lãnh vực nào tư nhân Việt-Nam không làm được và nhứt là trong những ngành căn bản kinh tế mà ta không thể giao cho tư bản ngoại quốc làm lấy, thì chánh phủ phải đứng ra làm hơn là bảo vệ tư bản Việt-Nam không cảng đáng nổi và tư bản ngoại quốc không vững chắc. Ở đây không phải là một « chủ trương kiến lập chế độ tư bản nhà nước » như bạn Thanh-Bình e ngại, song là một hình thức can thiệp trực tiếp vì bắt buộc phải làm để khởi công một cuộc khuếch trương kinh tế và sau khi người Việt đã có ý thức đầu tư, có kinh nghiệm kinh doanh rồi thì chánh phủ sẽ nhường chỗ lại. Biết rằng sự can thiệp của chánh phủ trong kỹ nghệ thường thường tổn kém nhiều, nhưng khi cần kíp và vì ích lợi chung chánh phủ phải can thiệp thì phải làm lấy. Vì chờ đợi suông, để cho tư bản Việt-Nam hay giao cho tư bản ngoại quốc có khi còn tổn kém nguy hại hơn nhiều. Một tỷ dụ : nếu Chánh Phủ đứng ra tổ chức và khai thác kỹ nghệ chuyên chở đồ thành chắc chắn là tổn kém nhiều, nhưng sự bảo vệ một kỹ nghệ độc quyền hiện giờ còn tổn kém, còn tai hại gấp mấy lần cho người dân.

Trong nhiều trường hợp kinh tế chánh phủ phải chọn một trong hai, hoặc phải tự mình đứng ra làm lấy, hoặc phải để cho tư nhân làm lấy và mình giữ vai trò bảo vệ giúp đỡ.

Trong tình trạng hiện tại, nghĩa là khi mà người tư nhân Việt-Nam chưa cạnh tranh nổi vì thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, thiếu ý thức kinh doanh, thì chánh phủ phải làm lấy để mau có kết quả, để khởi công nhất là để dẫn đạo một phong trào hay một cuộc cách mạng kinh tế.

HUỖNH-VĂN-LANG

(1) Bạn Thanh-Bình nêu ra Sở Hỏa Xa và Nông trường Cái Sắn để làm tỷ dụ, nhưng bạn Thanh-Bình không rõ tại sao Sở Hỏa Xa « hơi hóp » và Nông trường Cái Sắn « không mấy gì khả quan ». Sở Hỏa Xa không hơi hóp gì cả, chỉ có lỗ hằng năm một số tiền tương đương với số chi phí để sửa chữa và gìn giữ đường Hỏa Xa, và nhất là phải duy trì những con đường về mặt xã hội và chánh trị phải duy trì, đang khi Sở Hỏa Xa của Pháp phải được chánh phủ giúp đỡ từng tỷ phật lạng hằng ngày, vì là một dịch vụ công cộng. Còn nông trường Cái-Sắn thì là một thành công hơn là một thất bại vì không thể lấy số lúa năm đầu làm tiêu chuẩn được, vì ở Cái-Sắn người ta làm lúa sạ, mà làm lúa sạ cần phải cấy sạ sớm. Nhưng công tác Cái-Sắn lại khởi công trễ khi mùa mưa đã đến, nghĩa là người ta cấy bữa và sạ rất trễ, cho nên không thể trúng được.

Danh ngôn, danh lý trong số này quy về ý chính :

ĐAU KHỔ, ƯU HOẠN.

★ NGƯỜI ta không từng trải gian khổ thì khó có lòng ưu ái được.

KHUYẾT DANH

★ CÓ phải thua thiệt khi làm điều thiện, thì điều thiện mới có giá trị.

JOSEPH DE MAISTRE

★ TỪ khước gian khổ chỉ tổ làm cho gian khổ tăng thêm.

AMIEL

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỔ ĐIỂN: HIỆP-CHUNG-QUỐC MỸ-CHÂU

Hoàng-minh-Tuynh

Nguồn gốc hiến pháp

(Tiếp theo)

3.— Hiến pháp năm 1787.



Trong số báo trước, nói về nguồn gốc Hiến pháp Hiệp-chung-quốc, chúng tôi đã đề cập tới vấn đề Hiến pháp đối với mười ba thuộc địa Mỹ-châu sau khi đã giành được độc lập thế nào. Đề tiếp tục, trong số báo này, chúng tôi xin bàn tới Hiến pháp năm 1787 đã cấu thành ra sao và gồm những đặc điểm gì.

Năm 1787, tại Phi-la-đen-phi (Philadelphia) có nhóm một Hội nghị ước pháp gồm đại diện của tất cả các tiểu

bang. Mục tiêu thoát kỳ thủy là cải cách các điều khoản của Bang-Liên(1), nhưng rồi ai nấy đều nhận thấy rõ có cải tổ hoàn toàn lại các định chế thì mới có thể hy vọng thiết lập thành một « Quốc gia Mỹ » được. Ông Giô-giơ Hoa-sinh-tôn (George Washington) là người có công lớn nhất trong công cuộc này. Căn cứ vào sự bất lực của tổ chức Bang liên, các « phần tử quốc gia » phần đông thuộc các tiểu bang lớn, đề nghị thiết lập một tổ chức tập quyền thật mạnh. Tự nhiên là các phần tử này vấp phải sức kháng cự khá mãnh liệt của các đại biểu tiểu bang nhỏ đối nghịch với một chính quyền trung ương quá mạnh, bởi lẽ dân số thua

kém, các đại biểu này sợ sẽ bị uy hiếp và « lép vế » đối với các tiểu bang lớn khác.

Kề về toàn thể, thì chủ trương quốc gia thẳng, và Hiệp-chúng-quốc trở thành một quốc gia thật sự. Song người ta nhận thấy rõ có sự nhân nhượng đối với chủ trương đối lập. Chính cái thẳng lợi hòa hoãn đó đã giải thích cho ta rõ những sắc thái thiết yếu trong chế độ Hiệp chúng-quốc sau này vậy.

a) *Chế độ Liên bang.*— Sắc thái đặc biệt nhất là chế độ Liên bang, một giải pháp dung hòa giữa một bên là một quốc gia duy nhất (như nước Pháp chẳng hạn) có thể có phân quyền cho các địa phương rộng rãi tới mức nào đó, nhưng không thể tới mức trở thành những quốc gia ; và một bên là một Bang liên gồm nhiều tiểu bang có chủ quyền riêng biệt phối trí với nhau trong tổ chức liên hiệp.

Hiệp-chúng-quốc lập-thành cho ta thấy rõ mô hình một định chế chính trị, một chế độ Liên bang có rất nhiều triển vọng.

b) *Hien pháp thành văn.*— Sắc thái thứ hai : Hiệp-chúng-quốc là quốc gia thứ nhất có Hiến pháp thành văn. Từ nguyên thủy, Hiến pháp năm 1787 chính là một minh ước ký kết giữa các tiểu bang vốn dĩ độc lập, nên cố nhiên minh ước ấy phải là minh ước thành văn, vì bất cứ một minh ước nào cũng vậy, cần phải ấn định rành rọt các điều khoản, hầu tránh các mối tranh chấp về sau. Ngoài ra, bởi mọi quyền hành của Liên bang Mỹ đều căn cứ vào minh ước trên, và bởi sự giới hạn chủ quyền của mỗi tiểu bang đã tự ý chấp thuận, cũng đều

có đăng ký trong đó, nên tự nhiên Hiến pháp được coi như qui tắc pháp lý cao đẳng, ấn định và giới hạn được thẩm quyền của chính quyền Liên bang cũng như của chính quyền tiểu bang. Lại nữa, Hiến pháp chỉ có thể sửa đổi theo một thủ tục đòi hỏi tất cả các tiểu bang hay ít là đại đa số tiểu bang chấp thuận, nên Hiến pháp được coi là ở trên các luật lệ Liên bang cũng như các luật lệ tiểu bang.

Sở dĩ Hiến pháp có cái hình thức thành văn và tính chất cứng rắn như thế và có thể coi là Hiến pháp mô phạm sau này, chính thật đã cấu thành nên do bởi hoàn cảnh đặc biệt của các nước Mỹ-châu khi đó vậy.

c) *Lưỡng viện chế.*— Tại Anh-quốc, chế độ lưỡng viện phát sinh là do ý muốn của thời đại định cho các tầng lớp dân chúng đều được cử người đại diện trong nghị viện nguyên thủy. Tại Hiệp-chúng-quốc, chế độ lưỡng viện phát sinh lại là do ý muốn của thời đại có chủ trương thiết lập chính thể liên bang. Nguyên các nhà chính trị chủ trương liên bang độc lập bấy giờ sợ rằng nếu đại diện tại trung ương được cử theo tỷ lệ tiểu bang lớn nhỏ, thì chắc chắn các tiểu bang nhỏ sẽ bị đè bẹp. Nhờ mọi người đều tin rằng thuyết lưỡng viện, theo Mông-tet-ky-ơ, đặt ra là cốt để bảo đảm cho quyền uy giữ mực ôn hoà và công dân giữ được tự do, nên việc thiết lập hai viện có thể làm thỏa mãn cả hai quan điểm, cả hai lập trường, một bên của các phần tử quốc gia, một bên của các

người chủ trương tiểu bang độc lập. Người ta đồng lòng chấp thuận như sau : một trong hai viện liên bang, tức Hạ nghị viện, sẽ tuyển trong mỗi tiểu bang, một số nghị sĩ tùy theo tầm lớn nhỏ của mỗi tiểu bang. Còn một nghị viện liên bang nữa, tức Thượng nghị viện, sẽ gồm đại biểu của mỗi tiểu bang, và bất luận lớn nhỏ, mỗi tiểu bang đều có quyền được cử hai người, và chỉ có quyền được cử hai người mà thôi.

Bởi Thượng nghị viện được hưởng một đa số đặc biệt và bởi Thượng nghị viện được quyền phê chuẩn các điều ước quốc tế cùng chấp thuận việc đề cử các công chức cao cấp liên bang, nên các tiểu bang đều thấy rõ sự công bình : tiểu bang nào, dù lớn dù nhỏ, cũng đều được tham gia ý kiến như nhau cả. Cách thức cấu thành Quốc hội (gồm Thượng và Hạ nghị viện) Hiệp-chúng-quốc Mỹ-châu thật đã phô diễn được đầy đủ các đặc điểm thiết yếu và có lẽ cả cái sắc thái chung quyết của một tổ chức quốc gia theo thể chế Liên bang, trong đó có một nghị viện đại diện tất cả quốc dân và một nghị viện đại diện cho tất cả các tiểu bang liên hiệp.

d) *Tổng thống chế.* — Người Mỹ rút ở trong cuộc thí nghiệm Bang liên một bài học rất hay, họ biết rằng một liên hiệp tiểu bang muốn đứng vững, không thể chỉ dựa vào một cơ quan nghị quyết chung, mà cần phải có một cơ quan hành pháp trung ương mạnh. Do đấy, mọi người đều chấp

nhận : đứng đầu Liên bang phải có một vị nguyên thủ nắm giữ cơ quan hành pháp với quyền uy rộng rãi, thứ quyền uy thiết thực chứ không phải thứ quyền uy « hữu danh vô thực », — và dưới quyền vị nguyên thủ, có một số bộ trưởng, song các vị này chỉ là những tùy viên thừa hành mà thôi.

Người Mỹ chấp nhận nguyên tắc trên, thì thể chế lý ưng thích hợp với họ bấy giờ là thể chế quân chủ, nhưng thể chế ấy đã bị gạt ngay, bởi ký ức không mấy tốt đẹp của người Mỹ về vị vua nước Anh vẫn chưa phai mờ, và cũng bởi khó tìm được bậc quân vương xứng đáng, lại thêm tinh thần của phần lớn người Mỹ bấy giờ thiên về chế độ cộng hòa nhiều hơn.

Rút cuộc lại, chỉ còn có thể chế Tổng Thống. Nhưng theo thể chế ấy thì vị Tổng Thống phải chỉ định thể nào ? Đó là một vấn đề nêu ra hết sức gay go và phức tạp. Nếu bầu Tổng Thống theo lối đầu phiếu trực tiếp, nghĩa là để người dân trực tiếp chỉ định thì e làm sống lại chế độ quân chủ hoặc « dọn cỗ » sẵn cho một chế độ độc tài, bởi lẽ người được chỉ định theo thể thức trên sẽ được uy tín quá lớn lao. Còn nếu để cho hai viện bầu lấy, Tổng Thống sẽ không có đủ uy tín, nhất là sẽ bị lệ thuộc các tiểu bang đã bầu ông lên vị ấy. Chính điều đó cắt nghĩa vì đâu thể thức bầu cử Tổng Thống Hiệp-chúng-quốc rất mực nghiêu khê. Thực ra sau này, thể thức do Hiến pháp năm 1787 phác họa có phần bớt phiền

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỎ ĐIỀN

phức hơn và ta sẽ thấy trên thực tế, tuy người ta đã đề phòng chu đáo, Tổng thống Hiệp - chúng - quốc vẫn do chính quốc dân trực tiếp bầu cử.

Dẫu sao chẳng nữa, các nghị sự lập hiến Hiệp - chúng - quốc, với sự thành công trong việc thiết lập chế độ Liên bang, cũng như trong việc đặt ra Hiến pháp thành văn và qui định chế độ lưỡng viện, đã tung ra trên thế giới một mô hình chính thể quan trọng đặc biệt là chính thể Tổng thống, trong đó vị Tổng thống do chính nhân dân trực tiếp cử lấy, và vị Tổng thống thật sự nắm quyền

hành chính không phải qua sự trung gian của một Nội các chịu trách nhiệm trước hai Viện.

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

(1) Bang liên (Confédération) khác với Liên bang (Fédération).

Tính chất Liên bang là : các nước trong tổ chức Liên bang, về mặt nội chính, tuy vẫn giữ được quyền tự chủ của một nước, nhưng về mặt đối ngoại các nước Liên bang vẫn phải hợp làm một thể, riêng mình không hề có một địa vị quốc tế. — Còn tính chất Bang liên thì : dẫu theo điều ước quốc tế, tổ chức thành quốc gia liên hiệp, nhưng đối ngoại, các nước trong Bang liên vẫn có nhân cách quốc tế của từng nước một.

★ **NÊN** tập quen chịu nực, quen chịu rét, quen chịu khó, quen chịu khổ.

TĂNG-QUỐC-PHIÊN

Cách làm « nhân ».

TỬ-Trương hỏi Khổng-Tử về cách làm « nhân », Khổng-Tử đáp :
— Người làm « nhân » là người có thể làm năm điều cho thiên hạ.

TỬ-Trương liền nói :

— Xin cho biết năm điều ấy :

Khổng-Tử giải :

— Năm điều đó là : *cung*, *khoan*, *tín*, *mẫn*, *huệ*. *Cung* (ng nghiêm trang) thì người không khinh lờn ; *khoan* (rộng rãi) thì được lòng người ; *tín* (tin người) thì người tin mình ; *mẫn* (chăm chỉ) thì làm nên việc ; *huệ* (làm ơn) thì khiến được người.

NHÀ TRIỆU LÀ MỘT TRIỀU ĐẠI VIỆT ?

Lữ-Gia là một anh hùng Việt ?

PHẠM-HOÀN-MỸ



ẤN đề tưởng được giải quyết dứt khoát từ lúc bộ Quốc gia Giáo dục ghi trong chương trình môn Sử ban Trung học đệ nhất cấp, lớp đệ thất :

Đăng Giáo Dục, (số 3, ra ngày 13-11-57) tiêu đề « THÁI PHÓ LỮ-GIA » với *Lời tòa soạn* mở đầu và hai mươi dòng khép lại khiến chúng tôi thấy cần trở lại vấn đề này. Xin chép ra đây hai đoạn nói trên :

...Nhà Tàn thôn tính Bách-Việt. — Thuộc Triệu.

Các quyền sử viết cho học sinh lớp này đều đề thời kỳ do Triệu-Đà và con cháu trị vì nước Nam-Việt vào chương : Thời kỳ Triệu thuộc.

Thế nên bài đầu trong mục « *Danh nhân nước Việt* » đăng trong tập san **Giáo dục phổ thông**, cơ quan văn hóa của hội Việt-Nam Viện Trợ Cao

« 1. — L.T.S. — Chúng tôi cho mở mục này không ngoài mục đích nêu cao gương ái quốc, chí khí quật cường của **các vị anh hùng tiền bối nước nhà, cứu giúp nòi giống trong những giờ phút đen tối nhất của lịch sử (...)**

« 2. — (...) Thái phó Lữ-Gia và triều đình Nam-Việt hết sức chống đỡ ; nhưng thế yếu, cuối cùng Hán quân phá được thành và phóng hỏa đốt cháy khắp nơi.

NHÀ TRIỆU LÀ MỘT TRIỀU ĐẠI VIỆT ?

« Thành mất, các nơi ra đầu hàng. Dương-vương và thái phó Lữ-Gia bị bắt và bị giết vào năm 111 trước Tây lịch.

« Nước ta từ đó rơi vào vòng nô lệ nhà Hán.

« Đây là lần thứ nhất trong lịch sử Việt, thái phó Lữ - Gia viết chữ **bất khuất** (1) tỏ cho Hán-triều và các triều Trung-quốc nối tiếp biết rằng : dân tộc Việt tuy bé, nhưng gan dạ và có chí lớn quật cường, không dễ bị khuất phục ».

Và trong số 4, ra ngày 1-12-1957, chúng ta được đọc, cũng trong mục « Danh nhân nước Việt » :

« 97 năm độc-lập, thanh bình..., phát chốc, non nước ngửa nghiêng, giang san gấm vóc Nam-Việt rơi vào vòng nô lệ nhà Hán ».

Về nhà Triệu

Thế là — trên giấy trắng mực đen — một cơ quan văn hóa của hội Việt-Nam Viện Trợ Cao Đẳng Giáo Dục tỏ rằng không cùng một quan niệm với bộ Quốc gia Giáo dục về việc : xem nhà Triệu như một dòng vua nước ngoài hay như một triều đại Việt.

Chúng ta hãy xem lại vài ý kiến có uy tín.

Bộ sử đầu tiên của nước ta còn dấu vết để lại (2) là bộ « *Đại-Việt sử ký* » do sử gia Lê-Văn-Hưu (1230 — ?) hoàn thành năm 1272, dưới đời Trần-Thái-Tông. Tác giả đã chép sử nước nhà từ đời Triệu-Vũ-đế đến Lý-Chiêu-hoàng, tức từ năm 207 trước Tây lịch đến năm 1224 sau Tây lịch.

Vậy thì Lê-Văn-Hưu nhận rằng nhà

Triệu là một triều đại Việt, cũng như nhà Lý, chẳng hạn.

Sau đó trên hai trăm năm, (năm 1479), sử thần Ngô-Sĩ-Liên phụng mệnh vua Lê-Thánh-Tông soạn bộ « *Đại-Việt sử ký toàn thư* », bộ này làm ra vốn do hai bộ sử hiện đã mất, là quyển « *Đại-Việt sử ký* » của Lê-Văn-Hưu nói trên và quyển « *Đại Việt sử ký tục biên* » của Phan-Phù-Tiên ; quyển sau này gồm có phần chép tiếp từ đời Trần-Thái-Tông (1225) đến lúc Bình-Định-vương thành công trong việc đuổi quân Minh khỏi nước (1427) với bộ của Lê-Văn-Hưu. Ngô-Sĩ-Liên sắp đặt lại hai bộ sử trước, sửa chữa lại, thêm lời bàn, riêng ông, ông có thêm phần trước Triệu-Vũ-đế, tức là họ Hồng-Bàng và nhà Thục.

Cuốn « *Đại-Việt sử ký toàn thư* » này có thể gọi là quyển sử nòng cốt của nước ta : sử gia các đời sau theo đó mà thêm, bớt, bàn và chép tiếp.

Vậy chúng ta hãy nghe đoạn sau đây, dịch trong sách ấy, thuật lại nguyên do cuộc sáng lập nhà Triệu mà soạn giả kể là một triều đại nước ta :

« Đinh-hợi, năm 44 (năm 33 đời Tần-Thỉ-hoàng), nhà Tần dùng những bọn lưu vong, bọn rề thừa, bọn lái

(1) Trừ hai chữ « bất khuất » này, các chữ khác trong hai đoạn trích trên đây hoặc sau này in đậm là do chúng tôi muốn chúng được chú ý.

(2) Theo Lê-Tắc trong « *An-nam chí lược* », thì Trần-Tấn, người đồng thời với Lê-Văn-Hưu, trong bộ « *Việt chí* » là người viết sử đầu tiên của nước ta, sau Lê - Văn - Hưu sửa sang lại, thành bộ « *Đại-Việt sử ký* » ; nhưng tiếc thay, bộ « *Việt chí* » không được truyền, và chỉ có mình Lê-Tắc nói đến.

buôn làm lính, sai quan hiệu úy là Đỗ - Thư đem quân lâu thuyền, và sai Sử-Lộc xem việc đào sông vận lương, để đi sâu vào miền Lánh-nam, chiếm đất Lục-lương, đặt các quận Quế-lâm (nay là huyện Minh-quí, tỉnh Quảng-tây), Nam-hải (nay là tỉnh Quảng-đông), Tượng-quận (nay là An-nam), bổ Nhâm-Ngao làm quan úy quận Nam-hải, Triệu-Đà làm quan lệnh Long-xuyên (Long-xuyên là huyện thuộc quận Nam-hải), khiến đầy bọn tù từ 50 vạn người để giữ miền Ngũ-lãnh, Ngao và Đà nhân mưu lấn đất ta (...)

« Quý - tị, năm thứ 50 (năm thứ hai đời Trần-Nhị-thế), Nhâm-Ngao bệnh gần chết bảo Đà rằng : « Ta nghe bọn Trần-Thắng nổi loạn, lòng dân chưa biết theo ai. Đất này hẻo lánh xa xôi, ta sợ bọn trộm cướp sẽ xâm phạm đến, ta muốn dứt đường để tự giữ và phòng chừ hầu có biến. Nhưng nay ta đau gần chết. Đất Phiên-ngung này có núi ngăn nước trở ; từ Đông sang Tây có đến mấy nghìn dặm, lại có người Tàu giúp đỡ, cũng đủ để dựng nước làm vua, xưng chúa ở một phương được... »

« Nhâm-Ngao chết. Đà bèn gọi hịch cho các cửa ải Hoàng-phổ, Dương-sơn, Hoàng-hắc, nói rằng quân giặc gần đến, phải kíp dứt đường mà tự thủ.

« Hịch đến, các quận huyện đều ứng theo. Bấy giờ, Đà giết hết các quan trưởng lại của nhà Tần đặt, mà lấy người đảng mình làm quan thú. Đà đem quân đánh An-Dương-vương (...)

« Nhà Triệu (...) Giáp-ngọ, năm đầu (năm thứ ba đời Tần-Nhị-thế), vua gồm chiếm các đất Lâm-ấp (sửa là Quế - lâm) và Tượng - quận, tự lập làm Nam-Việt-vương.

« Quý-mão, năm thứ 10, (năm thứ 9 đời Hán-Cao-đế), vua sai hai quan sứ cai trị hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân.

« (...) Mậu-ngọ, năm 25 (năm thứ 5 đời Hán-Cao-hậu), vua lên ngôi hoàng đế, phát binh đánh Trường-sa, đánh được mấy quận (sửa là huyện) rồi trở về.

— « (...) Canh-thân, năm 27 (năm thứ 7 đời Hán-Cao-hậu), nhà Hán sai Long-Lân-hầu là Chu-Táo đánh nước Nam-Việt để báo thù trận Trường-sa, gặp trời nắng và ẩm, sinh bệnh dịch, nên phải bãi binh. Vua nhân đó lấy binh thị uy ở miền biên giới, và lấy của cải để dụ các xứ Mân-Việt và Tây Âu-Lạc, (tức Giao-chỉ và Cửu-chân), hai xứ ấy đều thần phục cả. » (3)

Rồi non bốn trăm năm sau, quyền « Đại-Nam quốc sử diễn ca » ra đời. Quyền này viết bằng thơ lục bát, việc chép gọn và đủ việc chính, văn lại hay. Lắm đoạn hùng hồn, thống thiết nên rất được truyền tụng và giờ đã được chọn làm sách giáo khoa. Cuốn này vốn là của một tác giả khuyết danh đời cuối Lê khởi thảo, năm 1857 ; năm 1859, Lê-Ngô-Cát sửa lại và thêm

(3) Đào-Duy-Anh dịch, trong bài « Nhà Thục và nhà Triệu », tạp chí « Tri tân », các số 126, 127, 128, xuân giáp-thân, 1944.

cho đến lúc Lê-Chiêu-Thống chạy sang Tàu ; năm 1873, Phạm-Đình-Toái rút ngắn bản Lê-Ngô-Cát, và bản sau này được nhiều danh sĩ thời bấy giờ nhuận sắc lại.

Các tác giả đã mở đầu đoạn « Nhà Triệu » bằng hai câu :

« Triệu-vương thay nối ngôi trời,
« Định đô cứ hiềm đóng ngoài Phiên-
ngu. » (4)

Ngôi trời đây là ngôi vua nòi giống chúng ta, mà nối đây là nối vua An-Dương-vương nhà Thục mà các tác giả « Đại-Nam quốc sử diễn ca » cũng như những sử gia hầu hết đều nhận là vua người Việt, nối họ Hồng-Bàng,

Đến sử gia có uy tín vào bậc nhất thời chúng ta, Trần-Trọng-Kim, trong quyển « Việt-nam sử lược » (5), cũng xem nhà Triệu là một dòng họ vua của người Việt. Và sách giáo khoa về sử ở ban Tiểu học trước cuộc Cách mạng mùa Thu 1945 — và một số sách sau này nữa — đồng ý với Trần-trọng-Kim về điểm trên.

Tương cũng nên ghi thêm ý kiến này của học giả Hoa-Bằng. Trong bài : « Nước ta có sử từ đời nào ? » đăng ở tạp chí « Tri tân », số 6, ngày 8-7-1941, ông viết :

« ... Thì từ đời Triệu-Đà (207 — 137 tr. J. C.), đã có chức nội sử.

« ... Vậy nay ta có thể nhận : **Nước ta** (1), từ đời Triệu-Đà, đã có chức nội sử ».

Chúng ta có thể tạm ngưng nơi đây mà tìm những ý kiến trái ngược lại, nghĩa là, nếu chẳng « trả cho Tàu cái gì của... Trung-hoa » thì cũng

không nhận nhà Triệu là một triều đại của con cháu Lạc-Hồng.

Hai trăm năm về trước, đã có người lên tiếng.

Trong « Việt sử tiêu án » (6) Ngô-Thì-Sĩ (1726 — 1780) đưa ra lời bình luận sau đây :

« Sử cũ, sau khi An-Dương-vương mất rồi, đem quốc thống trao cho họ Triệu tiếp nối, và viết lớn mấy chữ « Vũ-đế nhà Triệu ». Người sau cứ theo vậy, không biết đó là lầm. Xét nước Việt ở miền Nam-hải, Quế-lâm, không phải nước Việt ở miền Giao-chi, Cửu-chân, Nhật-nam. Đà nối dậy ở Long-xuyên, dựng nước ở Phiên-ngung, muốn mở mang bờ cõi mà gồm chiếm nước ta để làm thuộc quận, đặt người giám chủ để ràng buộc, thực chưa từng làm vua nước ta. Nếu lấy lẽ làm vương nước Việt mà kể làm triều vua nước ta thì sau đó có Lâm-Sơ-Hoảng nối ở Thầm-dương, Lưu-Nghiêm nối ở Quảng-châu, đều xưng

(4) Phiên-ngu, cũng đọc là Phiên-ngung, ở gần thành Quảng châu, thuộc tỉnh Quảng-dông.

(5) Chúng tôi nhớ dường như quyển sử lược này xuất bản năm 1919. Hiện nhà Tân-Việt đang in lần thứ 6.

Nghe đầu kỳ này, người đại diện tác giả cùng nhà xuất bản có nhờ vài nhà học giả và khảo cổ duyệt lại và bổ điểm thêm.

Mong rằng nhà xuất bản cho in năm sách ra đời, cũng năm những kỳ in lại, tương cũng là một cách giúp ích độc giả, và cả tác giả.

(6) Tác giả chép từ đời Hồng Bàng tới khi quân Minh rút khỏi nước ta, nêu từng việc mà bàn xét. Đoạn trích sau đây do Đào-duy-Anh dịch đăng trong « Tri tân » số 128, ngày 3-2-1944

là Nam-Việt-vương, cũng có thể buộc vào sử ta mà kẻ làm triều vua được. Đà gồm Giao-châu cũng như Ngụy gồm đất Thục. Nếu sử Thục mà có thể cho rằng họ Ngụy nổi lên đề nối họ Trần thì sử ta mới có thể cho rằng họ Triệu nổi lên đề nối An-Dương. Nếu không thể thì xin chép làm *Ngoại thuộc* để phân biệt với *Nội thuộc* vậy ».

Nhà thơ Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiểu, năm 1924, trong quyển « *Quốc sử huấn mông* », đã đưa ra *Sử án* : « Triệu-Đà là người Tàu ; hai quận Giao-chỉ, Cửu-chân thời chỉ cho hai quan sứ sang coi giữ. Vậy thời đất nước ta khi ấy thuộc Triệu, cũng như hồi sau thuộc Hán, thuộc Đường vậy. Nhận họ Triệu làm đế vương trong quốc sử, đã là một sự sai. Sau khi nước ta có vua chúa mà đất Quảng lại về Tàu, nhiều người nói cho là mất đất, thật là một sự kêu vu vậy.

Đồng ý với nhà văn kiêm nhà sử họ Ngô, và nhà thơ họ Nguyễn sau này, có hai ông Nguyễn-Văn-Minh và Tạ-Đình-Ninh, năm 1929, đã cho in quyển « *Thuộc Triệu* », trong loại « *Tranh Quốc sử* » (7).

Đến nhà khảo cổ Nguyễn-Văn-Tổ, năm 1943, trên tạp chí « *Tri tân* », cho ta biết, khi nói về Triệu-Đà : « Sử cũ chép làm một triều vua bản xứ, có lẽ không thỏa ». Kể đó, năm 1944, cũng trên báo « *Tri tân* », học giả Đào-Duy-Anh cho đó là một điều hết sức sai lầm.

Ý kiến sau đây của Hoàng-Xuân-Hãn khiến chúng ta nghĩ ngợi. Trong quyển « *Đại-Nam quốc sử diễn ca* » do ông đề tựa, dẫn, chú thích và giải, in năm 1952 (8), ông đã chú khi thích chữ Phiên-ngu : « nay là Quảng-châu,

thuộc tỉnh Quảng đông nước Tàu. **Nước ta** (1) bấy giờ gồm cả Lưỡng-Quảng, nên đóng đô ở Phiên-ngu ». Qua năm 1957, cũng trong quyển ấy, nhưng kỳ in lại lần thứ ba (9), nơi phần « *Lời giải* », ông có thêm đoạn sau :

« Nhưng ta chớ quên rằng Triệu-Đà là tướng Tần theo Hán, sau khi Tần mất. Tuy đã lập nước riêng, nhưng đó có phải là nước ta không ? Các sử gia xưa nay đã có kẻ bàn không nên kể nhà Triệu là một quốc triều, và chỉ cho là một kẻ ngoại xâm. Nhưng nếu ta bỏ qua tính cách « *thiên liêng* » của chữ Triệu đại, và chỉ coi nó là một tư liệu lịch sử, thì tách nhà Triệu ra ngoài thời kỳ Bắc thuộc cũng phải, và cũng như sử gia Trung-quốc nhận nhà Nguyên, nhà Thanh là một triều đại Trung-quốc ».

Nói thế, nghĩa là ông Hoàng-Xuân-Hãn có ý nghiêng về ý kiến nhận nhà Triệu là một triều đại Việt-quốc.



Chúng tôi xin trình ý kiến mình sau khi đã nêu lên việc Triệu-Đà sáng lập nhà Triệu cùng hai ý kiến : kẻ nhà Triệu là một dòng vua ngoại quốc, đặt họ Triệu vào sử nước ta.

Lấy cái lý lẽ thông thường mà xét, thì Triệu-Đà là người Tàu. Đó là tướng nhà Tần, một triều đại Tàu. Gặp lúc nhà Tần suy, loạn lạc lung tung, Đà thừa cơ « *hùng cứ một phương*

(7) Nhà Quảng-vạn-thành xuất bản.

(8) Nhà Sông Nhị xuất bản.

(9) Nhà Trường thi xuất bản.

hải tần ». Muốn cho nước tương lai mình lớn, mạnh, giàu thêm, một là để sau này đủ sức chống với « mầu quốc », hai là để thỏa cái tính kiêu căng và tham lam của một tướng tài, tự phụ. Đà dùng binh lực cùng mưu mô chiếm nước Âu-lạc, ở khít bên. Chiếm Âu-lạc — nước ta — xong, Đà sáp nhập nó vào quận Nam-hải, quận Quế-lâm và đảo Hải-nam của Đà, dựng lên nước Nam-Việt. Sáp nhập với mục đích gì, thì ta dư rõ. Và nếu mục đích đó là phải, là hay trong con mắt người sáng lập nhà Triệu và con cháu người ấy, thì với tổ tiên chúng ta, dân Âu-lạc, lại cho mục đích đó phải đánh đổ ; dân bị chinh phục, bị trị xem Triệu Đà và những kẻ nối nghiệp ông ta là một phường cướp nước và không khi nào nhận những người khác nòi, khác tiếng nói, khác phong tục ở hai cái quận Quế-lâm, Nam - hải, và Hải-nam kia — tức là Quảng-đông, Quảng-tây, Hải-nam giờ đây — là «**đồng bào**» của mình cả. Hơn nữa Triệu-Vũ-vương (vương hiệu của Triệu-Đà) đóng đô ở Phiên-ngung, gần thành Quảng-châu, thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay, tức là ở tận bên Tàu.

Trường hợp của Triệu-Đà khác hẳn trường hợp Thục-Phán (10).

Hơn nữa — cũng vẫn lấy cái lý lẽ thông thường mà xét—vùng Nam-hải, Quế-lâm, Hải-nam của Triệu-Đà đất rộng gấp bốn nước ta khi đó, còn dân thì chúng ta ước đoán đông gấp mười dân ta lúc bấy giờ.

Không bao giờ nổi bật lên, rõ ràng và khe khát cho bằng lúc ấy, cái luật : số ít phải theo số nhiều, số nhỏ hòa tan và biến mất trong số đông.

Dân tộc Việt ta mà còn tồn tại, quả là một điều hiếm có trong lịch sử loài người.

Vì thế, đã có vài sử gia cho rằng thời kỳ Bắc thuộc nên kể từ năm Triệu-Đà diệt An-Dương-vương, tức là từ năm 207 trước Tây lịch, chứ không phải từ năm 111 trước Tây lịch, tức là khi Lữ-Gia và vua cuối cùng nhà Triệu bị quân Hán bắt giết, như phần đông các nhà viết sử từ xưa đến nay. Thực hiện điều này, có ông Phạm-Văn-Sơn, trong quyển đầu bộ « *Việt sử tân biên* », xuất bản năm 1956.

Giờ, chúng tôi xin đưa ý kiến mình.

Bắc thuộc : ta hiểu là thuộc về nước Tàu, nước Tàu một trăm phần trăm, nếu chúng tôi có thể nói như thế được. Còn cái nước Nam-Việt của nhà Triệu — trong đó có nước ta ép phải nhập cục — đành rằng nào phải nước của dân tộc ta (Quang-Trung mà muốn « đòi » lại hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, đảo Nam-hải tức phần đất Tàu của nước Nam - Việt của Triệu-Đà, cũng chẳng qua là một cái cớ), mà nó cũng chẳng phải hẳn là nước Tàu,

(10) Chúng tôi sẽ bàn đến trường hợp của Thục-Phán trong bài : « *Nhà Thục không phải là một đời vua Việt ?* »

(11) Chúng tôi tưởng cũng nên nhắc lại : hồi 1950 — 51, chánh quyền Việt-minh đưa ra tin nước Trung-hoa mới của Mao - Trạch - Đông không có tham vọng về đất đai, lại còn định giao Lưỡng-Quảng cho nước Việt của Hồ-Chí-Minh, nghĩa là nước Nam-Việt xưa của Triệu-Đà sẽ hồi sinh lại, nghĩa là chẳng cần xương máu, mòng lỏn của Quang-Trung thực hiện dễ dàng. Tưởng rằng loan tin ấy làm an lòng dân, nhưng dân lại lo sợ thêm.

nước Tàu một trăm phần trăm. Nước Nam-Việt là một nước mới, phần lớn gồm đất đai Tàu và người Tàu, phần nhỏ gồm đất đai Việt và người Việt, người sáng lập ra nó có ý định dựng một nước độc lập, riêng biệt, ngang hàng với nước Tàu của nhà Hán, người ấy đã từng xưng đế, đã từng đi đâu thì dùng xe ngựa cỡi xí theo nghi vệ Hoàng đế, chẳng khác nào vua nhà Hán. Chỉ sau, vì nhiều lẽ, Triệu-Đà mới chịu thần phục nhà Hán. Thần phục, nhưng vẫn giữ độc lập riêng, mãi đến đời vua áp chót, đời Triệu-Ai-vương, mẹ con vua này mới xin làm chư hầu nhà Hán, khiến Lữ-Gia và quần thần chống lại nổi lên giết cả vua, thái hậu và sứ nhà Hán. Quân Hán nhân đó mới tràn xuống thôn tính nước Nam-Việt của họ Triệu, lấy lại hai quận Nam-hải, Quế-lâm và đảo Hải-nam đã mất non trăm năm (từ 207 đến 111 trước Tây lịch), và thôn tính phần đất Việt của nước Nam-Việt, là nước Âu-Lạc của chúng ta. Thời Bắc thuộc — Bắc thuộc trực tiếp, Bắc thuộc trăm phần trăm — bắt đầu từ đó, từ năm 111 trước Tây lịch.

Còn thời Bắc thuộc đặc biệt kia, thời *Triệu thuộc* hay *thuộc Triệu* ấy, thiết nghĩ chúng ta đề riêng ra, nghĩa là tách ra ngoài thời đại Bắc thuộc, cũng không có gì là không hợp lý. Chúng tôi đồng ý với ông Hoàng-Xuân-Hán về điểm này, nhưng chúng tôi không đồng ý với ông khi đem so sánh nhà Triệu với dân tộc ta như nhà Nguyên và nhà Thanh với dân tộc Hán. Sử gia Trung-quốc nhận hai triều đại này là hai triều đại nước họ, là vì người Mông, người Mãn tuy chiếm

nước họ, nhưng đất cũng như người đều ít hơn, lại đem đất và người họ sáp nhập vào nước Trung-hoa, đóng đô trong nước Trung-hoa, rồi bị văn minh Hán tộc thu hút, họ đã sống theo người Tàu, hòa chung với dân bản xứ thành một. Kẻ chinh phục lại bị chinh phục.

Còn nhà Triệu đối với nước ta đâu giống thế. Lại nữa, tách thời Triệu thuộc ra ngoài thời Bắc thuộc, chúng tôi còn có lý này :

Thời Bắc thuộc, (hay thời Hán thuộc, Hoa thuộc kể từ 111 trước Tây lịch về sau), người Tàu quyết tình đồng hóa dân tộc ta : khi cứng khi mềm, khi tàn nhẫn khi dịu êm, lúc dùng sức mạnh của súng gươm, lúc dùng sức mạnh của văn hóa, cái nguy đứt gốc cạn nguồn luôn luôn đe dọa dòng Lạc-Việt. Còn thời Triệu thuộc, Triệu-Đà vẫn có ý định đồng hóa tổ tiên chúng ta, song chưa áp dụng những phương sách quyết liệt — những vua nổi nghiệp Vũ-vương cũng thế. Nhà Triệu, nói theo bây giờ, lo « o bế » dân ta nên đề dân ta tự trị, thành cái nhục, cái khổ của dân mất nước không cay chua, như sau này, dưới nhà Hán, nhà Ngô, nhà Đường, nhà Minh. Chúng tôi xin chép lại những dòng này viết hơn năm trước trong cuốn « *Lịch sử Việt-Nam* » của chúng tôi soạn cho học sinh lớp Đệ thất và cho người tự học : « Nhưng đánh chiếm thì dễ, mà cai trị thì khó. Sử Tàu chép rằng : « Giống Việt cương ngạnh và xảo trá, khó trị ». Triệu-Vũ-vương bèn thuận đề cho Tây-Vu-vương (12) tự

(12) Con cháu vua Thục-An-Dương-vương.

LỮ GIA LÀ MỘT ANH HÙNG VIỆT ?

trị, chỉ hăng năm cống hiến tiền bạc và nạp sớ dân số. Vì thế mà cuộc chinh phục của Triệu-Đà đầu có mang đến một hình thức văn minh cao hơn cũng không ảnh hưởng được bao nhiêu. Tỏ tiền chúng ta cũng nhờ đó không mất được bản sắc của giống nòi, mà lại còn kịp thì giờ phát triển tinh thần dân tộc của mình để đủ sức chống với người Hán trong hơn nghìn năm đô hộ».

Vậy chúng ta có thể nói rằng : tới nay, dân tộc ta bị ba lần ngoại thuộc, đó là, đi ngược lại thời gian : Pháp thuộc, Bắc thuộc (ta có nên đòi là Hán thuộc hay Hoa thuộc cho rõ ràng hơn chăng ?) và Triệu thuộc.

Chúng tôi mong rằng những lời bàn, xét trên đây sẽ được tất cả bạn đọc tán thành, nhất là những bậc đàn anh đang soạn sử nước nhà. Để phụ lục thêm, và để cho tươi câu chuyện vốn khô khan này, chúng tôi xin trích đôi đoạn sau đây trong thiên « Việt sử trường ca » (13) của nhà văn Bình-Nguyên-Lộc đã mượn giọng thơ rất bình dân để diễn những lẽ rất là vững chắc.



(...) Nhà Tần diệt, loạn nổi ra,
Có người tướng giặc, Triệu-Đà là tên.
Hắn ta giựt đất xưng vương,
Làm vua một cõi tại phương Nam Tàu,
Muốn cho nước hắn mạnh giàu,
Hắn toan chiếm đất mở màu chúng ta.

Thục-vương làm kẻ Triệu-Đà,

Phải đành tự tận. Nước nhà ngoại xâm.
Triệu-Đà chiếm nước ta xong,
Nhập về đất hắn để làm nó lo.
Các nhà sử học thường cho
Cái nước mới ấy như trò nước ta.
Nhưng theo lẽ phải suy ra,
Thì nó là nước riêng nhà Triệu-công.
Dân kia khác giống, khác dòng,
Đem ta sáp nhập, để đồng hóa ta.
Nước Nam-Việt ấy, đất Trung-hoa,
Triệu-Đà tách khỏi để mà lập riêng.
Rồi đem Âu-lạc vào giềng,
Mà Âu-lạc lại mấy lần nhỏ hơn.
Bây giờ rõ biết nguồn cơn,
Tìm xét những chỗ giả chân trên này,
Thối thường lẽ phải như vầy :
Nước là thuộc của những người số
đông.
Ta là một quận nhỏ trong
Cái nước Nam - Việt mệnh mông
dân nhiều.
Làm sao số ít lại trèo
Đồi làm chúa tể số nhiều được nao.
Kể thời vong quốc đón đau,
Dân ta mất nước bắt đầu từ đây,



VỀ LỮ-GIA

Một khi nhận rằng dân ta mất nước bắt đầu từ lúc Triệu - Đà diệt Thục-An-Dương-vương, nhận nước Nam-Việt là nước riêng của họ Triệu, chẳng phải nước Tàu, cũng chẳng phải nước ta, thì quan trung úy thái phó, hay

(13) Đăng trong « Sóng Mới », loại sách giải trí người lớn, giáo dục trẻ em, năm 1956.

thừa tướng, hay tể tướng của nước Nam-Việt ấy có trung quân ái quốc đến đâu, thì quân ấy nào phải là vua của dân Việt, và quốc ấy nào phải là nước của nòi Việt.

Thế thì cho Lữ-Gia (14) là danh nhân nước Việt, là người yêu nước đầu tiên của giống Việt, phải chăng là một điều sai lầm lớn, mà bất cứ người Việt nào cũng tự cho có bổn phận phải cải chánh ?

Nhưng trước hết, chúng ta hãy sống lại thời ấy, để hiểu rõ những nhân vật chánh ở triều đình họ Triệu lúc suy vi, nhất là Lữ-Gia tể tướng :



« Lúc bấy giờ, Triệu-Ai-vương tuổi còn nhỏ, Cù-hậu là người Tàu, lại tư thông với Thiệu-Quý, người trong nước biết cả, phần nhiều tức giận.

« Cù-hậu sợ loạn, muốn dựa oai nhà Hán, thường khuyên Ai-vương và quần thần xin nội phụ nhà Hán. Nhân sứ nhà Hán sang, Cù-hậu và vua Ai-vương dâng thư xin liệt vào hàng chư hầu, ba năm một lần sang chầu, trừ khi có việc quan hệ ngoài biên thì không kè. Vua nhà Hán y cho, ban cho Ai-vương và thừa tướng là Lữ-Gia ấn bạc, và ấn các quan nội sử, trung úy thái phó ; còn các ấn chức quan khác được tự đặt lấy. Trừ tội kinh (chạm vào mặt rồi lấy mực bôi), tội tị (cắt mũi hoặc cắt chân) là tội cú của nước Nam, dùng phép nhà Hán cũng như các nước chư

hầu. Sứ giả nhà Hán ở lại trấn để trông nom. » (15)

« Tháng 11 năm kỷ-tị (112 trước Thiên-chúa) là năm thứ nhất đời Triệu-Ai-vương. Triệu-vương và thái-hậu sắm sửa hành trang và đem nhiều đồ quý báu làm lễ vào chầu vua nhà Hán.

Lúc bấy giờ tể tướng là Lữ-Gia, tuổi đã già, làm tướng ba triều vua, họ hàng làm quan và làm trưởng lại đến hơn 60 người, con trai đều lấy công chúa, con gái đều gả cho em họ hàng nhà vua, lại thông gia với Tần-vương ở Thương-ngô, trong nước rất trọng, người trong nước rất tin, phần nhiều làm nhĩ mục cho ông, được lòng dân hơn vua. » (16) Thường can vua chớ nội thuộc nhà Hán, nhưng vua không nghe. Vì thế ông sinh lòng phản, thường cáo bệnh, không ra mặt sứ giả nhà Hán. Sứ giả đều chú ý đến Lữ-Gia, nhưng không thể giết nòi.

« Ai-vương và Cù-hậu sợ bọn Lữ-Gia khởi sự trước, mới đặt tiệc rượu, mượn sứ giả nhà Hán quyền mưu giết bọn Lữ-Gia. Khi sứ giả uống rượu, các đại thần đều ngồi hầu ; sứ giả ngoảnh mặt phía đông, Cù-hậu ngoảnh mặt phía nam, Ai-vương ngoảnh mặt phía bắc, tể tướng là Lữ-Gia và đại thần đều ngoảnh mặt phía tây. Em Lữ-Gia làm đầu tướng vô đem quân đóng ngoài cung.

(14) Lữ, còn đọc là Lã.

(15) Ứng-Hoè Nguyễn-Văn-Tổ dịch « Khâm định Việt sử » « và Đại-Việt sử ký toàn thư ».

(16) Ứng-Hoè Nguyễn-Văn-Tổ chép theo « Đại-Việt sử ký tiền biên ».

NHÀ TRIỆU LÀ MỘT TRIỀU ĐẠI VIỆT?

« Đang khi uống rượu, Cù-hậu hỏi Lữ-Gia rằng. « Nước Nam-Việt nội thuộc Tàu là lợi cho nước : tướng quân không thuận là có sao ? » Hỏi thế để kích lòng giận của sứ giả nhà Hán. Sứ giả do dự, chưa dám khởi sự. Lữ-Gia thấy khác ý, liền đứng dậy đi ra. Cù-hậu giận toan lấy giáo đâm Lữ-Gia, nhưng Ai-vương ngăn được.

« Lữ-Gia đi về, chia quân của em đem về nhà, rồi cáo bệnh, không chịu ra mắt vua và sứ giả, ngầm mưu với các đại thần để khởi sự. Ai-vương vốn không có ý giết Lữ-Gia, Lữ-Gia biết, cho nên để đến vài tháng không khởi sự. Một mình Cù-hậu muốn giết Lữ-Gia, nhưng sức không làm nổi.

« (...) Vua Hán mới sai Hàn - Thiên-Thu cùng với em Cù-hậu là Cù-Nhạc (hoặc Lạc) đem 2.000 người vào cõi nước ta.

« Lữ-Gia bèn hạ lệnh rằng : « Vua còn nhỏ, thái hậu vốn người Tàu, lại cùng với sứ Tàu tư thông, chỉ muốn nội thuộc với Tàu, đem hết của báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để nịnh hót. Nhiều người Nam đi theo đến Tràn-an bị bán làm đầy tớ cho quân giặc. Chỉ lấy cái lợi một lúc, không đoái đến xã tắc họ Triệu, không có lo xa muôn đời ! » Rồi cùng với em đem quân đánh giết Ai-vương và Cù-hậu, giết hết sứ giả nhà Hán, sai người báo tin cho Triệu - vương ở Thương-ngô và các quận ấp, lập con trưởng của Triệu-Minh-vương là Kiến-Đức Vệ-Dương-hầu lên làm vua, tức

là Vệ - Dương - vương, con người vợ Nam-Việt. » (17)

Lữ-Gia ban đầu đánh giết được Hàn-Thiên-Thu, nhưng sau bị Dương-Bộc và Lộ-Bác-Đức đánh bại và cùng bị bắt với Dương-vương (năm canh-ngọ, 111 trước Tây-lịch)

Chúng ta thấy sử sách cũ không nói Lữ-Gia là người Hán hay người Âu-lạc, tức người Việt. Làm quan lớn tại triều trong ba đời vua liên tiếp, họ hàng đều làm quan, thông gia với vua một nước lân cận, eăm vận mệnh nước trong tay, đến được lòng dân hơn vua, thì chúng ta khó mà tin rằng người họ Lữ ấy lại là nòi Việt, là đồng bào chúng ta, là dân một nước bị họ Triệu chinh phục không bao lâu. Có tài cách mấy, cũng đóng vai « hàng thần lơ láo », chớ có đâu được chức tước ấy, được uy quyền ấy, vốn phải để cho người chánh quốc, người của « nước mẹ ».

Cho nên chúng ta có quyền lấy làm lạ khi nghe nhà khảo cổ Nguyễn-Văn-Tổ, cho biết sử cũ kể nhà Triệu là một triều vua nước ta, « có lẽ không thỏa », lại kết luận thế này, sau khi dịch truyện Triệu-Đà theo các sử cũ :

« Truyện dưới này có thể gọi là truyện **một người yêu nước thứ nhất của nước Nam (I)** vào khoảng hai nghìn năm về trước. Cứ theo tục truyền thì

(17) Ứng-Hoè Nguyễn-Văn-Tổ chép theo « Khâm-Định Việt sử và Đại Việt sử ký » toàn thư và tiền biên.

vị ái quốc thứ nhất là đức Đồng-Thiên-vương, nhưng truyện Đồng-Thiên là truyện thần tiên. Truyện ông Lữ-Gia mới thật là truyện lịch sử. (18)

Như thế, Ứng-Hồ tiên sinh có tự mâu thuẫn chăng ?

Chúng ta cũng nêu câu hỏi trên đây với bộ Quốc-gia Giáo-dục, vì chương trình Sử ở ban Trung-học đệ nhất cấp, lớp Đệ thất, thì : **Thuộc Triệu** mà, chương trình Sử ở ban Tiểu học, lớp ba, lại :

Kể chuyện danh nhân nước nhà :

1.— *Cậu bé đuổi giặc Ân : Phù-Đồng thiên-vương*

2.— **Tổ-quốc trên hết : Lữ-Gia (1)**

Ai mà tránh được câu hỏi : « Nước tổ mà Lữ-Gia đặt lên trên hết là nước của tổ tiên ai ? Chớ tổ tiên chúng ta, những người Việt của nước Âu-lạc bị họ Triệu xâm chiếm và sáp nhập vào nước họ, những người Việt thời ấy không đời nào xem nước Nam-Việt của họ Triệu là tổ quốc mình và đặt nó lên trên hết, và chắc rằng cũng chẳng nhận vị quan trọng với giang san họ Triệu là đồng bào mình. Mà tưởng người Việt ở thế kỷ XX là chúng ta giờ đây cũng thế, ví dầu chúng ta có những bằng chứng chắc chắn rằng kẻ bề tôi dám thí vua để cứu nước ấy là người Việt chánh tông di nữa, ngoài cái đèn thờ nào đó ở một nơi nào đó của miền Bắc nước Việt ta (19).

Bởi lẽ một người Việt mà nhờ hoặc tài ba, hoặc mưu mô, hoặc may mắn mà làm quan to nước người, rồi chết

vì tổ quốc của ai ai, thì đó là người vong quốc, như hạng Lí-Ông-Trọng, Khương-Công-Phụ, gốc Việt, song đem tài, trí, sức, lòng mình mà phụng sự những ai ai. mà những ai ai kia lại là những kẻ thù truyền kiếp của giống dòng mình, thì ai nỡ nào liệt đưa con hoang thuộc loại

« *Giáo vàng đem múc giếng tây,*

« *Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta* »

vào hạng danh nhân nước mình, cho là người ái quốc sáng suốt bậc nhất và trước nhất của giống nòi.

Huống hồ gì, rất có thể, Lữ-Gia là một người Hán, hoặc một người thuộc một dân tộc khác — chẳng phải dân tộc Việt — trong cái nước Nam-Việt khá lớn kia. Mà dù Lữ-Gia là người gì đi nữa, người Tàu chánh tông, người Tàu lai, người Việt, thì đó cũng vẫn là một ông quan của nước Tàu họ Triệu nổi lên chống lại nước Tàu họ Lưu, nước Tàu nhà Hán.

Thì ta cũng nên :

« *Cái gì của Trung-hoa thì trả lại cho Tàu* ». (20)

PHẠM-HOÀN-MỸ

Kỳ sau : Nhà Thục không phải là một đời vua Việt ?

(19) Đền ở làng Ước-lễ, tỉnh Hà-dòng.

(20) Tục ngữ trời Tây :

« *Của Thiên-Chúa trả về Thiên-Chúa,*

« *Của César trả lại César.* »

CÁI THẦN TRONG VĂN

NGUYỄN-HIẾN-LÊ



Một nhà văn Pháp, biệt hiệu là Criticus, viết bộ *Le Style au microscope* gồm ba cuốn để phân tích tỉ mỉ — như nhìn dưới kính hiển vi — những

chỗ hay và dở của các danh sĩ Pháp đương thời. Ông dành cuốn đầu cho các nhà văn đã có tên tuổi từ lâu, như A. Gide, Jules Romains, A. Maurois, Paul Valéry...; cuốn giữa cho những nhà mới nổi danh. Albert Camus, Simone de Beauvoir, Roger Peyrefitte..., cuốn cuối cho các nhà soạn kịch : Paul Claudel, Giraudoux, Sacha Guitry... Muốn tỏ rõ thiện chí và công tâm của mình, ông lấy đoạn đầu trong tác phẩm nổi danh nhất của mỗi nhà đó để phê bình, vì ông cho rằng đoạn đó thường được viết kỹ hơn hết.

Rồi ông xay, giã, mổ xẻ từ cách dùng mỗi chữ, mỗi dấu ngắt câu để tìm những

hạt cát, hạt bụi, và tất nhiên ông lượm được rất nhiều bụi cùng cát. Mười danh sĩ thì ông chê đến bảy, tám ; chẳng hạn Paul Claudel bị trách là làm ông thất vọng, Jean Giraudoux làm ông ngáp, còn Camus thì chỉ là một người viết ký sự hấp tấp, không đáng là một nghệ sĩ...

Phương pháp ấy có chỗ bồ ích : nhờ ông phân tích tỉ mỉ, ta thấy được công phu của những cây bút thận trọng, ta lại học được cách sửa văn, luyện văn. Nhưng chỉ dùng óc để xét văn như ông, thì tôi e rằng không sao thưởng thức được hết cái hay của văn ; vì văn có nhiều khi rất tế nhị, chỉ cảm được, chứ phân tích không được, hoặc nếu cố phân tích ra thì cái đẹp sẽ biến mất hết.

Ai yêu văn mà chẳng nhiều lần nhận rằng có những bài đọc lên thích thú lạ lùng, mà xét kỹ thì thấy trái hẳn với những quy tắc hành văn thông thường.

Jean Prévost trong cuốn *Baudelaire* (Mer-
cure de France) đã cho ta một thí dụ
rõ ràng. Ông viết :

« Giả thử Baudelaire đưa danh tác
Recueillement dưới đây cho một nhà phê
bình mê t'n những quy tắc cổ điển về
phép hành văn, như một Désiré Nisard, một
Gustave Lanson :

*Sois sage, ô ma Douleur, et tiens-toi
plus tranquille.*

Tu réclamaïs le Soir ; il descend ; le voici :

Une atmosphère enveloppe la ville,

*Aux uns portant la paix, aux autres
le souci.*

Pendant que des mortels la multitude vile,

*Sous le fouet du Plaisir, ce bourreau
sans merci,*

Va cueillir des remords dans la fête servile,

*Ma Douleur, donne-moi la main ; viens
par ici,*

*Loin d'eux. Vois se pencher les défuntes
Années,*

Sur les balcons du ciel, en robes surannées;

Surgir du fond des eaux le Regret souriant ;

*Le Soleil moribond s'endormir sous une
arche,*

*Et, comme un long linceul trainant à
l'Orient,*

*Entends ma chère, entends la douce
Nuit qui marche.*

(Hỡi em Đau khổ của tôi, em hãy
ngoan ngoãn và bình tĩnh hơn.

Em đợi Buổi chiều ; nó đương xuống ;
nó đây này :

Một không khí bao phủ châu thành,

Đem cho kẻ này sự an tĩnh, cho kẻ
khác sự lo lắng,

Trong khi đám đông hèn hạ là người trần,
Dưới ngọn roi của Khoái lạc, tên đao
phủ tàn nhẫn đó,

Đi hái những hốt hận trong đám hội
dê tiện,

Đau khổ của tôi ôi, em đưa tay tôi dắt ;
đây, đi lối này,

Xa họ đi. Này, em nhìn những năm
đã chết,

Bận áo cũ kỹ, nghiêng mình trên bao
lợn của trời ;

Nhìn Ân hận mỉm cười từ đáy nước
nhô lên ;

Nhìn mặt trời hấp hối, thêm thiếp một
nhịp cầu,

Và, em thân mến ơi, em hãy nghe,
nghe Đêm êm đềm bước,

Như một khăn liệm dài lê thê ở
phương Đông).

thì nhà phê bình tất sẽ bảo thi sĩ :

— Trong bài đó có nhiều hình ảnh
rất đẹp, nhưng biết bao chỗ vụng về,
biết bao chữ dư và ý điệp ! »

Lời phê bình đó rất đúng. Trong
câu đầu, hai chữ *sois sage* (em hãy
ngoan) hơi mơ hồ. Ngoan là ngoan
ra làm sao ? Phải chăng là không
được cựa cậy mà phải bình tĩnh hơn ?
Nếu vậy thì là dư ý.

Câu thứ nhì : *il descend* (nó đương
xuống) cũng dư nữa vì ở sau có chữ :
le voici (nó đây này).

Câu thứ ba rườm : có thứ không khí
(*atmosphère*) nào mà không bao phủ
châu thành, dầu là không khí buổi
sáng hay buổi chiều ?

Trong câu thứ tư, chữ *portant* (đem) nghe nặng lắm.

Câu thứ năm cũng thừa chữ *mortels* (người trần) vì đám đông hèn hạ thì tất nhiên không phải là đám tiên thánh rồi. Lại thêm *mortels* là một tiếng sáo.

Trong câu thứ sáu, chữ *bourreau* (dao phủ) ích lợi gì? Đã bảo rằng thần *Khoái* lạc tàn nhẫn quất người ta, thì đọc giả đủ hiểu nó là một dao phủ rồi.

Câu thứ bảy chứa một hình ảnh vụng : hái hối hận (*cueillir des remords*) thì phải là hái ở cây chứ sao lại hái trong đám hội đề tiện? Và lại ý đó cũng hơi yếu.

Hai chữ *ma Douleur* (Đau khổ của tôi) ở câu sau là điệp.

Trong câu thứ chín, bạn thử xét hai chữ *Loin d'eux* (Xa họ đi) có phải là dư không? vì câu trên đã nói : « đây, đi lối này », nghĩa là đi xa đám đông hèn hạ đó. Những động từ *se pencher* (nghiêng miêng) *surgir* (nhô lên), *s'endormir* (ngủ) đều làm cho giọng thơ nặng nề.

Hai chữ *défunes Années* (những Năm đã chết) bi thảm quá, làm mất vẻ đẹp của những bộ áo cũ kỹ (*robes surannées*) ở câu thứ mười.

Câu này hồng lớn : *surgir du fond des eaux* (từ đáy nước nhô lên) năm chữ để diễn một ý trong khi chỉ một chữ *émerger* cũng đủ.

Chữ *Regret* (câu mười một) viết hoa thì cho hối hận là một vị thần,

như vậy hơi trừu tượng, nên dễ chữ thường thì hơn.

Hình ảnh trong câu mười hai : *le soleil moribond s'endormir* (mặt trời hấp hối thêm thiếp) cũng quá bi thảm; mà sao không viết là *s'endort* cho lời văn nhẹ nhàng hơn?

Câu mười ba : chữ *long* (dài) là thừa vì khăn liệm đã lê thê (*trainant*) thì tất nhiên phải dài.

Sau cùng, trong câu cuối, hai chữ *ma chère* (em thân mến) hơi suồng sã. Mà lặp lại làm chi chữ *entends* (nghe) cho mất nhạc của thơ đi (bốn lần âm *en*).

Đó theo ý những nhà phê bình chê cái tác làm tư thì Baudelaire mắc những lời nặng như vậy; mà muốn sửa lại cả bài cũng không khó : ta vẫn có thể giữ đủ ý, đủ hình ảnh mà lời rút đi được một phần ba, nhẹ nhàng hơn nhiều. Jean Prévost đã thử thay các nhà phê bình cổ điển đó mà sửa như vậy :

*Ma Douleur, tiens-toi plus tranquille,
Tu voulais le Soir ; le voici :
L'air obscur verse sur la ville
Plus de paix ou plus de souci*

*Cependant que la foule vile
Que fouette un plaisir sans merci.
S'écœure à la fête servile,
Prends-moi la main ; viens par ici.*

*Aux balcons du ciel, mainte année
Se penche en robe surannée ;
Émerge un regret souriant ;
Le soleil s'endort contre une arche ;*

CÁI THẦN TRONG VĂN

*Un linceul traine à l'Orient ;
Entends la douce Nuit qui marche.*

(Hỡi đau khổ của tôi, em hãy bình
tĩnh hơn

Em muốn Buổi chiều ; nó đây :
Không khí tối tăm giội lên châu thành
Nhiều an tĩnh hơn hay nhiều lo lắng hơn.

Trong khi đám đông hèn hạ
Mà một khoái lạc tàn nhẫn quất,
Nôn ruột trong đám hội đê tiện
Em nắm lấy tay tôi ; đây, đi lối này.

Trên bao lơn của trời, những năm qua
Nghiêng mình trong bộ áo cũ kỹ ;
Một sự ân hận mỉm cười hiện lên ;

Mặt trời dựa vào một nhịp cầu ngủ ;
Một khăn liệm lê thê ở phương Đông :
Em hãy nghe Đêm êm đềm bước.

Quả là gọn gàng mà không vết,
nhưng còn đâu cái giọng buồn man mác
nó chầm chậm thấm vào tâm hồn ta
nữa ? Còn đâu cái vẻ khoan thai của
mặt trời lặng trên sông ? Còn đâu cái
dáng lướt thướt của đêm tối ? Và còn
đâu cái nhạc du dương trong câu :

*Et, comme un long linceul trainant
à l'Orien*

Câu chuyện sửa thơ đó làm tôi nhớ
một danh sĩ Việt - Nam cũng đã có lần
sửa một bài thơ Đường. Danh sĩ đó
là cụ Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa và bài
thơ Đường đó như sau :

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn.*

BÁCH KHOA — 30

*Tá vấn tửu gia hà xứ thị ?
Mục đồng dao chỉ Hạnh hoa thôn.
(Tiết Thanh minh, trời mưa phùn phất phất
Người đi trên đường rét muốn dứt hồn.
Uớm hỏi nhà bán rượu ở đâu ?
Em bé mục đồng chỉ ở thôn Hạnh hoa).*

Cụ Thủ-khoa chế câu đầu dư hai chữ
thanh minh, vì trời mưa phùn phất
phất là tiết thanh minh rồi (!)

Câu thứ nhì, hai chữ lộ thượng
cũng phải bỏ vì người đi thì là đi
trên đường rồi chứ còn đi ở đâu nữa ?

Câu thứ ba đã là một câu hỏi thì
đề làm chi hai chữ tá vấn ?

Còn câu thứ tư thì cho ai trả lời mà
không được, cứ gì phải là một mục đồng ?

Rồi cụ sửa :

*Thời tiết vũ phân phân,
Hành nhân dục đoạn hồn
Tửu gia hà xứ thị ?
Dao chỉ Hạnh hoa thôn (1)*

Bạn có thấy bài thơ đã mất già nửa
phần duyên dáng, hóa ra khô khan,
không còn gợi tình, gợi cảnh nữa
không ? Tôi có cảm tưởng như ai
đó đã đem một chiếc áo dài thướt
tha của phụ nữ cắt cụt lên đến quá
đầu gối.

Vậy, trong văn thơ, nhiều chỗ, khi
phân tích ra, người ta cho là lỗi, là
vụng, lại chính là những chỗ làm
tăng giá trị nghệ thuật lên.

(1) Tài liệu trong cuốn *Giải thoát văn chương*
Việt-Nam của Thái-Bạch (Sống-Mới xuất bản).

Chúng ta ai không tấm tắc khen hai câu thơ bất hủ của A. de Musset :

*Les plus désespérés sont les chants les plus beaux,
Et j'en connais d'immortels qui sont de purs sanglots.*

Nhưng Paul Valéry lại bảo không hiểu nổi nó, vì làm sao một tiếng nức nở lại có thể là một lời ca được ? Lời ca thì có âm điệu, nhịp nhàng, còn tiếng nức nở có nhạc gì đâu ?

Ông còn bắt bẻ câu :

J'aime la majesté des souffrances humaines
của A. de Vigny là vô nghĩa, vì sự đau khổ làm gì có cái vẻ tôn nghiêm ? Thì đúng vậy. Nhưng chúng ta vẫn thấy hai chữ *majesté* và *souffrances* đặt liền nhau thành một hòa hợp rất cao nhã và gợi ý.

Cái phân tích theo lối của Criticus thì câu :

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
của bà Huyện Thanh-Quan cũng đáng sỗ toẹt. Hí trường là trường chơi đùa, là nơi chơi đùa. Vậy nói *cuộc hí trường* có khác chi nói *cuộc nơi chơi đùa*, *cuộc trường chơi đùa* không, nghe sao được ? Nhưng nếu xét kỹ hơn một chút, ta sẽ thấy chỗ dụng ý của nữ sĩ, hạ chữ *cuộc* cho câu thơ thêm nghĩa. *Cuộc hí trường* không phải là *cuộc trường chơi đùa* mà là những cuộc thay đổi mau chóng y như trên một hí trường. Thử dời chữ *cuộc* ra chữ *cảnh*, câu thơ sẽ non đi một bậc.

Tản - Đà, trong một bài tả thu, đã hạ được một câu tuyệt hay :

Cỏ vàng cây đỏ, bóng tà tà dương.

Hay ở bốn chữ *bóng tà tà dương* mà nhạc cực kỳ êm đềm, thanh thoát, gợi cho ta cảnh mặt trời từ từ hạ trên một dòng nước bao la. Nhưng xin bạn thử phân tích tự loại của ba chữ *tà tà dương* xem có được không. Nếu thi sĩ viết *bóng dương tà tà* phân tích không khó. Còn viết *bóng tà tà dương* thì một trong hai chữ *dương* và *tà* phải dư ; nếu không vậy nữa thì chữ *dương* đã đặt sai chỗ. Lỗi đó rất nặng, phải không bạn ? Nhưng chính nó đã làm nổi câu thơ, và phải có thiên tài mới hạ được chữ *dương* lơ lửng ở sau hai chữ *tà tà* đó. Chỉ nghe nhạc trong câu, bạn cũng tưởng tượng được vùng thái dương chậm chậm hạ xuống, như ngập ngừng khi gần tới chân trời.

Thi nhân phương Đông cũng như phương Tây vẫn có quyền dùng chữ một cách phóng túng như vậy ; miễn hình ảnh, âm nhạc gây được nhiều cảm xúc là đáng cho ta khen rồi, chứ cứ lấy những quy tắc của văn phạm hoặc lý luận mà bắt bẻ thì mắc tật câu nệ mất.

Trên nửa thế kỷ nay, ai cũng phục bài tả cảnh *Hương Sơn* của *Chu-mạnh-Trình* :

*Bầu trời cảnh bụi,
Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động hỏi rằng đây có phải ?
Thỏ thẻ rừng mai chim cùng trái,
Lững lờ khe yên cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kình,*

Khách tang hải giạt mình trong giấc
mộng.
Nầy suốt Giải oan, nầy chùa Cửa
võng,
Nầy am Phật tích, nầy động Tuyết
quỳnh.
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng
nguyệt,
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây.
Chừng giang san còn đợi ai đây ?
Hay Tào hóa sẽ ra tay sắp đặt ?
Lần tràng hạt niệm : Nam vô Phật !
Cửa từ bi công đức biết là bao.
Càng trông phong cảnh càng yêu.

Nếu phân tích ra để bắt bẻ, thì ta có thể hỏi bài đó làm theo thể vịnh hay thể tức cảnh. Cứ xét những câu :

Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động, hỏi rằng đây có phải ?
và

Nầy suốt Giải oan, nầy chùa Cửa võng,
Nầy am Phật tích, nầy động Tuyết
quỳnh
thì quả là tức cảnh rồi, nhưng bảo là tức cảnh thì cảnh đó, tác giả đã ngắm vào lúc nào ? Ngày hay đêm ? Ngày ư ? Thì sao lại có :

Thăm thẳm một hang lồng bóng
nguyệt.

Vậy là đêm chăng ? Đêm thì sao lại nghe được tiếng chim thỏ thẻ, thấy cá lừng lờ và nhìn được màu đá long lanh như gấm dệt ?

Xét theo những luật làm thơ đặt ra từ đời Đường theo phép tắc làm

thơ của các cử tử hồi xưa thì bài đó phải đánh liệt, chứ đừng nói là tạm được nữa. Vậy mà nó vẫn được truyền tụng, vì phần đông những người yêu thơ chỉ đòi hỏi ở thơ mỗi một điều quan trọng này là gọi được cái đẹp, mà bài của Chu-mạnh-Trinh nhạc đã hoà nhã, ảnh lại rực rỡ, cho nên cái lỗi vừa vịnh vừa tức cảnh có thể tha thứ được.

Trong bộ *Luyện văn*, tôi đã trích dẫn bài *Đây mùa thu tới* của Xuân-Diệu, một bài mà phái tân học rất thích vì nó chứa nhiều ý mới mẻ, và gây được cái buồn mơ mộng hợp với tâm hồn chúng ta hơn cái buồn « cồ điền » trong các bài vịnh thu của Trương - Phổ hay Tản - Đà. Ngâm bài của Xuân - Diệu lên, ai không thấy một mối băng khuâng vơ vẩn như xâm chiếm cả cõi lòng, nhưng đem đặt nó dưới « kính hiển vi » của Criticus thì biết bao sạn, cát sẽ hiện lên : trước hết ta có thể trách tác giả vừa vịnh mà vừa tức cảnh như Chu-mạnh-Trinh ; lại thêm những chữ cầu kỳ : hơn một loài hoa đã rụng cành ; hoặc rờm rà : đã khô gãy lại còn xương mỏng manh (Đôi nhánh khô gãy xương mỏng manh.) Dưới đây, tôi xin chép lại trọn bài để những bạn không thuộc nó phân tích rồi suy ngẫm :

Đây mùa thu tới

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.
Đây, mùa thu tới, mùa thu tới,
Với áo mơ phai dệt lá vàng.
Hơn một loài hoa đã rụng cành,

Trong vườn sắc đỏ vừa màu xanh.
Những luồng rún rầy rung rinh lá,
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng
manh.

Thình thoảng nàng trăng tự ngàn
ngor,

Non xa khỏi sự, nhạt sương mờ.

Đã nghe rét mướt luồn trong gió,

Đã vắng người sang những chuyến
dò.

Mây vẫn từng không chim bay đi,

Khi trời u uất hận chia ly.

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói,

Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì.

(Thơ Thơ)

Có khi một bài thơ không có lỗi
mà chỉ rán phân tích để hiểu cái
đẹp, thì ta cũng thấy kém đẹp đi
nữa. Tôi nhớ lần đầu tiên đọc bài
Xuân giang hoa nguyệt dạ của
Trương-nhược-Hư (một thi sĩ thời Sơ-
Đường) thì trong phòng viết của tôi
như tràn ngập những trăng cùng
nước, những nước cùng trăng. Trần-
trọng-Kim đã dịch bài đó như sau :

Đêm xuân cảnh trăng hoa trên sông

Sông liền biển nước sông đầy dẫy,

Trăng mọc cùng triều dậy trên khơi.

Trăng theo muôn dặm nước trôi,

Chỗ nào có nước là trời không trăng ?

Dòng sông lượn quanh rừng thẳm
ngát,

Trăng soi hoa, trăng loát một màu.

Trên không nào thấy sương đâu,

Trắng phau bãi cát, ngó hầu như
không.

Không mấy bụi, trời sông một sắc,

Một vầng trắng vằng vặc giữa trời,

Trăng sông thấy trước là ai,

Đầu tiên trăng mới soi người nằm
nao ?

Người sinh hóa kiếp nào cũng tận,

Năm lại năm, trăng vẫn thế hoài.

Trăng sông nào biết soi ai,

Dưới sông chỉ thấy trăng soi giữa
dòng.

Mảnh mây bạc bông lông đi mãi,

Rừng phong xanh trên bãi gọi sầu,

Thuyền ai lơ lửng đêm thâu,

Trong lầu minh nguyệt chỗ nào tương
tư ?

Trên lầu nọ trăng như có ý,

Vào đài trăng trêu cảnh sinh ly,

Trong rèm cuốn cũng không đi,

Trên chày đập áo, phải thì vẫn
nguyên.

Mong nhau mãi mà tin bất mãi,

Muốn theo trăng đi đến cạnh người,

Nhạn bay trăng cứ đứng hoài,

Cá rồng nổi lặn, nước trôi thấy nào,

Đêm trước thấy chiêm bao hoa rụng,

Thương quê người chiếc bóng nửa
xuân.

Nước sông trôi hết xuân dần,

Trăng sông cũng lại, xế lần sang tây.

Trăng xế thấp chìm ngay xuống bể,

Cách núi sông, xa kè đường bao.

Cõi trăng về, ấy người nào ?

Cây sông trăng lặn, nao nao mỗi
lình.

(Đường thi)

Câu nào cũng lóng lánh ánh trăng
và ánh nước, thực lung linh, huyền
ảo. Nhưng vài năm sau, đọc một bài

phê bình trong đó tác giả đã tấn công tóm tắt từng đoạn rồi phân tích những chỗ hay thì lạ quá, tấm màn càng vén lên bao nhiêu, cái đẹp càng lặn đi bấy nhiêu, mà những hứng thú của tôi lần trước tiêu tan hết.

Là vì cái đẹp trong văn thơ không phải chỉ ở chỗ hình thức có thể thấy được, phân tích được, mà còn ở một cái gì tế nhị hơn, nó ẩn sau hình thức đó hoặc thoát ra khỏi hình thức đó, chỉ có thể cảm được, chứ không giảng được, cái mà tôi gọi là *thần* của văn.

Có những người đàn bà ta mới thấy mặt lần đầu đã mến ngay ở nét mặt cùng dáng điệu của họ tỏa ra một cái gì rất quyến rũ, làm ta vui

vẻ, phơi phới trong lòng, nhưng khi nhìn kỹ ta nhận thấy không có nét gì đẹp hoặc có vài nét xấu : gò má hơi cao, nước da hơi tối, hay là tóc không mượt mà răng không đều. Những người đó, ta gọi là có duyên. Cái duyên của phụ nữ là cái thần của họ vậy, mà cái thần trong văn tức là cái duyên của văn. Văn miễn là có thần thì làm cho độc giả quên được những quy tắc về kỹ thuật, cũng như đàn bà có duyên có thể không cần có đủ những vẻ đẹp công thức.

Cho nên khi thưởng thức cái đẹp trong văn, cũng như khi ngắm vẻ đẹp của phụ nữ, cảm tưởng đầu tiên vẫn là quan trọng nhất, mà muốn cho cảm tưởng đó đúng thì phải để lòng mình cảm thông với nghệ sĩ, đừng cho những quy tắc nặng nề của lý trí đè lên những dây đàn của trái tim, mà làm nó khó rung động. Trong nghệ thuật cũng như ở ngoài đời, phân tích văn là cần, nhưng nếu phân tích tỉ mỉ quá thì có hại. Những kẻ sung sướng nhất là những kẻ lý luận ít mà cảm xúc mạnh. Bạn cứ hỏi trái tim bạn, hạnh phúc ở đó mà cái đẹp cũng ở đó.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— **Họ lập nên SỰ NGHIỆP cách nào ?** » của Ông Nguyễn-hiến-Lê dịch thuật, gồm có 25 tiểu sử các danh nhân Âu - Mỹ trong mọi giới, do tác giả gửi tặng.

— « Một gia đình », Tiểu thuyết **Nhất Gia** của Từ-Vu do Ông **Vi - Huyền - Đặc** dịch, nhà xuất bản Nguyễn-Thế gửi tặng. Chúng tôi trân trọng cảm ơn ông Nguyễn-hiến-Lê nhà xuất bản Nguyễn-Thế và xin ân cần giới thiệu với bạn đọc thân mến.



MỘNG VÀ THỰC CỦA KHOA HỌC

KIM - Y

« Sự kiện lạ lùng nhất của thế kỷ » một tờ báo đã nêu lên dòng chữ ấy đề chỉ quả cầu tròn, bắn lên từ một cánh đồng Nga - xô, ngày 4 tháng 10 vừa rồi, và quả cầu ấy đã quay chung quanh trái đất, phát lên những tiếng « bíp bíp » vô cùng tận mà tất cả những kẻ hiếu kỳ đều muốn ghi âm.

Phải, đó là một sự trạng vĩ đại của thế kỷ chúng ta và những hậu quả của nó trong mọi lĩnh vực đều đi xa, xa lắm tất cả những gì mà chúng ta có thể dự đoán và tưởng tượng : vệ tinh ấy báo hiệu một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên liên hành tinh, cống hiến đột ngột cho con người một trận địa hoạt động vô cùng mới mẻ và kỳ lạ.

Chúng ta không chối cãi điều đó. Đành rằng sự kiện ấy vĩ đại thực, vì những sự việc về phương diện tinh thần và vật chất nó đã biểu hiện được, vì bây giờ con người có thể xử dụng được những « viện nghiên cứu bay » lơ lửng trên muôn vạn tầng mây để sưu tầm bao kiến thức trong cõi vô hình, vô khí mà mới ngày hôm qua đây,

họ rất mệt mỏi. Và do đó, chúng ta thu nhận được bao nhiêu điều bổ ích căn bản cho thiên văn học, cho vô tuyến viễn thông chẳng hạn.

Nhưng điều vĩ đại nhất của vệ tinh có lẽ chính là những điều nó hứa hẹn cho ta biết, nhờ những phát minh khác hoàn bị hơn của ngày mai mà khoa học ngày nay đã sáng tạo ra nó.

Với một vận tốc 8 km giây là đủ để bắn được một tiểu nguyệt thì chỉ cần một vận tốc 11 km 2 giây là được rồi để đưa một vật lên Cung trăng, Hỏa tinh hay Kim tinh.

Những khoảng cách vô cùng tận giữa đất, trời, sao, trăng không có nghĩa gì khi người ta đã ihoát khỏi sức hút của quả đất và áp lực hấp dẫn xoay tròn.

Nói một cách khác, nếu vào khoảng 1945, người ta mới thực hiện được những vận tốc 2 km giây thì rõ bây giờ và ngày sau, cứ cái đà ấy, với những tiến bộ vô cùng của khoa học, việc bay lên các thế giới chỉ là vấn

đề của năm, tháng. Một chương mới vĩ đại của lịch trình khoa học sẽ trình trọng mở ra và con người sẽ làm một cuộc du hành gần gũi, mang kỹ nghệ, máy móc, kỹ thuật họ đến các thế giới xa lạ khác mà sinh sống.

Và ai bây giờ nhận thức và thấu triệt được những vấn đề độc đáo nan giải về mọi lĩnh vực sẽ đặt ra trước mắt nhân loại ngày mai, với kỳ công của con người ?

VỆ TINH NHÂN TẠO

Vệ tinh Xi-pút-ních

Trọng lượng : 83 kilo

Đường kính : 58 cm

Khí cụ mang theo : 1 máy vô tuyến phát âm bằng giọng la bémol các âm hiệu « bip, bip, bip ».

Vận tốc : 7 km 9 mỗi giây.

Quỹ đạo : theo một đường giống hình tròn bay cách không trung 900 km, chạy xung quanh quả đất trong 1 giờ 30.

Máy bắn vệ tinh : Do một hỏa tiễn trên lục địa không lồ T-45.

Thời gian bay trong không trung : Vô định. Đời sống của nó tùy thuộc một biến cố như đời một hành tinh.

Công dụng : tiên báo cho con người biết những sự phát minh khác trong tương lai : làm thế nào sáng chế được những khí cụ bay giữa không gian liên hành tinh và do đó, bay đến Mặt trăng, Hỏa tinh và Kim tinh được.

Theo tạp chí *Témoignage Chrétien* số 692-11-57

Cái tâm con người với vệ tinh nhân tạo

« Cái tâm con người không vì thế mà biến đổi ». Cái tin động trời ấy nở ra như một

quả bom : con người không còn sống gần cứng trên quả đất nữa. Những điều tiên đoán khá hoang đường, cách đây bao năm, như trong một tiểu thuyết của nhà văn sĩ Jules Verne, bây giờ đã thành sự thực.

Hãy hân hoan thu nhận sự đắc thắng vinh quang của trí óc con người, trước những tiến bộ khá vĩ đại thực hiện được trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, nhưng chúng ta đừng để tâm hồn nông nổi cuồng nhiệt trôi bình bồng vô định trên cái mênh mông, trống rỗng được phóng đại ra của một luồng tư tưởng đầy một tinh thần khoa học duy vật thấp hèn mà sự xuất hiện của vệ tinh nhân tạo đã gieo rắc vào trí óc mọi người.

Trên mặt báo chí từ Đông qua Tây, chỉ thấy độc một tiếng reo vang :

« Chúng ta sẽ lên Cung Trăng »

Lên cung trăng, trời ! bây giờ lại thực hiện được giấc mơ cũ kỹ từ ngàn xưa mà người ta đã ru chúng ta từ thuở nhỏ. Còn sau đó, chúng ta được những gì ? Những tương quan giữa người và người, thái độ đối với nhau không do đó mà biến đổi chút nào : con người vẫn tiếp tục thương yêu, ghen ghét, đau khổ và vui sướng như từ trước.

Nếu vệ tinh cho chúng ta biết rõ bao nhiêu điều chúng ta còn mù đến ngày nay thì than ôi ! nó không đem đến chút quyền lực nào để biến đổi cái tâm con người !

Nó chỉ gây một mãnh lực hấp dẫn, quyến rũ một số quần chúng khát khao đến cực độ được thoát ly những biên giới quá chật hẹp của Quả Đất bé nhỏ này thôi !

Tuyệt nhiên nó không đem lại một giải đáp nào ổn thoả cho Bí Mật của cuộc Sống.

Tương lai sẽ cho ta thấy nhiều hơn là một vệ tinh Xi-pút-ních.

Những hậu quả chính trị

Có lẽ bao nhiêu người đã tự mình nghe rõ những tiếng ấy, nếu máy thu âm của các bạn thu nhận được những làn sóng điện trên 15 thước. Không có gì lạ cả, ngoài một tiếng « bip, bip, bip » ngân dài trong vô cùng tận. Và những âm thanh kỳ dị ấy đến với chúng ta từ một thế giới không phải hay chưa phải là thế giới của con người. Báo chí Nga-sô loan tin ấy, một sớm mai thứ bảy, rất vắn tắt và thanh đạm.

Nhưng rồi qua ngày hôm sau, vắn báo-giới ấy vênh váo ca tụng sự đắc thắng bằng những tit lớn và những cột báo dày đặc chữ : « Vệ tinh đầu tiên được sáng chế ở Nga-sô. Giấc

mơ xưa cũ nhất của Nhân loại đã thành sự thực », và họ không còn lý do gì để giữ một sự im lặng đầy khiêm nhường, từ tốn.

Chúng ta hãy đề cho những người khác có thẩm quyền trình bày phương diện thuần túy khoa học của sự việc. Nhưng sự thực hiện ấy đầu chưa hoàn toàn đã gieo một sự xáo trộn, một tác động sâu sắc trong tâm trạng của mọi người, đồng thời của chúng ta, mà không một nhà xã hội học nào có thể bỏ qua được.

Chỉ cần nghe những dư luận sôi nổi thu lượm được gần đây trên khắp thế giới. Những nước đua tài đối phương, nghe tin hơi lộ vẻ lo lắng nhưng vẫn thán phục sự phát minh với một tinh thần « thượng võ ». Những kẻ ngoại cuộc vui mừng, hân hoan và một nhật báo của Nasser đã kêu lên ; « À ! chúng ta quả đã có lý để liên minh với Nga-sô ». Điều rõ ràng và không ai không thấy là trong những tuần sau đó, nền ngoại giao Nga-sô tìm mọi cách khai thác đến tột cùng sự thắng lợi khoa học ấy. Hiện tại, vị trí của họ đã được củng cố trong những cuộc hội thương về tài binh. Cứ ý họ tưởng thì khi họ bắt được vệ tinh nhân tạo, họ đã có hỏa tiễn trên lục địa rồi và ít nữa, họ thăm nghĩ trên lĩnh vực này họ đã đi trước Huê-kỳ. « Xi-pút-ních » cho họ cái thể để ăn nói trên chính trường quốc tế và có thể đem lại cho họ phần nào cái uy thế trong cuộc chiến tranh nguội hiện nay.

Nhưng hãy khoan ! Sự kiện khoa học « động trời » vừa rồi làm ta phải suy nghĩ nhiều về một chiều hướng khác, thâm trầm và xác đáng hơn :

— Quốc gia đã sáng tạo trước nhất vệ tinh ấy lại cũng là quê hương của một phi cơ vận tải tối tân đầu tiên trên thế giới, chiếc « Tu - 104 » và với cái đà đó, bằng vài công trình khoa học khác, ý chừng nước ấy muốn đi tiên phong về mọi phương diện ?

Hãy thông thả, không dễ gì đâu ! Muốn được như thế, phải có đầy đủ bao nhiêu khả năng, phương tiện, chuyên viên, tài nguyên máy móc, tất cả những điều kiện ấy một nước khởi sơ dân đầu trong bất kỳ một công cuộc nào không dễ gì có trọn vẹn được.

Và có biết bao nhiêu người tuy đã nghiên cứu bằng cặp mắt rất khách quan, đã thấy rõ những nhược điểm yếu hèn trong nền kinh tế Nga-sô, cũng đã bỏ qua phần rất cụ thể và căn yếu trong thực trạng đời sống Liên-xô hiện tại.

Chúng ta cũng không thể dễ lờ cuồn bởi sự thành công tạm thời của Nga-sô về phương diện khoa học mà sao lãng phần còn lại khá quan trọng của vấn đề.

Nên biết rằng quốc gia đầu tiên đã sáng chế ra được chiếc máy bay với vận tốc là 950 km giờ, than ôi ! chưa làm thế nào để đẩy mạnh những

chiếc tàu hỏa của họ tiến nhanh hơn tốc độ hiện tại là từ 50 đến 60 km một giờ. Người Nga-sô đều có chung tất cả cái vệ tinh nhân tạo đầu tiên ấy, nhưng rất ít người trong bọn họ, có được một chiếc ô tô cá nhân. Quốc gia ấy có những trung tâm nghiên cứu, phát minh khoa học đáng chú ý, nhưng lại thiếu nhà cho dân chúng ở. Nga-sô đã và vẫn còn là một nước mà thực trạng sinh hoạt gồm toàn mâu thuẫn lạ lùng. Điều cực kỳ tối tân vẫn chung đụng lẫn lộn với tình trạng lạc hậu, trong thời đại cở sơ của xã hội loài người.

— Những sự hy sinh về mọi mặt mà dân chúng bắt buộc phải sống để cống hiến cho sự phát minh khoa học vừa rồi liệu có được đền bù lại xứng đáng bằng hậu quả của thành tích ấy ?

Nếu ở vài phương diện, khách quan mà xét, Ngô-sô từ một nước hậu tiến vào khoảng 1914, ngày nay đã trở thành một cường quốc, thì chính cũng do dân chúng họ bị bắt ép, sống thất lưng, buộc bụng đến vô cùng kham khổ. Họ đã trải qua những cơn đói kém khủng khiếp, nhưng mặc dù thế, các người lãnh đạo của họ đã dùng cường quyền, bạo lực để đẩy họ tiến lên.

Và bình tĩnh mà nhận xét, chính cũng do điểm ấy ta nhận thức được sự thắng lợi của Huê-kỳ mà bề ngoài ta lầm tưởng họ đã sút nước. Có nghiên cứu khách quan mới thấy rõ.

Huê-kỳ đã dẫn đầu trên lĩnh vực khoa học và rồi đây họ cũng

sẽ có vệ tinh nhân tạo của họ. Họ không đề cách biệt Nga - xô và đến mức thành công ấy, nào họ có phải thất lưng, cột bụng, đành lòng h/ sinh đại đa số dân chúng, và nào họ có phải dùng độc tài và bạo lực đến phải chà đạp những tự do thiêng liêng của con người. Nga-sô chỉ bằng Huê-kỳ khi nào họ thực hiện được khẩu hiệu của Kút-xép : « Làm thế nào cho bằng được Huê-kỳ về sự sản xuất để nâng cao mức sống từ mỗi đầu người ».

Và sau khi đã chinh phục không trung rồi, tất cả dân Nga-sô than ôi ! mới hiểu tuy muợn mạng nhưng rất thâm trầm rằng LÝ TƯỞNG TỰ DO là một trong những công trình chinh phục tốt đẹp nhất của con người, hơn cả vệ tinh nhân tạo và gì gì nữa vậy.

Theo Bernard Féron

trong *Témoignage Chrétien* số 692

11-10-57

KIM-Ý

ĐÍNH CHÁNH

Bài « Nguyễn-nhược-Pháp » đăng số 22 :

— trang 26 cột 2, dòng 7 : « trích quá hai bài thơ », xin sửa lại... ba bài thơ...

— trang 30, cột 1, dòng 22 : « cây xiên » xin sửa : « cây xiêu ».

— trang 31, cột 2, dòng 1 : « thoàng », xin sửa : « thoáng ».

— trang 32, cột 1, dòng 3 : « dễ tưởng » xin sửa : « thề tưởng ».

— trang 33, cột 1, dòng 28 : « ca thành thót », xin sửa « ca thánh thót ».

— trang 35, cột 1, dòng 9 : « càng cua » xin đọc « cang cua ».

— trang 35, cột 2, dòng 30 : « cuộc đời dễ ghét » xin sửa : « cuộc đời thường dễ ghét ».

— trang 36, cột 1, dòng 12 « có phai » xin sửa « có pha ».

— trang 37, cột 1, bài thơ *Đi cống* », khổ 3, câu 3 : « Hai bên hai long vàng che nắng », xin sửa « Hai bên hai lọng vàng che nắng ».

★ CÁI chuông sỏ dĩ kêu là vì đã từng phải qua lửa.

RÉNÉ BAZIN

★ KỂ biết chịu khổ, dám làm hết mọi việc.

VAUVENARGNES

★ TÂM chí chưa phải cay đắng, hoạn nạn chưa từng trải qua, thì trí khôn chậm và đảm lược non.

HỒ-LÂM-DỤC

PHÂN ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HỌC

BÌNH DAN TRONG VĂN HỌC BẮC HỌC

hay là

NGUỒN VĂN LIỆU

của TRINH-THỦ và KIM-VÂN-KIỀU

Thuần-Phong

(Tiếp theo)

Nguyễn-Huy-Tự (1), trong Hoa Tiên :

— Tiên nào ban nãy xuống đây ?

Quyển hồn khôn, vía dạt nầy đi đâu ?

Thành ngữ :

Hồn khôn, vía dạt.

— Đào trên mây, hạnh trên trời.

Nghĩ chi cho nát dạ người như tương ?

Thành ngữ :

Nát như tương

— Dần dà ông mới hỏi sinh :

Bấy lâu đã lọt tên bình đâu chưa ?

Ví phường vãi :

Gặp nhau xin hỏi sự duyên :

Tước bình chàng đã thấu tên chẳng là ?

— Càng thêm quẩn chỉ xe tơ,

Đã đành cá nước duyên ưa một nhà.

Ví đồ đưa :

a) May chi kim chỉ thành đôi,

May chi số gặp được nơi thanh nhàn.

b) May chi cá nước duyên ưa,

Được nường mới thỏa sớm trưa
trong lòng.

— Éo le ai dám độc đường.

Tiểu thay thân cái đã trường lương công.

Ca dao :

Dã tràng dãi lằm con ơ !

(1) Nguyễn-tất-Thứ, Tiên thuyết thứ bảy,
Nguyệt san, tháng 6-1944.

Luống công xe cát, sóng dôi lại tan.
— Nghĩ lòng dù chẳng quyết công,
Cấm sào đợi nước chờ trong được nào.

Ca dao :

Sông sâu nước đục lờ đờ,
Cấm sào đợi nước bao giờ cho trong.
— Sinh rằng chút nghĩa tương giao,
Chưa vui sum họp nỡ nào chia phôi.

Ví phường vải :

Trách con gà gáy vô tình :
Chưa vui sum họp đã đành chia phôi.
— Tình kia nào phụ chi duyên,
Gió dun mưa dúi cho nên nghĩ nào.

Ví dò đưa :

Tình kia có phụ chi duyên.
Bến kia có phụ chi thuyền mà lo.
— Dẫu rằng mòn núi cạn sông,
Gương này quyết chẳng soi chung
mấy người :

Ca dao :

Một trăng mà mấy cuội ngời,
Một gương tư mã mấy người soi
chung ?
— Rồi đây đáy bể ngọn nguồn,
Mặc cho bóng cá lại tuôn mây ngời...
Đầu gành cuối bãi lần xem,
Khác chi đáy bể mò kim hững hờ.

Ca dao :

Thôi đừng đáy bể mò kim :
Bóng chim, tấm cá dễ tìm được đâu ?

Nguyễn-Huy-Hồ (1) trong Mai-dinh

Mộng-ký :

— Mảnh riêng càng nát như tằm,
Càng ngor ngần bóng, càng năn nỉ
tình.

Ca dao :

Thương nhau chẳng quản ăn mặn,
Đêm ngor ngần bóng, ngày năn nỉ tình.
— Duyên lành hãn đợi giá cao,
Sấm bắng giậy đã, thơ đào lại ca.

Ca dao :

Ngọc lành còn đợi giá cao,
Rồng vàng uốn khúc dưới ao đợi
thì.
— Còn non, còn nước, còn lâu,
Còn câu thơ ấy là câu sấm nầy.

Ví phường vải :

Còn non, còn nước, còn tình,
Ra về anh dặn bạn mình chớ quên.

Văn học bình dân có nhiều ưu điểm đáng đề cao và nên tán dương, khiến văn học bác học phải chịu nhìn nhận. Ngoài trừ văn thề và văn liệu, văn học bình dân có một nội dung phong phú, kết tinh đời sống tinh thần và vật chất của toàn dân. Văn học bác học đã vay mượn của văn học bình dân nào là văn thề, nào là văn liệu, lại không ngần ngại vay mượn thêm trong nội dung dôi dào những tư tưởng chơn, thiện, mỹ, có tánh cách dân tộc và miền trường. Cho nên đã nhiều tư tưởng được nêu lên đầu đề làm phú đặc, như :

— Đem em mơ bỏ xuống gành,
Kéo neo mà chạy sao đành anh ôi !
— Phải chi vác nôi súng đồng,
Ra đi lính thế cho chồng dôi năm.
— Đêm nằm mơ tưởng tưởng mơ,
Chiêm bao thấy bậu dậy rờ chiếu
không.

(1) Theo Nguyễn-Tất-Thứ dẫn trên.

Có tư tưởng lại được khai thác theo quan niệm hay lập trường mới, chẳng hạn như câu ca dao :

Ăn sung nằm gốc cây sung.

Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm.

được cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu mượn làm phú đặc hầu ngụ ý diễn tả cái quan niệm sống chung với Pháp :

Thời thế xui nên giả vợ chồng,

Lấy anh chưa dễ đã nằm chung.

Ừ chơi cho nó toi đồng bạc,

Há đề cho ai nếm má hồng.

Cười gượng lắm khi che nửa mặt,

Khóc thầm vì nỗi khác hai lòng.

Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,

Thỏa thuận cùng nhau tát bể đông.

Đến trong câu kết, ảnh hưởng của văn học bình dân cũng lộ, vì chính là câu tục ngữ biến thành : « Thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn ».

Lối phú đặc ấy chẳng những được thông dụng trong thơ bát cú mà cũng được áp dụng trong một thể văn quan trọng hơn, là thể phú, như bài phú : « Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh » của Trương-vĩnh-Ký, trong ấy tác giả đã mượn một câu tục ngữ làm đầu đề và trong lòng bài còn dẫn nhiều câu tục ngữ khác nữa : chẳng hạn, những đoạn sau đây :

« Vì đâu nên nỗi tưng mình,

Lại nhớ đến câu tục ngữ.

.....

Nào có phải bóc áo, tháo cà, làm giàu làm có ;

Nào có phải buộc mèo, treo chó, một tý một ty.

Quản bao chơn lăm tay bùn, ông cha khó nhọc.

Mới được tiền ròng bạc khối, con cháu no nê.

.....

Xanh vỏ đỏ lòng, thầy kệ phai vàng nát đá.

Thay đen đổi trắng, chơi cho thùng trống long bông.

.....

Chẳng sợ gì ai, chiêng không kêu cũng dấm,

Đánh liều một chuyến, trống dẫu thùng còn tang...»

Trong ấy, ngoài tục ngữ, còn có hai câu ca dao chuyển biến :

— *Chơi cho thùng trống long bông,*

Rồi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm.

— *Đem chuông đi dấm nước người,*

Chẳng kêu cũng dấm ba hồi lấy danh.

Lại có lắm bài phú đặt bằng tục ngữ từ đầu đến cuối, như bài « Khuyên người ăn ở », tuy theo Đường luật mà vẫn mỗi câu mỗi lồng tục ngữ hoặc ca dao :

Khuyên người ăn ở

(Trích)

... *Có cha có mẹ như đàn có dây, đạo mẹ đức cha, bề rộng trời cao khôn ví ;*

Thuận vợ thuận chồng, bề đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân ái nào tày.

*Chị ngã em nâng, máu chảy ruồi bâu,
lá rách lá lành đùm bọc ;*

*Cha sinh không tay mẹ dưỡng, áo dày
cơm nặng, công nuôi công nấng đêm ngày.*

*Một cây chẳng nên rừng, đông có mây,
tây có sao, đông đúc anh em mới quý ;*

*Mười voi không bát xáo, kẻ nói thánh,
người nói tướng, chớ nghe miệng thề
hêm rầy...*

Thậm chí, trong thể văn tứ lục là thể
văn chiếu biểu chế sắc, riêng dùng trong
giới triều đình, văn học bình dân cũng
có mặt, như trong bài « Tự thuật ký »
của Lý-văn-Phức làm năm 1834 (Minh-
Mạng thứ 15) khi sang công cán ở
Áo-Môn (Trung-Hoa) về :

*« Khoa đình mào cũng nước bầu cơm
gói, tiếc lễ đi không về luống, kỳ từ
trường còn nhượng bằng Tôn-Sơn ;*

*Chốn Tràn-An thời củi quế gạo châu,
lấy gì ngọt thảo bùi thơm, đường bách
lý những ghi lời Tử-Lộ.*

*Nghề buôn bán tay không khôn vố ;
Bước khó khăn đầu gối hay bò.*

.

*Lầu thái vân đầu này xuống tiếng tơ,
may bóng dương còn soi đến dấu bèo,
nét oan thâm sáng loè nha ngực thất ;*

*Khối bạch cốt bỗng nở dần gân thịt,
nhờ hòn đất lại nắn lên ông bụt, giấc
mộng tàn tình cả chốn cư đình... »*

Cuối cùng, văn học bình dân còn có
ảnh hưởng đến cả văn khoa cử là kinh
nghĩa và văn sách.

Kinh nghĩa là một loại văn nghị luận
ở trường thi, đầu bài là câu chánh văn
trong kinh truyện, cử tử lấy đó mà suy
diễn, thay thánh hiền mà luận cho rộng
ra, đúng theo nghĩa lý trong kinh truyện.

Xét một bài kinh nghĩa của Lê-Quý-
Đôn, ta thấy tác giả đã lấy câu ca dao
làm đầu đề : « Mẹ ơi ! con muốn lấy
chồng », Con ơi ! mẹ cũng một lòng như
con. Rồi trong bài, khi thì dẫn ca dao,
khi thì nhắc tục ngữ.

Thí dụ :

*« Mẹ có biết : có chồng kẻ đón
người đưa, không chồng đi sớm về
trưa mặc lòng, chẳng hờ mẹ ?*

Mẹ lại xem làng Bắc lý kẻ nọ chi
nghinh thê, vùng Nam lân người kia
chi tổng nữ, người ta từng náo nức
đông tây ; nay con hồ là phận thuyền
quyên, mang má phẫn nằm trong phận
bạc ; nào kẻ trương tri, nào người tương
thức, biết cùng ai mà kết chữ đồng
tâm ? Mẹ ôi, tuy nằm trong cửa sổ
trạm rông, chẵn loan gối phượng không
chồng cũng hư, phải chăng mẹ ?

Y ! Buồng hương lạnh lẽo, tuy đã
có áo đơn lông áo kép, sao bằng da nọ
ấp da kia, phỏng con mà già kén kén
hom, quá mù ra m a, lờ mờ trông
bóng trắng chi quạ... »

Còn trong bài kinh nghĩa thứ nhì
« Mẹ khuyên con lúc về nhà chồng »,

ca dao tục ngữ còn chiếm nhiều chỗ hơn nữa :

«... Lúc ở nhà nhờ mẹ nhờ cha, về nhà chồng nhờ chồng nhờ con nhé ! *Khôn chẳng qua lễ, khéo chẳng qua lời*, chớ bắt chước người đời xỏ chân lỗ mũi chỉ lảng nhãng. Nhủ này con, nhủ này con : đi đến nơi, về đến chốn, việc nhà việc cửa chi siêng năng ; *hỏi thì nói, gọi thì thưa*, thờ mẹ thờ cha chi phải lễ. Kính lấy dầy, răn lấy dầy, *liệu học ăn học nói, học gói học mở* ; Khi anh nó hoặc ra xô xát chi lời, cũng tươi cũng đẹp, cũng vui cười, chớ như ai học thói nhà ma, mà hoặc con cả con kẻ chi kẻ lẽ.

Lúc ở nhà là mẹ là con, về nhà người là dâu là con nhé ! *Khôn cho người dãi, dại cho người thương*, chớ bắt chước người thể mặc áo qua đầu chi khủng khiếp. Nghe chưa con, nghe chưa con ; *ăn có nơi, nằm có chốn*, lời ăn lễ ở chi ra tuồng : *gọi thì dạ, bảo thì vâng*, thờ mẹ thờ cha chi phải đạo...

Thế có kẻ xem clồng như dứa ăn dứa ở, thậm đến điều *mầy tở* chi khinh, chẳng biết rằng : *ngu si cũng thể chồng tá, dẫu rằng khôn khéo cũng ra chồng người* ; Chẳng suy chẳng nghĩ lại ra điều *cả vú lấp miệng em*, sao chẳng biết *xấu chàng hổ ai* chi lý ?...

Thế có kẻ giận chồng mà đánh con đánh cái, thậm đến điều *mầy tở* chi quá, chẳng biết rằng : *khôn ngoan cũng thể đàn bà, tuy rằng vụng dại cũng là đàn ông* ; bạ ăn bạ nói, lại ra điều

múa rìu qua mắt thợ, sao chẳng biết già đòn non lẽ chi cơ... »



Những thí dụ đơn cử ở trên chứng tỏ văn học bình dân có dự phần đóng góp khá quan trọng trong văn học bác học, hay nói ngược lại, văn học bác học có vay mượn khá nhiều trong văn học bình dân. Nếu nói chung và nếu không phân biệt thì văn học như thế đã có phần giác ngộ, biết cời bỏ tinh thần nô lệ đối với văn học ngoại lai, biết trở về cái ao văn học nhà tắm gội trong tinh thần dân tộc. Nhận xét như thế, kẻ hậu sanh chúng ta phải thừa nhận giá trị của trào lưu cách mạng văn học, đặc biệt là trào lưu cách mạng ấy đã sớm phát khởi ngay từ buổi bình minh của văn học, từ đời Trần (1225-1400) với truyện TRINH THỦ, theo thiên kiến chúng tôi.

Trong lúc Nguyễn-Thuyên lấy chữ nôm thay thế chữ hán trong thi thơ, TRINH-THỦ dùng thể thơ lục bát của ta thay thế thể thơ đường luật và đặt hẳn một cốt chuyện có tánh cách thời cuộc và hoàn toàn Việt-Nam, thay vì mượn cốt chuyện của Trung-Quốc. Như thế, Trinh-Thủ đã cách mạng từ cốt chuyện đến thể thơ, từ nội dung đến thể thức.

(Còn tiếp)

THUẦN-PHONG

MỘT TRẬN GIẶC, MẤY BÀI HỌC

(Tiếp theo B.K. 22)

Trần-Hà

VI.— MỘT NƯỚC PHONG KIẾN SUY TÀN KHÔNG THỂ ĐƯƠNG CỰ VỚI MỘT NƯỚC TƯ BẢN ĐANG LÊN



ĐỌC lịch sử Trung - Quốc cũng như đọc lịch sử Việt - Nam, có một số người thường chép miệng than rằng : « phải chi vua Tự - Đức và Tôn-

Thất-Thuyết hay vua Đạo Quang và Lâm-Tắc-Từ khôn khéo và mềm dẻo hơn một tí, có lẽ Việt-Nam sẽ không mất nước, Trung-Quốc sẽ không bị qua phân ». Than như vậy tưởng nhận xét chưa tới nơi tới chốn. Xin đơn cử một ví dụ rất gần : Kỳ-Thiện chẳng phải « mềm dẻo » hơn Lâm-Tắc-Từ sao ? Thế mà ông ta đã làm

được gì để bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ Trung-Quốc, hay là chỉ làm mất thêm đất, và tổn hại thêm uy thế của Thanh-Đình mà thôi ?

Thực tế, trong việc tranh chấp giữa các nước trên thế giới, không thể chỉ lấy thái độ mềm mỏng hay cứng rắn mà quyết định thắng lợi được. Then chốt của vấn đề chính là ở chỗ lực lượng mạnh hay yếu, tiền tiến hay lạc hậu, đúng như một nhà chính trị nổi danh trên thế giới đã nói : « người ta chỉ có thể giành được trên tấm thảm xanh những gì mà người ta đã giành được

ở chiến trường ». Nói như thế dễ thấy rằng thực lực quyết định, chứ không phải thủ đoạn ngoại giao quyết định. Dĩ nhiên, nếu một khi đã có thực lực mạnh mẽ, thì chánh sách ngoại giao khôn khéo có thể làm cho thắng lợi càng to lớn hơn. Nhưng nhứt định không thể có trường hợp không có thực lực trong tay mà thâu được thắng lợi nhờ chánh sách ngoại giao mềm mỏng.

Như vậy, nhà Thanh thất trận là vì yếu kém, chứ không phải vì Lâm-Tắc-Từ, hay vì vua Đạo-Quang, đành rằng hai người này có trách nhiệm trong trận bại binh 1840-42.

Bây giờ, chúng ta thử xét qua tình hình của Trung-Quốc trước và trong thời kỳ nha phiến chiến tranh.

Trong những năm Thanh-Sơ, Trung-Quốc là một vương quốc lớn mạnh nhất ở Á - Châu. Dưới ba trào Khang-Hi, Ung-Chánh, Càn-Long, quốc lực vô cùng cường thịnh, lãnh thổ vô cùng rộng lớn, phía bắc chạy đến Hưng-An-Lân, tây đến trung ương Á-Tế-Á, nam đến Việt-Nam, Miến-Điện, (hai nước này trên danh nghĩa là phiên thuộc của nhà Thanh), đông bao gồm cả Đài-Loan, Triều-Tiên. Tổng số diện tích chiếm hơn một phần tư Châu-Á. Nhưng đến những năm cuối đời Càn-Long, thì chánh trị đã hủ bại, nội loạn nổi lên khắp nơi, quốc thể không còn được như trước nữa. Từ đời Gia-Khánh, Đạo-Quang trở đi, quốc lực cứ ngày thêm suy nhược, tuy vậy, nền độc lập tự chủ và lãnh thổ toàn vẹn vẫn chưa bị sút mẻ.

Nhưng so với các nước Tây-Phương, Trung-Quốc vẫn là một quốc gia lạc hậu về mọi mặt.

Về kinh tế

Trước Nha phiến chiến tranh, Trung-Quốc chỉ là một nước nông nghiệp cổ lỗ. Nền kinh tế hoàn toàn dựa trên cơ sở nông nghiệp, với mấy đặc điểm sau đây :

a) *Đất đai tập trung* — Có người bảo rằng mỗi nông dân Trung-Quốc đều có một miếng đất riêng để tự cày cấy (1). Nói như thế là chưa hiểu tánh chất của xã hội phong kiến nói chung và tánh chất của vua quan nhà Mãn-Thanh nói riêng. Sự thật thì tình hình tập trung ruộng đất dưới đời Mãn-Thanh đặc biệt qui mô hơn tất cả các triều đại.

Hoàng đế Mãn-Thanh là ông địa chủ chúa trùm của toàn quốc. Kế đó là các địa chủ vương công quý tộc. Dưới nữa đến các ông đại thần, thượng thư và các quan văn võ trấn thủ phong cương. Tất cả đều là những ông chủ đất cò bay thẳng cánh.

Đất đai của hoàng đế và vương công là do triều đình cướp giựt của tôn thất nhà Minh và dân Hán tộc. Những đất đai cướp giựt được, họ đem chia ra làm ba phần :

— một phần thuộc quyền hưởng dụng của hoàng đế, gọi là « hoàng thất trang điền ».

— một phần chia cho các vương công, gọi là « tôn thất trang điền ».

— còn lại một phần nữa chia cho « bát kỳ binh » người Mãn-Châu gọi là « kỳ điền ».

(1) Chúng tôi còn nhớ một học giả Việt-Nam cũng có một câu tương tự như thế khi đề cập đến nông dân Việt-Nam.

Ngoài ra, còn vô số loại đồn điền khác, như : trú phòng trang điền, đồn điền, quan điền, tự miếu tế điền, v.v...

Đất đai của các vị đại thần, các văn quan võ tướng trấn thủ biên cương, tuy không nhất định do cướp giựt mà có, nhưng hầu hết của đều nhờ tham ô, hối lộ mà tậu ra. Tự trung cũng đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân.

Về tình hình đất đai bấy giờ, trong bản tấu chương của Tuần Phủ Hồ-Nam Dương-Phất, có đoạn viết :

« Gần đây, số ruộng đất lọt vào tay phú hộ (tức quan liêu, quý tộc — Lời soạn giả) chiếm đến 50, 60 phần trăm tổng số diện tích. Những người có đất điền trước đây, hiện đều bị đẩy vào cảnh đi làm tá điền cho các chủ đất lớn. Con số mỗi năm mỗi tăng, khó mà lập thống kê từng năm ».

Xem thế cũng đủ thấy rõ tình cảnh khốn đốn của đại đa số nông dân thời ấy.

Lại nữa, trong những năm Thanh-Sơ, triều đình thường hay chinh phạt, đề « bình phản nghịch » hoặc « tuyên dương quốc oai », tỉ như : bình định Tam-Phiên, viễn chinh Chuần-Cát-Nhì, viễn chinh Kim-Xuyên. Mỗi lần chinh phạt là mỗi lần tổng động viên, bao vây bắt lính đại qui mô. Chẳng những hàng trăm ngàn thanh niên phải bị đưa đi chịu chết một cách vô lý trên các chiến trường xa xôi, mà vô số tiền bạc, lương thực phải bị tiêu pha một cách hoang phí vào những cuộc chiến tranh dơ bẩn, không một chút cần thiết.

Trong những năm trị vì sau cùng, vua Càn-Long lại chỉ lo vui hưởng thái

bình, đắm say tửu sắc, mấy lần du Giang-Nam, các tỉnh phải đón rước, cung phụng nặng nề, tổn phí đến mấy chục triệu. Quan lại thì tham ô, tàn bạo, vô ác bất vi. Dưới đời Hòa-Thân làm tướng quốc, nạn hối lộ công khai hoành hành. Trong triều nội, không tên quan nào không tham nhũng. Đến khi Hòa-Thân bị tịch bồi tài sản, gia tài của hắn lên tới 800 triệu lượng.

Dưới tình hình dân chúng chịu năm bảy tầng áp bức, sưu cao thuế nặng chồng chất như vậy, nếu không có thực dân Tây-Phương xâm lược, nhất định cũng có nông dân khởi nghĩa. Không thể khác được. Và điều này đã được chứng minh cụ thể với phong trào Thái - Bình Thiên-Quốc.

b) *Kinh tế thủ công nghiệp gia đình* - Toàn nước Trung-Hoa bấy giờ không có một nhà máy, một công xưởng. Cũng không có một chiến hạm, một tắc đường sắt. Từ làm ruộng, dệt vải, cho đến xây nhà, đắp lộ, đều chỉ làm với hai cánh tay.

Tuy nền thủ công nghiệp gia đình tiểu qui mô bấy giờ đã phát triển tương đối khá (1), nhưng chánh phủ đã chẳng những không giúp đỡ mà lại còn làm khó dễ, trở ngại. Sản phẩm tinh xảo nhất đều « được » chọn làm cống phẩm dâng cho nhà vua hưởng dụng. Thợ khéo thì bị sung vào làm việc tại quan nha hoặc triều nội. Tiểu công nghệ vì thế ngày càng lụn bại.

(1) Tỉ như : nghề làm đồ sứ ở Cảnh-Đức-Trấn, nghề dệt tơ lụa tỉnh Triết-Giang, nghề thêu ở Hồ - Nam, nghề làm giấy ở Quảng-Nam, v.v...

c) *Ngoại thương bị lũng đoạn* — Từ đời Đường, thương nghiệp của Trung-Quốc đã khá phát đạt. Qua đến đời Minh, Thanh thì rất phồn thịnh. Nhất ở Quảng-Châu, nhờ điều kiện tiếp xúc dễ dàng với thương nhân ngoại quốc, việc mua bán hết sức tấp nập. Nhiều hàng hội, nhiều công ty được thành lập. Lúc đầu, Thanh-Đình đặt ra những công hàng đó là nhằm mục đích hạn chế sự tự do ngoại thương, cho nên, triều đình mới qui định hẳn hoi, phàm những hàng xuất cảng hay nhập cảng đều phải qua tay công hàng. Nhưng dần dần, quan lại và bè đảng của họ chen vào chi phối mọi hoạt động của công hàng, rốt cuộc, công hàng lại trở thành những ô buôn lậu, những cơ quan giúp đỡ cho các thế lực mại bản dễ dàng làm ăn.

Thuở ấy, hàng xuất cảng lấy hồng trà (1) làm đơn vị chủ yếu, còn hàng nhập cảng toàn là xa xỉ phẩm để cung phụng cho nhu cầu của hoàng thất, vương công quý tộc và quan lại.

Nội thương thì lấy việc mua bán muối, gạo, vàng bạc và cầm đồ làm chính. Điều đáng chú ý là hầu hết thương nhân, dù làm nội thương hay ngoại thương, nếu không phải quan lại, thì cũng là thân thuộc, bà con quen, em út, hay điền chủ được quan lại, « nâng đỡ ». Thương nhân, quan lại, đại điền chủ, luôn luôn nương tựa lẫn nhau, cố kết chặt chẽ với nhau để tạo nên cái thế « ý giắc » trên trường thương mại của nước Tàu.

Về chánh trị

Nhà Thanh là một triều đại chuyên chế khét tiếng trên lịch sử Trung-Quốc. Chánh quyền của họ tổ chức theo lối

trung ương tập quyền, hay đúng hơn là « hoàng đế tập quyền ». Hoàng đế nắm toàn quyền sinh sát đối với thần dân.

Dưới hoàng đế, có thân vương và nội các. Cầm đầu nội các là những ông đại học sĩ, có nhiệm vụ giúp hoàng đế xử lý chánh vụ, thảo chiếu văn, chỉnh lý hiến chương, tồ chức đại lễ, v.v... tóm lại, chỉ là làm nhiệm vụ tương tự như bí thư của nhà vua, chứ không có trách nhiệm như nội các của các nước quân chủ lập hiến sau này. Dưới đời Thanh-Sơ, nội các gồm bốn Đại Học Sĩ. Qua đời Ung-Chánh, nhà vua muốn phân quyền đặt thêm Quân Cơ Xứ để chưởng quản binh quyền trong toàn quốc. Quân Cơ Xứ đại thần thường không định ngạch. Phần lớn do nội các đại học sĩ kiêm nhiệm.

Dưới nội các, có sáu bộ : Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Hình, Bộ Binh, Bộ Công. Mỗi bộ do một thượng thư và hai thị lang cầm đầu. Cũng như nội các đại học sĩ, các thượng thư, thị lang, có việc gì cứ bẩm tấu thẳng với hoàng đế, chứ không thông qua nội các hay liên thự với các đại học sĩ. Đồng thời, nội các cũng không có quyền lãnh đạo trực tiếp Tổng Đốc, Tuần Phủ và phiên ty các tỉnh. Tổng Đốc, Tuần Phủ cũng đều trực tiếp chịu trách nhiệm với hoàng đế, khỏi phải xuyên qua nội các.

Nhà Thanh cố ý làm như vậy để :

- một là các quan kiểm soát lẫn nhau.
- hai là trọng quyền khỏi rơi vào tay một đại thần nào, có thể làm tổn hại đến sự tập trung quyền hành vào tay cá nhân nhà vua.

(1) một thứ trà ướp rồi, màu nâu nâu.

Ngoài ra, chính sách của triều đình nhà Thanh đối với dân Hán tộc thật vô cùng khắc nghiệt. Quan lại và binh lính Mãn-Thanh thường tự tung tự tác, tha hồ cướp giựt, hãm hiếp, giết hại dân lành. Mạng người dân Hán bị coi như cỏ rác.

Những cuộc tàn sát « hợp pháp » của triều đình còn rùng rợn và dã man hơn trăm ngàn lần những vụ cướp của giết người gọi là « phi pháp » của bọn quan lại và binh sĩ hạ cấp.

Chỉ trong một trận đánh dẹp dân Chuần-Cát-Nhĩ (Tây-Tạng), vua Càn-Long đã tàn sát đến 600 ngàn người thuộc giống Dzounga, làm cho giống này phải bị diệt vong. Lúc đánh chiếm lưu vực sông Tarim, quân Thanh cũng đã giết đến ngót 10 ngàn dân Hồi-Giáo. Và trong lúc thi hành chủ trương bắt dân Hán để binh, chỉ riêng trong huyện Giang-Âm, họ cũng đã giết đến 173 ngàn người.

Những vụ án văn tự lại càng thảm khốc hơn. Riêng trong vụ cuốn Minh-Sử của Trang - Đình - Lung cũng đã có đến 70 người bị xử tử, gia sản bị tịch biên, vợ con bị lưu đầy. Ai dùng niên hiệu Vĩnh-Lịch, Hoảng-Quang cũng bị tử hình.

Người Hán không được phong vương, và không được giữ những trách vụ quan trọng về quân sự.

Về quân sự

Đời Thanh-Sơ, có « kỳ binh » và « lục doanh binh ». Kỳ binh là những quân nhân người Mãn, hoặc người Mông-

Cồ. người Hán đã theo quân đội Mãn-Thanh từ lúc họ mới vào xâm chiếm Trung - Nguyên. Vì sắc lính này được chia ra 8 « kỳ », nên cũng có tên là « Bát-Kỳ-Binh ». « Bát-Kỳ-Binh » là quân đội chủ lực cốt cán của nhà Thanh. Cho nên, sắc lính này chỉ trấn thủ kinh đô và các trấn yết hầu nối liền với kinh đô, để khống chế toàn quốc. Kỳ binh do tướng quân hoặc Đô-Thống thống lãnh.

« Lục - Doanh - Binh » là quân địa phương, dơ các tỉnh chiêu mộ để làm bộ đội trấn an các châu, huyện. Tổng số lối 600 ngàn người. Lục-Doanh-Binh do Đề Đốc hoặc Tổng Binh thống xuất, đồng thời, chịu cả sự tiết chế của Tổng Đốc, Tuần Phủ.

Những năm Thanh-Sơ, triều đình dựa vào Bát-Kỳ-Quân để trấn áp toàn quốc. Nhưng đến đời Càn-Long, Bát-Kỳ-Binh lần lần già yếu và trở nên vô dụng. Do đó, sau khi bình Kim-Xuyên trở về, vua Càn-Long bèn « đôn » Lục-Doanh-Binh lên làm chủ lực. Về sau đến lượt Lục-Doanh-Binh cũng không xài nữa được, Thanh-Đình mới cho mộ thêm hương dũng địa phương, hễ khi có việc thì gọi nhập ngũ, vô sự thì giải tán cho về làm ruộng.

Bát-Kỳ-Binh ăn lương cao hơn hết, nhưng tổ chức vô cùng lỏng lẻo, kỹ thuật hết sức bại hoại. Họ thường ý có công với triều đình mà hà hiếp dân chúng, lấn lướt quan lại, chẳng khác nào bọn kiêu binh Bắc-Hà dưới đời vua Lê chúa Trịnh.

Bọn tướng tá chỉ huy thì cứ lo hút sách, say sưa, an nhàn trong cảnh thái bình hoan lạc. Đặc biệt, họ thường xài

« bộ ma », hoặc ăn xới bớt lương tiền của binh lính. Do đó, trong quân đội, không khí chán nản, bất mãn, hiện tượng đào ngũ ngày càng tăng gia trầm trọng, sức chiến đấu của quân đội ngày càng bạc nhược.

Trong trận giặc nha phiến, một nhà báo Tây-Phương đã phê bình quân đội Mãn-Thanh câu này : « Võ bị của Trung-Quốc yếu kém hơn bất cứ nước nào trên thế giới », tưởng cũng không phải quá đáng.



Ở đoạn trên, chúng tôi có nói yếu tố quyết định thắng bại trong những cuộc tranh chấp giữa các nước trên thế giới là vấn đề thực lực. Và chúng ta đã thấy Trung-Quốc thời ấy yếu kém, lạc hậu hơn các nước Tây-Phương về mọi mặt.

Ở đây, chúng tôi thấy cần bàn thêm vài điểm về sức mạnh để cho vấn đề được rõ ràng hơn.

Chúng tôi còn nhớ cũng trên mặt báo này, trong một bài nói về việc xây dựng quân đội, ông Phạm-Ngọc-Thảo đã viết rất đúng rằng : « Quân đội mạnh chẳng những phải có vũ khí tốt, mà còn phải có tinh thần chiến đấu cao. Ngoài ra phải được nhân dân coi là quân đội của dân... được dân thương, dân giúp đỡ ».

Sức mạnh của một nước cũng như thế, phải bao gồm cả hai mặt vật chất và tinh thần, quân đội và nhân dân.

Về vật chất, một nước mạnh ít nhất phải là một nước có một nền kinh tế

kỹ nghệ tiên tiến, có một quân đội hiện đại hóa tối tân, có một bộ máy cai trị vững chãi.

Nhưng, như thế vẫn chưa đủ. Là vì nếu tất cả những cái đó chỉ xây dựng trên sự căm hờn, phần uất của đại đa số dân chúng, thì chẳng khác nào một lâu đài cất trên biển lửa. Quốc gia đó dù có mạnh, thì sức mạnh đó chỉ là sức mạnh tạm thời. Không chóng thì chầy nhất định phải sụp đổ, rã rời.

Sức mạnh vật chất phải đi đôi với sức mạnh tinh thần. Nền kinh tế kỹ nghệ tiên tiến, quân đội tối tân và bộ máy cai trị tinh xảo phải dựa trên sự ủng hộ nồng nhiệt của đông đảo nhân dân mới có thể tồn tại được lâu dài. Sức mạnh đó mới thật là sức mạnh vững chắc và toàn diện.

Nhưng, nhà Mãn-Thanh đã chẳng có một nền kinh tế kỹ nghệ, một quân đội hiện đại hóa, một nền chánh trị hoàn hảo, mà cũng chẳng được sự ủng hộ của nhân dân. Hơn thế nữa, nhân dân Trung-Quốc bấy giờ đã oán ghét họ thậm tệ, chỉ chờ có cơ hội là nổi lên lật đổ họ. Trong lúc chiến tranh, chánh sách của họ lại hoang mang, trước sau bất nhất, khi chủ hòa, lúc lại đột ngột chủ chiến. Chỉ huy từ trên xuống dưới thì không thống nhất. Quan lại các địa phương tự tiện hành động theo ý riêng của họ. Kẻ thì đánh, kẻ lại rút tiền cho quân Anh xin cầu hòa, kẻ khác lại lo khủ khủ với vợ con !

Một nước như vậy mà có thảm bại trước đế quốc Anh, thì cũng là việc dĩ nhiên thôi !

VII. — CHIẾN TRANH NHA PHIẾN ĐÃ LÀM THAY ĐỔI NỀN TẢNG CỦA XÃ HỘI TRUNG-HOA

Không kể thời kỳ thống trị Trung-
Nguyên của dân Thát-Bạt (Tobas) (1)
nhà Bắc-Ngụy (thế kỷ thứ 7), dân Hán
cũng đã hai lần bị ngoại tộc nô dịch :
một lần do quân Mông-Cồ (nhà Nguyên)
và một lần do quân Mãn-Châu (nhà
Thanh). Nhưng, những cuộc xâm lược
đó chỉ đem lại sự thay đổi người thống
trị, và gia tăng thêm sự đàn áp, chứ
không thay đổi gì về tánh chất xã hội.
Ngót hai ngàn năm, xã hội Trung-Hoa
vẫn là xã hội phong kiến.

Chiến tranh nha phiến khác hẳn các cuộc
xâm lược trước đây. Những phát súng
thần công của đế quốc Anh chẳng những
bắn tung cái hoàng triều mục nát
của nhà Mãn-Thanh, mà còn lay chuyển
tận gốc cái lâu đài phong kiến cò
lão của Trung-Hoa.

Lần này, quân xâm lược ngoại quốc
chẳng phải chỉ nhập cảng vào những kẻ
thống trị mới, mà còn cho xâm nhập cả
một hệ thống kinh tế mới : hệ thống kinh
tế tư bản. Kể từ đây, từ một nước
phong kiến nông nghiệp lạc hậu, Trung-
Quốc dần dần biến thành một nước nửa
phong kiến, nửa thuộc địa. Và bên cạnh
các tầng lớp quan liêu, quý tộc, địa chủ
cũ, lại xuất hiện thêm những tầng lớp
tư sản mại bản, tư sản bản xứ, và đặc
biệt là thực dân đế quốc ngoại lai.

Cũng từ đây, nền kinh tế Trung-
Quốc ngày càng bị lúng đoạn, chèn ép
do sự cố kết chặt chẽ của các tầng lớp

mới xuất hiện. Nông nghiệp lụn bại.
Thủ công nghiệp phá sản. Nông dân
và thợ thủ công bị đẩy vào làm nô lệ
cho ngoại quốc. Trong khi đó thì vua
quan quý tộc lại khiếp nhược đầu hàng
ngoại bang, dần dần biến thành công cụ
của ngoại bang, hiến dâng tất cả quyền
lợi quý báu của đất nước họ cho ngoại
bang. Đó là lẽ dĩ nhiên. Kinh tế lệ thuộc
thì chính trị phải lệ thuộc.

Nhưng, cũng từ đó, dân Trung-Hoa
càng sáng mắt thêm ra. Họ thấy rõ nhà
Mãn-Thanh không phải là những kẻ tiêu
biểu, bình vực cho lợi quyền của dân
tộc Trung-Hoa, mà chính là kẻ thù không
đội trời chung của người Hán. Họ lại
càng thấy rõ bên cạnh bọn vua quan
Mãn-Thanh, còn có bọn đế quốc thực
dân ngoại lai, đang chà đạp xứ sở họ,
cướp giết những nguồn sống thiết tha
nhất của họ. Vì thế, nên sau trận giặc
nha phiến, phong trào bài Mãn và chống
thực dân sôi nổi khắp Trung-Quốc. Và
từ đó cho đến Cách-Mạng Tân-Hội,
chỉ trong vòng 70 năm, đã bùng nổ đến
ba cuộc cách mạng : phong trào Thái-
Bình Thiên - Quốc, Phong trào Nghĩa-
Hòa-Đoàn, và cách mạng Tân-Hội. Đó
là chưa kể những cuộc bạo động nho nhỏ
khác, tính ra có đến hàng chục. Điều
đáng đặc biệt chú ý là tất cả những
phong trào đó không phải chỉ có tánh chất
chống phong kiến thuần túy như các phong

(1) có chỗ viết là Tô-Bà.

trào trước kia, mà đều mang tánh chất vừa chống phong kiến, vừa chống thực dân rõ rệt.

Cho nên, có thể nói, nếu chiến tranh nha phiến thay đổi tánh chất của xã hội Trung-Hoa, thì nó cũng mở màn cho một kỷ nguyên mới trong lịch sử cách mạng Trung-Hoa : kỷ nguyên chống thực bài phong vậy.



VÀI LỜI KẾT LUẬN

Chúng tôi đã cố gắng trình bày mấy nét về trận giặc nha phiến. Chúng tôi không có ý định làm công việc khảo cứu về trận giặc then chốt đó, mà chỉ muốn xuyên qua một trận giặc để rút ra những bài học có ích cho công cuộc cách mạng nhân vị của chúng ta thôi.

Mấy trăm năm nay, các dân tộc Á-Châu và Phi-Châu đã bị nô dịch. Ngày nay, họ đang mãnh liệt vươn mình ra ánh sáng tự do và đang cố nắm chặt lấy vận mệnh của mình. Tuy nhiên, con đường đi đến ngày mai tươi sáng không phải là đã hết gay go hiểm trở. Cho nên, nhìn lại quá khứ, để tìm trong đó những kinh nghiệm lịch sử không phải là việc vô bổ.

Nói chung, nước Á-Châu nào cũng đã từng ném mùi thực dân. Nhưng sở dĩ chúng tôi chọn khung cảnh Trung-Quốc để nghiên cứu, là vì ở đó, gót chân của Tây-Phương giẫm lên nhiều hơn hết. Có thể nói, nước thực dân nào cũng có ít nhiều chia sớt miếng mồi Trung-Hoa. Cũng do đó mà ở Trung-Quốc, chủ nghĩa thực dân hiện ra với nhiều sắc thái hơn.

TRẦN-HÀ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trung-Quốc Sử Lược ĐÀO-DUY-ANH.
- Đông-Á trên trường chánh trị quốc tế LÊ-VĂN-SÁU.
- Lịch sử Thế Giới (quyển 3 và 4) THIỀN-GIANG và NG.-HIẾN-LÊ.
- Trung-Quốc thông sử (chữ Hoa) CHÂU-DŨ-THÀNH.
- Histoire Générale de la Chine CORDIER.
- L'Invasion de la Chine par l'Occident E. R. HUCHES.

Mưa đêm

ĐÊM qua mưa chợt thức,

Gác trọ ngồi lâu lâu :

Xa núi, thu reo suối,

Quanh đèn, điện ném châu.

Rêu trôi thêm đá sạch,

Trời nẩy ngọn cây mau.

Xóm lá nhà bao nóc,

Mưa ai có rột đầu ?

Bản-cờ 1957

Đông-Xuân

(Trích « Thuyền Tho »)

TRUNG-HOA TÌNH SỬ

HƯ - CHU tình dịch

Nhắc đến cở giai phẩm của Trung-Hoa, dù có thien về mấy bộ Tam-Quốc Tây-Sưong, mà xưa nay ai đã đành quên Tình Sử ? Và đọc hết một pho này, có ai chẳng nhận rằng trong ấy thật đã chứa đựng biết bao nhiêu điển cố thường gặp ở những thi phẩm của Phạm-Thái, Nguyễn-Du...? Bởi vậy, dịch Tình Sử ra Việt ngữ, công việc đó tất không thể không làm ; và tuy vài chục năm trước đã có mấy bản dịch của mấy bậc chuyên nho, chúng tôi thiết tưởng bây giờ ta vẫn còn nên mong gặp lại.

Vậy đây, bản dịch Tình Sử của Hư - Chu. Hư-Chu, một cây bút có cái kỹ thuật tình ngữ rất đặc biệt của Liêu-Trại, chắc cũng không dám đề phụ lòng những bạn đọc nào đang muốn tìm một phong vị cở.

L.T.S.

II.— LƯU HOÀI - ÂM

CÁCH Hoài - âm hai chục dặm, có chàng họ Lưu là tay hào phóng hơn đời. Thường ngày, nếu gặp kẻ phóng đảng đều mở bụng giao du. Bởi vậy, bạn bè toàn thị là một phường ngỗ nghịch. Một bữa, Lưu ra chợ huyện, bỗng thấy trong nhà nọ có một giai nhân. Nhân rất lấy làm ưa, bèn hỏi bạn. Thi rằng:

— Đó là Hoan-nương con nhà Vương-

thị. Bằng như mắt xanh có lọt thì cứ như mù Vương đã nhắm, hễ ai lo ba trăm lạng việc tất xong ngay.

Lưu thích chí, cười mà đáp :

— Mỗ hiện thân thích không ai, mà ruộng vườn cũng chẳng mong cố giữ. Chi bằng này đem đôi phăng lấy con người «nhất tiếu» cho xứng danh một kẻ hào tình !

Rồi đó về làng, gọi người bán ruộng. Nhưng ruộng bán hết mà mời được

ngót hai trăm. Bèn lại rao bán cả nhà trên, chỉ trừ một căn sau dành làm nơi tá túc. May sao vừa khéo, cộng hai món đã đủ số cần lo. Đoạn mà vác tiền tìm đến bạn bè nhờ mau đi nói việc.

Bè bạn đi nói, ai ngờ lại gặp lúc Vương-thị không nhà. Nhân trở lại cho hay, rồi đồng thanh mà gạ bảo:

— Hiện đang đẩy túi, sao không cứ mở phăng một tiệc để khuây sầu?

Lưu không nghe, đáp rằng đề cầu người đẹp. Bạn bè liền hứa sẽ xoay bù. Nhưng Lưu thừa biết hão, lắc đầu mà chẳng thuận. Bè bạn thấy thế, buồn bã mà lui. Lưu nhìn theo, nghĩ chẳng đành tâm, bèn gọi nói:

— Hãy quay trở lại. Đã chỗ thăm giao, có lẽ nào lại vì một mảnh hồng nhan mà nỡ bỏ vui tri kỷ!

Đoạn truyền chủ quán mồi dè non mà dọn tiệc. Tiệc thỏa thích, qua hôm sau ngờ đâu Vương-thị vẫn chưa về. Bè bạn liền lại bảo:

— Hút thì đã hút, sau không cứ mở ngay tiệc nữa rồi sẽ xoay luôn?

Bèn mà lại cùng nhau đại ầm. Nhưng nghĩ thật giận, tối ấy rồi lại nhiều tối nữa, dè non cứ mồi mà nhà Vương-thị khóa cửa còn phong. Cho đến ngót tuần sau nghe nói chủ đã lại nhà thì số bạc cầu hôn chỉ còn hai trăm lạng chẵn.

Nhân nghĩ thiếu nhiều thì rất khó, song cũng cứ thử đi xem. Quả nhiên bè bạn ra đi mà lại quay về báo nói:

— Vương-thị quyết đúng ba trăm.

Sau nói mãi thì cũng nể tình, nhưng chỉ khẳng khẳng bớt có hai chục lạng.

Lưu thất vọng mà rằng:

— Mồi chỉ còn một căn bếp nát, dầu bán cũng chẳng bao nhiêu. Vậy nay hút gần trăm, lấy đâu bù cho đủ món?

Bè bạn xin xoay. Đoạn mỗi kẻ chạy đi mỗi ngả. Nhưng tối đến họp, góp lại mà chỉ có bốn quan tiền. Lưu chán quá, thì chúng hứa mai sẽ có thể may hơn. Nhưng ai ngờ cái xoay hôm sau lại chưa bằng nửa cái xoay hôm trước. Lưu tắc lưỡi mà than:

— Cứ vài quan mỗi tối thì đầu bạc cũng chưa đủ để mua xuân. Ấu đã khó thì thôi, có lẽ nào lại vì một mảnh hồng nhan mà nỡ đề lo tri kỷ!

Bè bạn chưa hiểu thì đã xĩa bạc ra quây mà truyền chủ nhân lại bảo:

— Kịp đi mồi năm trâu đặt rượu. Ngày mai đây, ta có đủ bạn hữu ở Hoài - âm!

Bè bạn nghe nói, vỗ bàn mà tán tụng. Đó rồi lại say vui. Cho đến mấy hôm sau thì tất cả cái số hai trăm cũng vèo tiều hết sạch. Tuy nhiên hết mà tuyệt không buồn. Từ đó, tay làm hàm nhai, lúc nào cũng vẫn ung dung khoái sảng.

Cuối năm ấy, chẳng ngờ trời làm đôi kém, nên nhân có kỳ tuyển thú, Lưu liền ứng mộ xin đi. Rồi mà giữ ải đồn dinh, suốt ba năm mới đến ngày mãn khóa. Sau đấy về làng, lại vội bon tìm những bạn bè xưa. Gặp nhau, đủ mặt năm nao, thích chí mà cười vang một tiếng. Một buổi tối, đang ngồi đối ầm, chợt nghe có kẻ nhắc đến Hoan - nương. Nhân mỉm cười mà nói:

— Ngày ấy dẫu vì tri kỷ mà coi nhẹ hồng nhan, nhưng cái xuân tâm thật vẫn hơi có tiếc !

Bè bạn có kẻ liền rằng :

— Nếu quả tiếc nhau thì cứ sao bữa qua không áo khăn tìm đến ?

Đoạn kể là Hoan - nương đã chết trùng phong cách nay ba bữa mà láng sự thì mới kết chiều qua. Lưu vừa nghe tin, liền vùng dậy bảo :

— Không lẽ chỉ vì một chiếc dè non mà để tuyệt lòng nhất ngộ. Vậy Lưu này cần phải ra viếng người mệnh bạc mà rõ lấy năm ba giọt lệ chung tình !

Nói xong hỏi chỗ rồi khẳng khái ra đi. Đi, nhưng mới ra khỏi thành thì gặp mưa phải dừng lại núp. Một lát, mưa tạnh trăng sáng, song tìm đến thì ai ngờ quan quách đã vừa bị sấm sét đánh văng lên. Nhân động mối thương tâm, toan vùi lại giùm cho thì bỗng lại nhận thấy thi hài vẫn còn thơm như xác sống. Bèn mà ầm chạy ngay về đặt ra trước chiếu, cười rằng :

— Vương nữ về đây. Tuy có khác âm dương nhưng cũng hãy vu qui cho phỉ nghĩa .

Bè bạn thấy vậy, kinh sợ mà tan. Lưu đang khi ngông, liền buông màn rồi cùng cái thầy gối đầu tay đánh giắc. Như thế gần sáng, ai ngờ cái xác lạnh lại cảm thấy nóng dần lên. Nhân sờ xem thì thật quả. Bèn mà xoa vai bóp ngực rồi gọi kẻ đi lấy sấm thang. Cho đến trời tỏ bình minh thì hiển nhiên đã hồi lại hẳn. Bấy giờ thấy nàng đã tỉnh thì liền tự trở cười rằng :

— Nếu còn nhớ cái chuyện năm xưa

thì chính là khách hai trăm lạng đó !

Nói đoạn, kê đầu đuôi. Hoan nương liền khóc nói :

— Mẹ thiếp thật không nhẹ người nặng của. Sở dĩ đã khẳng khẳng đủ số, ấy chỉ là cốt ý thử tình nhau !

Đoạn, tạ ân Lưu mà xin tạm biệt. Lưu nhờ hai kẻ đi kèm theo bên kiệu, thì một lát trở lại mà rằng :

— Vương bà vừa hứa ít hôm ngày tốt, sẽ đem cả cô con mà tạ cái tình thâm. Ngoài ra, ngay hôm nay, hãy tặng trước cho một trăm lạng để tùy khao bạn hữu .

Lời vừa nói dứt đã có kẻ bùng bạc đến xin thu. Lưu nhận mà mở tiệc vui say thì cách đó năm hôm, quả lại thấy nhà họ Vương gọi sang cho gửi rề .

HU - CHU

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

1. - TÔN - THỌ - TƯỜNG (phụ lục « Tây phù nhật ký »). của **Nguyễn-bá-Thế**, giá 28\$.

2. - SƯƠNG-NGUYỆT-ANH (phụ : **Trần-kim-Phụng, Trần-ngọc-Lầu**) của **Nam-Xuân-Thọ**, giá 18\$.

3. - NGUYỄN-VĂN-VĨNH (phụ lục : Văn tài của hai người con ông Nguyễn-văn-Vĩnh : **Nguyễn - nhọc - Pháp** và **Nguyễn - Giang**) của **Nhất - Tâm**, giá 20\$.

4. - PHAN - THANH - GIẢN của **Nam--Xuân-Thọ** giá 25\$.

5. - VÕ-TRƯỜNG-TOÀN (phụ lục **Trịnh-Hoài-Đức**) của **Nam-Xuân-Thọ** giá 20\$.

Năm quyển sách này thuộc loại « **Những mãnh gương** », do nhà xuất bản **TÂN-VIỆT** gởi tặng.

Chúng tôi xin cảm ơn nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

B. K.

NỘI KÊ THỨ HAI

MẶC - THU



Ồ Tú Tài, người dất Sóc, tướng như tướng vượn, tay dài, thân ngắn, răng vồ, mắt to, thông minh rất mực, học lực uyên thâm, nổi tiếng là danh

sĩ một vùng.

Hồ có tính kiêu, thường chê đời không có mắt biết mình. Tuy còn ngồi trong lều cỏ mà bụng vẫn tính nuốt sao Ngưu, sao Đầu.

Một buổi, có một đạo nhân, mình mặc bào trắng, râu tóc như cước, trông gầy trúc từ xa tới thăm Hồ, tự xưng là Bạch - Viên, cùng Hồ chuyện trò suốt một đêm dài. Sớm sau, Hồ bỏ nhà theo đạo nhân vào núi.

Thờ chung một thầy với Hồ, có một đồng tử, má hồng bầu bĩnh như da đào

chín, sắc mặt tươi sáng như hoa cỏ mùa xuân. Hỏi tuổi, đồng tử đáp :

— Đã gần tới số nghìn !

Hồ không tin hỏi lại Thầy, Thầy cũng nghiêm mà đáp : đúng !

Hồ lấy làm kinh ngạc, hỏi lại đồng tử :

— Vì sao mà trẻ lâu được đến thế ?

Đồng tử cười đáp :

— Vì đã diệt được ham muốn !

Hồ chuyên cần học đạo, thẩm thoát đã ba lần lá rụng. Bụng như chứa được gần đủ Thiên kinh.

Ngày nọ, nhân ngồi canh giữ nồi linh đan, Hồ thả lòng tưởng nhớ quê

nhà. Bụng bồi hồi bứt rứt, nhìn đám mây lơ lửng chân trời, thốt ngâm câu :

Vân hoành Tần lĩnh gia hà tại...

Đồng tử ngồi bên phì cười :

— Anh này lại vướng vào trần lụy rồi !
Mai sau làm loạn thiên hạ, tất là anh !

Bạch-Viên đạo nhân đi hái thuốc phương xa về, vừa tới thảo lư đã gọi Hồ tới bảo :

— Sớm nay, ta đứng trên ngọn núi Thất-Sơn, thấy từ núi nhà, một luồng tục khí bốc lên, thấu tới mây xanh, biết rằng con còn nhiều nghiệp chướng trong mình. Con đã muốn xuống núi ta nào dám tiếc ! Chỉ tiếc con chưa đi tới cõi Đạo, tâm còn động, mà tài thì chưa cập. Hoa nở trái mùa, hoa mau rụng ; quả chưa tới kỳ chín, thì quả chua. Thiên cơ đã định, ta ngăn cũng chẳng nổi !

Nói rồi truyền thu xếp hành trang dặng sớm sau cho Hồ xuống núi. Lại truyền đồng tử nấu một nồi kê lớn cho Hồ ăn chắc dạ mà lên đường.

Đồng tử ngồi bên bếp lửa chỉ mỉm mỉm cười không nói. Đêm khuya hiu hiu gió mát, Hồ lim dim gối đầu trên đồng củi mà ngủ. Sực thấy đạo nhân tới nắm tay kéo đi vùn vụt xuống chân núi. Giữa đường nghe rõ tiếng đồng tử hát lạnh lạnh :

« Con cóc trong hang.

« Con cóc nhảy ra.

« Con cóc nhảy ra

« Con cóc ngồi đó,

« Con cóc ngồi đó

« Con cóc nhảy vô ».

Bụng lấy làm thương, cho rằng lời hát vô nghĩa.

Tới chân núi, đạo nhân dừng lại bảo Hồ :

— Ta không thể tiễn con xa hơn. Từ đây con tự tìm lấy đường mà đi !

Nói rồi, trở tay :

— Phía có chim bay là quê con đó !

Hồ nhìn theo, khi ngảnh lại thì không thấy đạo nhân đâu nữa, mà lối lên núi đã mây che phủ kín. Hồ bèn chọn con đường gần nhất về quê. Ấu cũng là con đường định mạng của Hồ.

Quê hương Hồ nhằm buổi loạn. Binh lửa thiêu trụi nhiều xóm làng. Chư hầu các nước chia thành hai khối, xâu xé lẫn nhau, dành giết lấy « chín đỉnh ». Thiên hạ vì thế đại loạn. Xương cao trắng núi, máu nhuộm đỏ sông. Từ khí xông lên xuất chín tầng mây. Tiếng oán than vang xa kể có ngoài ngàn dặm.

Từ đấy Hồ đem hết tài học ra tìm đường thi thố. Mượn lối kẻ sĩ núi Ngọa-Long, Hồ tính chuyện gây thế « tam-phân ». Noi gương Tô, Trương, Hồ bốn ba khắp nước chư hầu thuyết khách.

Khi thì mượn tiếng dịch toan tính chuyện lui quân nước Sở ; lúc thì ăn

trong lều cỏ, rập đem sở học và tâm sự phở lên giấy, mực nghìn trang.

Tiếc thay, tài chưa cập trí, trí bất cập thời, việc nào của Hồ cũng dang dở, chỉ có tiếng dội lên lúc đầu, mà không có tiếng vọng về sau.

Phải chăng đúng như lời Bạch-Viên đạo nhân : « Quả chưa tới kỳ chín mà hoa thì nở trái mùa » ?

Hồ dạo khắp nước chư hầu vẫn không tìm thấy đất dụng võ. Lưỡi hầu mòn, gươm hầu rỉ, Hồ ôm mối bất đắc chí, tư tưởng mỗi ngày mỗi thêm yếm thế. Những lúc tửu hậu, trà dư, Hồ thường cao giọng trách đời. Lời nói tiếng cười thường nhiễm vẻ bi phẫn, chua chát.

Vương thuật không xong, Hồ nóng lòng muốn dùng bá thuật. Một buổi cầu cơ giáng bút, thử điểm lành, dữ, Hồ được bài thơ của Quỷ - Vương Sa-Tăng :

« *Cửu phàm thần tiên nề mặt ta*
« *Thích-Ca dù trọng khó giao hòa*
« *Cửa cung Bạch-Ngọc hăng lui tới*
« *Đường đạo tây phương thử chánh, tà*
« *Chỉ đá hóa vàng don miệng thế*
« *Đưa gươm thần huệ chận phồn hoa*
« *Lấy chơn đem giả tô thiên vị*
« *Thế tục, phàm tâm khá liệu à !*

Hồ lấy làm thú, nhưng bụng vẫn quyết làm theo ý riêng.

Trường-An xảy có loạn Quyền-Phi. Hồ bèn nhận làm mưu sĩ cho giặc.

Tiếng trống tràng thành lại một phen rung chuyển Thành đô. Khói lửa ngút trời, át cả quang huy nhật nguyệt. Lương dân vô tội, máu đổ đầy đường. Nhà cửa, thôn trang, tro bay, trúc phá.

Nỗi đắc chí của kẻ sĩ cầm quân tưởng đến đó đã là tốt độ. Nhưng, cái khí thế ngạo mạn, cầm ngang ngọn giáo ngâm thi trên sông Xích-Bích chưa hưởng trọn, thì loạn quân bị phá vỡ, Hồ bị bắt, kẻ bị hạ ngục. Mạng Hồ như ngàn cân treo sợi tóc, chỉ còn đợi trong sớm tối. Bấy giờ Hồ mới nhận thấy bài thơ « Con Cóc » của đồng tử ngày nọ quả nhiên là một bài sấm ca, có ngụ ý khuyên Hồ. Kịp đến khi Hồ lĩnh hội được tất cả bí quyết của thuật « xuất, xử » nằm trong đó thì việc đã muộn.

Một buổi sớm Hồ bị dẫn ra pháp trường, xảy thấy một đám mây xanh xa xuống trước mặt.

Bạch-Viên đạo nhân cầm phất chủ bước xuống, trông Hồ lắc đầu thở dài :

— Uổng cả công phu tu luyện, một thoát trôi theo dòng nước. Ta thể lòng yêu thương muôn vật của Tạo Hóa, kể cả những tội lỗi mà loài người mắc phải, đến đây đề giải thoát cho người . . .

Hồ cúi đầu, gỡ tội :

— Trăm lại tôn sư, trong lúc mẹ già lâm bệnh nặng, đàn con mỗi người lo chạy chữa, cứu cấp mỗi phương. Tuy vậy chẳng có người con nào là không muốn cho mẹ khỏi !

Đạo nhân quát to :

— Nghiệt xúc ! Đã đến nước này chưa tỉnh ngộ còn đợi đến bao giờ ? Mau hãy theo ta về núi !

Kể đó gió bốc, cát bay, mưa thành luồng như đồ nước, sấm sét kinh động cả đất trời.

Hộp thư Bách - Khoa

Ô. Huyền-thanh-Lữ, Saigon — Đã nhận được thư và mấy bài thơ của ông. Mong đợi những bài thơ khác, ý mới hơn.

Ô. Hoàng - ngọc - Liên, KBC 358 — Đã nhận được thư và « Lá thư Xuân ». Rất cảm ơn cảm tình nồng nhiệt của ông đối với Bách-Khoa. Mong ông sẽ gửi thêm cho nhiều sáng tác nữa.

Ô. Nguyễn - anh - Trết : Quảng - Ngãi — Đã nhận thêm được « Huy ». Sẽ trả lời bằng thơ riêng.

Ô. Minh-Anh, Quảng - Ngãi — Đã nhận được « Thơ tự do ». Sẽ trả lời bằng thơ riêng.

Ô. Linh-Thông — Mong đợi những sáng tác khác của ông.

Ô. Nguyễn-thiện-Trà, Quảng-Ngãi — Đã nhận được thư của ông. Rất cảm ơn những lời khen tặng của ông. Các bài thơ gửi tới xin trả lời sau.

Ô. Hoài - Khanh, (Biên-Hòa) — Đã nhận được thư và thơ của ông.

Ô. Hồ-Nam, Saigon — Đã nhận được các truyện ngắn và bài của ông ; sẽ có thư riêng.

Ô. Nguyễn-xuân - Thọ, Paris — Đã nhận được thêm phần bài còn lại của ông. Sẽ phúc đáp bằng thư riêng.

Ô. Nguyễn-văn-Xung, (Huê) — Đã nhận được bài. Sẽ đăng trong số những tới.

Hồ kinh sợ ngã lăn ra, tỉnh dậy, mồ hôi đầm mồ hôi trán, thấy mình vẫn nằm bên nôi kê đang xới xùng xục. Bên cạnh, đồng tử vẫn say ngủ một giấc an lành. Nhìn lên đã thấy đạo nhân đứng xững một bên.

Hồ xụp lạy, xin nghe giảng. Đạo nhân đáp :

— Ảo ảnh đó do tâm phát ra. Lòng dục nuôi nhiều thì đôi vai gánh nặng.

Lại cười hỏi lại :

— Bài thơ giảng bút của Quỷ-Vương còn nhớ hay quên ? Hồ cúi đầu nín lặng không đáp, sau xin hỏi thêm về chuyện nôi kê. Đạo nhân trầm ngâm, gật đầu :

— Ngàn năm trước đây, ta đã có lần nấu một nôi kê đưa một hàn sĩ nhiều cuồng vọng tới bến Giác.

Hồ vẫn còn bàng hoàng :

— Bạch tôn sư, đệ tử vẫn chưa biết rằng mình còn sống hay đã chết, xác thịt này còn có hay là không, rằng đây là mộng hay là thực ?

Đạo nhân cười đáp :

— Bảo rằng có thì là có, bảo không thì là không. Nghĩ là mộng thì là mộng, nghĩ là thực thì là thực.

Hồ cúi đầu lạy tạ. Từ đấy không nghĩ đến chuyện xuống núi nữa.

MẶC - THU

THƠ DỊCH

BẠCH TUYẾT CA

Bắc phong quyền địa, bạch thảo triết,
Hồ thiên bát nguyệt tức phi tuyết.
Hốt nhiên nhất dạ xuân phong lai,
Thiên thụ vạn thụ lê hoa khai.
Tán nhập châu liêm thấp la mạc.
Hồ cửu bất noãn, cầm cầm bạc.
Tướng quân giáo cung bất đặc khổng,
Đô hộ thiết y lãnh nan trụ.
Hạn hải lan can bách trượng băng.
Sầu vân thâm đạm vạn lý ngưng.
Trung quân trí tửu ăm qui khách.
Hồ cầm tì bà dĩ khang địch.
Phân phân mộ tuyết hạ viên môn.
Phong xiết hồng kỳ động bất phiên.
Luân đài đông môn tổng quân khứ.
Khử thời tuyết mãn Thiên sơn lộ.
Sơn hồi lộ chuyển bất kiến quân,
Tuyết thượng không lưu mã hành xứ.

SẦM-SẦM

Bài ca « BẠCH TUYẾT »

hay là TRÔNG THEO...

Gió bắc vi vu đùa cỏ bạc,
Trời Hồ tháng tám, tuyết rơi bay.
Thoắt như một tối, hơi xuân thoảng
Muôn khóm hoa lê sáng nở đầy.
Gió lọt rèm châu, ăm trường là ;
Ao cửu, chăn gấm, lạnh người hoa.
Cung sừng, võ tướng khôn giương được,
Ao sắt, nhà văn rết cắn da.
Hạn hải mệnh mỏng, tuyết trắng ngàn,
Âu sầu, thâm đạm bữa không gian.
Trong dinh, thết tiệc khao quân sĩ
Tiếng sáo hùng bi họa tiếng đàn.
Ngoài sân, cửa trại, trời bời tuyết,
Cờ rủ diu hiu trước gió hàn.
Ngoài cổng Luân đài, đưa tiễn bạn,
Tiêu điều tuyết phủ nẻo Thiên san.
Đường quanh, núi hiểm, ai xa khuất,
Trên tuyết, còn ghi dấu ngựa buồn.

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch

Bài ca « TUYẾT TRẮNG »

Gió bắc cuốn bụi cỏ rạp mình,
(theo) khí trời ở rợ Hồ (Mông-Cổ),
tháng tám thì tuyết bay, thỉnh linh
một đêm gió xuân lại, trên nghìn
vạn cây hoa lê nở. Tuyết tan tác bay
qua mảnh châu (vì có hạt tuyết đóng
lóng lánh như hạt trai), làm ướt màn
lụa. Áo lông chồn không (còn) ấm,
mền gấm (thành) mỏng. Cái cung bằng
sừng của ông tướng không kéo được,
áo sắt của quan đô hộ vì lạnh khó
mặc. Ở Hạng Hải dọc ngang có tuyết
trăm trượng. Mây sâu thăm đậm đóng
lại trong vòng nghìn dặm. Ông tướng

giữ đội quân ở giữa (nguyên soái) đặt
tiệc rượu để mời khách khi trở về
uống. Đàn cầm rợ Hồ, ti bà cùng sáo
rợ Khang (nổi dậy). Dầy đặc tuyết
buổi chiều rơi trước cửa nha môn.
Gió đập, cờ đỏ lạnh không phất phới
được. Ở cửa đông huyện Luân đài,
tôi tiễn ông đi. Lúc đi, tuyết đầy
đường Thiên sơn. Núi quanh co, đường
lộn lại : Không thấy ông nữa. Trên
tuyết chỉ còn trống rỗng vết ngựa đi.

(Trích «Hán văn tự học» quyển III)

NGUYỄN-VĂN-BA

CHÚ Ý

Bưu phiếu, xin đề tên :
Ô. HUỲNH-VĂN-LANG

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN.—Nhân cuộc nội loạn quyền phi và việc tiến quân của chín nước lên mình đề đánh Bắc-Kinh, ông Diêu-Tư-An, một phú thương, phải đem gia quyến đi lánh nạn. Chẳng may giữa đường, cô con gái lớn của ông, là Mộc-Lan, bị thất lạc.

Đã tốn công tìm kiếm mà không ra manh mối, ông đành cùng vợ con về thẳng Hàng-Châu, nơi quê hương, sau khi phái người đi tìm tòi.

Vừa tra may, ông Tăng-Văn-Phát, một vị quan kinh, về thăm quê nhà, được hay tin buồn của Diêu gia, chỗ quen biết, nên ông ra công tìm thấy Mộc-Lan và chuộc cô ra khỏi tay của quân buôn người trên Vận-hà. Ông liền báo tin mừng cho Diêu gia và tiện đường, ông đem Mộc-Lan và vợ con ông cùng về Thái-An nơi nguyên quán của ông.

Ông bà Tăng có ba cậu con trai là Bàn-A, Khâm-A và Tân-A.

Cũng là thiên duyên tiền định mà nhân việc hội ngộ đó, Mộc-Lan, sau này, sẽ về làm dâu nhà họ Tăng.

Sau một thời gian ở lại Thái-An với gia-đình họ Tăng, Mộc-Lan theo cha là Diêu tiên sinh về Bắc-Kinh.

Bà mẹ Địch-Nhân thì bảo cậu là đồ « oan gia » ; chẳng qua, vì cái tiền oan, nghiệp chướng, nên nó vào nó báo hại, đề nó đòi cho bằng đủ số tức trái, đúng như những nhời rửa sá của những kẻ độc mồm, xấu miệng. Nói một cách đơn giản hơn thì chẳng qua Địch-Nhân là một thằng con vào cái hạng gọi là « phá gia chi tử » !

Tóm lại, bà mẹ cậu thì tin rằng đó

là cái số mệnh hẩm hiu, mà ông bố thì cho đó là một cái lẽ « thừa trù », hễ mình được có cái này thì phải không có cái kia. Mình có của thì phải chịu con hư !

Mộc-Lan ở vào giữa hai cái phương hướng tương phản đó. Địch-Nhân cứ mỗi ngày bị mất dần địa vị, mà Mộc-Lan, trái lại, được coi là đứng mực, đảm đang và quán xuyến.

Như trên đây ta đã thấy, Diêu phu nhân nghiêm khắc với con gái bao nhiêu thì lại dung túng con trai bấy nhiêu. Bà dạy các cô con đúng với nền nếp cổ truyền từ xưa. Đó là một điều mà bà đã làm một cách thiệt hợp lý vậy.

Một người con gái, tuy tốt số, được sinh trưởng ở trong một gia đình giàu có, nhưng có phải cứ ở lỳ ở nhà, để hưởng mãi những sự ưu ái đó đâu ? Một ngày kia, thế tất phải xuất giá, nhỡ vào làm dâu con một nhà kém hơn nhà mình thì làm thế nào ? Bởi vậy, ngay từ bây giờ, bà phải dạy các cô cho có đủ những đức tính của một người nội trợ hoàn toàn : nào sự cần, kiệm, đoan trang, lễ pháp, ôn nhu, tòng thuận, cùng là các việc trị gia, bếp núc, vá may, thêu thùa và việc nuôi dạy trẻ thơ.

Xem như vậy, ở trong gia đình nhà họ Diêu, sự dạy dỗ con trai, con gái, không những khác nhau hẳn một trời, một vực, mà còn khác hẳn cả với các gia đình khác nữa.

Cậu con trai Định-Nhân thì hết sức nuông chiều để đến nỗi cậu thành ra hư hỏng, ngạo ngược. Hễ ngồi ghế thì cậu xoay người sóng sườn ra rồi gác cả hai chân lên bàn; thực tình, cậu chẳng còn biết ý tứ, giữ gìn một li, một tí nào cả.

Còn con gái thì ngay từ lúc chín, mười tuổi, hai cô Mộc-Lan và Mạc-Sầu đã bị uốn nắn vào khuôn, vào phép; nào khi ngồi phải giữ lưng cho

ngay ngắn; lúc đứng phải khép hai chân lại; nói tóm lại nhất cử, nhất động, lúc nào cũng phải đoan chính, ý nhị.

Tuy có nhiều đầy tớ gái, và nhiều khi họ rất rối rít, nhưng hai cô phải giặt giũ và là xếp lấy quần áo. Khi phơi phóng đồ mặc phải tìm nơi sân sau hoặc chái nhà, ở ngoài tầm mắt của khách khứa, hay các đàn ông, con trai, người nhà. Bữa làm cơm hai cô phải xuống bếp, để làm bánh trái và học nấu nướng. Hai cô phải khâu lấy những đôi giày bằng vải để đi và may lấy tất cả áo quần để mặc thường ở trong nhà. Riêng có các việc như xay thóc, đã gạo, xay bột, là hai cô không được làm, vì e đa dẻ ở hai bàn tay nó thành chai lên.

Ngoài ra, hai cô còn phải tập luyện về sự giao tế theo các lệ tục, như biếu xén về dịp các ngày giỗ chạp, tết nhất, cùng là phong bao cho những người tới tở khi họ đem đồ lại biếu nhà mình; rồi còn phải ghi nhớ cả những ngày lễ tiết, cùng là xẩm xanh mùa nào, thức đó, những hoa quả, thực phẩm để cúng quải; với các nghi thức của đám cưới, đám hỏi, đám ma, đám mừng, phải như thế nào cho đúng; lại phải nhớ rõ họ hàng về bên nội, bên ngoại, để mà xưng hô cho đúng phép, ai là bác, là chú; ai là cô, là dì, ai là cậu là mợ; rồi, chồng của cô, vợ của cậu; rồi tất cả cái bày, cái xấp anh em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì, không được lăm lẩn, để tỏ ra rằng mình có lễ độ và biết rõ tôn ti, trật

tự ở trong họ hàng, bà con, từ chỗ ruột thịt tới chỗ qua cát; từ họ gần, tới họ xa; từ chỗ máu mủ tới chỗ giây mớ, rề má... Cứ kể ra, một cô nương có giáo dục, có học vấn bao giờ cũng có trí tuệ để ghi nhớ ngàn ấy điều một cách chẳng khó khăn gì. Tuy Mộc-Lan mới có mười bốn tuổi đấy, nhưng cô có thể nhận ra rõ ràng những người chịu tang ở trong một đám ma; cô chỉ nhìn qua tang phục của mỗi người là hiểu ngay, đối với người chết, người đó là con hay là cháu, là con dâu hay con gái, con trai hay con rể, hoặc cháu nội hay cháu ngoại. Mộc-Lan lại còn biết cả rằng, sau ngày lân hôn, thì hôm thứ mấy, cô dâu mới trở về lễ nhà mình và người em của cô dâu, tới bữa nào, thì đi đáp lễ anh rể. Và trong cái lễ đáp bái đó, bên nhà trai có cho dọn ra một mâm cỗ mà trên đó chỉ có bốn bát trân hào, thì cái « cu cậu » đó chỉ được dùng qua loa, làm phép, chứ không được ăn ngốn, ăn ngấu cho đến miếng cuối cùng. Tất cả ngàn ấy sự thường thức của một sinh hoạt cũng có một cái gì thú vị và hữu dụng, dấu rằng người ngoại cuộc thấy nó vô cùng phiền phức,

Trong khi dạy con, bà bắt cô phải biên phân minh vào một cuốn sổ tay của gia đình. Như vậy, dần dần, cô giúp bà mẹ đề liệu lý các việc nội trợ cho khỏi bị sơ ý hoặc thất thổ, tỷ dụ: tết đoan ngũ, mừng năm, tháng năm, mình đã đem biếu ai những thức gì, và mình đã nhận những thức gì đáp lại; có như thế mới minh bạch và chu đáo được.

Ngoài ra, Mộc-Lan còn phải học sắc thuốc, và học một ít tính được của bản thảo để biết qua loa về các thứ thuốc men thường dùng. Cô lại phải biết, không nên ăn cua đồng thời với trái hồng, vì hai thứ đó kỵ nhau, ăn cùng, có thể sinh bệnh; mà con cua thì tính hàn, con lươn thì tính nhiệt. Đối với các vị thuốc bắc, cô phải tập xem, để biết phân biệt vị nọ với vị kia, bằng hình thù, bằng hương, bằng vị, cùng là sự quan hệ của những vị thuốc với các thực vật.

Mộc-Lan còn có được vài cái xảo kỹ mà ít phụ nữ tập được; đó là: huýt sáo mồm, hát tuồng kinh, và biết sưu tập rất thành thạo các thứ đồ cồ. Cái món huýt sáo do cậu Tân-A dạy cô khi cô ở Sơn-Đông; về Bắc-Kinh cô mới tập luyện thành tinh thực. Cái xảo kỹ thứ hai và thứ ba do thân phụ cô dạy cô.

Khi bà mẹ cô thấy cô huýt sáo thì bà kinh ngạc và kêu ầm lên rằng, đàn bà, con gái không ai lại làm cái trò quái gở đó; nhưng ông bố cô cãi hộ cô: « Huýt sáo thì có làm sao? nó chẳng phương hại chi hết mà! ». Vì vậy, cô ra phía sau vườn, cố tập cho thành tài, rồi dạy cho cả cô em. Con Cầm-Nhi cũng theo đòi hai cô học nốt, nhưng trước mặt thái thái, không bao giờ nó dám biểu diễn tài nghệ của nó. Bà mẹ cô tức lắm và bảo ông thân cô là một « ác thế lực », cố tình « hủ hóa » cô con gái.

Ông thân của cô quả là một « hủ hóa thế lực », thiệt. Ai lại, ông ra công dạy cho cô con gái học hát tuồng kinh bao giờ! Đàn địch,



THE HONGKONG AND SHANGHAI BANKING CORPORATION

Số vốn phát hành và đóng đủ :

HK \$ 50.000.000 (3.124.000 Anh kim)

Số dự trữ :

HK \$ 128.000.000 (8.000.000 Anh kim)

Trụ sở chính : HƯƠNG CANG

Trụ sở tại SAIGON : 9, Bến Chương-Dương

Điện thoại số 20.036 và 20.037

Trụ sở tại PHNOM-PENH : 1, rue Ang-Duong

Trụ sở tại LUÂN - ĐÔN : 9, Gracechurch Street, E.C.3

Trụ sở đặt ở : New - York, San - Francisco, Los Angeles,
Hamburg, Paris và khắp Viễn - Đông

nhảy múa và hát tuồng là những thứ tài nghệ riêng dành cho các kỹ nữ, con hát và đào kép nhà nghề mà thôi ! « Tuy các nhà đạo đức đã liệt tất cả phường « xướng ca » vào hàng « vô loài », hàng « dê hạ », nhưng, Diêu tiên sinh không phải là một nhà đạo đức ; ông chỉ là một tư tưởng gia theo chủ nghĩa « Lão-Trang », một thứ chủ nghĩa hoàn toàn phóng khoáng, hoàn toàn tự do ; bởi vậy ông không phải là một nhân vật « thủ cựu ». Tuy ông đã bỏ đứt được cờ bạc và rượu chè, nhưng ông vẫn còn ưa thích hát tuồng. Bởi vậy cả nhà, trên thì ông, dưới tới người làm công và lôi tở, ai cũng biết hát tuồng và thích hát tuồng.

Thời i thường Diêu phu nhân cũng có đi coi hát bội. Bà cho thuê hẳn một « lô » và đem cả San Thư, và các cô a - hoàn cùng cả bày trẻ đi theo và xem luôn hàng cả một buổi chiều. Bọn A - Hoàn thì hầu nước chè, hầu diếu dóm, trong khi cả nhà tí tách cắn hạt dưa, cười, nói, tán thưởng bản tuồng đang trình diễn.

Có bao nhiêu người, chỉ vì đi xem

hát mãi mà trở thành « tài tử » ; họ bắt chước các đào, kép, đã nổi tiếng, hát tất cả những khúc hát đang được thiên hạ nhiệt liệt tán thưởng và hoan nghênh. Tuy nhiên, ít khi thấy phụ nữ ở trong cái đám « tài tử » đó, biểu diễn trước một số đông người, vì họ hết sức kiêng kỵ. Ấy thế mà Diêu tiên sinh cứ ngang nhiên dạy cho cô con đủ các điệu tuồng Kinh, một phần, như đề « thách thức » bà vợ, một phần khác, như đề tỏ sự khinh thị dư luận. Nói của tiêu tột, ông có những tư tưởng cực kỳ táo bạo đối với việc cải cách. Chẳng có thể mà, Mộc-Lan đã mười sáu tuổi mà thời thường vẫn còn đi theo ông tới các chỗ « chợ giời » để sưu tầm đồ cổ và bảo ngoạn. Nhờ về vậy, trí tuệ cô được một ngày một mở mang thêm. Người ta có thể nói, cô đã học được rất nhiều là nhờ ở ông thân cô về phần kiến văn, và nhờ ở bà mẫu cô về phần thường thức. Mạc-Sầu cũng cố theo gót chị để học hỏi, nhưng những cái cô em thấu thập được thuộc về điều ăn, ý ở, về xử thế hơn là về học văn.

CHƯƠNG VI

Cả cái cuộc sinh trưởng của Man-Ny thiệt không khác gì một cành hoa mai, một mình hé nở trong buổi đầu xuân còn giá lạnh ; rồi cứ thế mà độc phóng ở trên cái ngành khúc khuỷu, cằn cỗi, khô cứng, không có lấy một chiếc lá để che thân trước gió sương ; không có lấy một người bạn để cùng mở cánh đón xuân. Mãi cho tới khi lý, đào, này nọ và cùng với muôn ngàn

thứ hoa khác rung rinh dưới ánh xuân dương, thì đóa hàn mai tự im lặng mà « cô phương tự thưởng », mình lại quỳen lấy hương thơm của mình, mà thoái ần.

Cái hồi được có Mộc-Lan để làm một người bạn tâm tình, khi hôm, lúc sớm vui đùa với nhau trong khuê phòng, thì Man-Ny vừa mười bốn tuổi. Cái tình bạn đó, chính là sự sơ manh

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

của mẫu tính nó làm cho Man-Ny hết sức trùu mến Mộc-Lan. Và nàng chưa từng có lấy một người em gái và xưa nay, cũng chưa bao giờ nàng cùng với một người bạn gái nào, hôm sớm, chuyện trò thân mật, thăm thiết đến như vậy ; cái đó là một thứ tình tổ mà các cô gái mới lớn lên, cô nào cũng sẵn có ở trong tâm khảm. Nàng lại có tính hay cá thẹn, dút dặt, và mỗi khi đứng trước một người con trai, nàng thấy không được an định một chút nào hết.

Từ trước, nàng vẫn là con nhà con một ; mãi tới khi lên mười, nàng mới có một đứa em trai, nhưng đứa em ấy đã bỏ mất, khi nó được năm tuổi ; cái tang này đã xảy đến, sau khi Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh chừng một năm.

Ông chú của Man-Ny cũng chẳng có con, nên ông đã nuôi một đứa con nuôi. Ông nội của nàng, tức là em trai của cụ Tăng lão thái thái, có bao nhiêu gia sản đem tiêu xài, lãng phí hết sạch ; tới khi ông chết đi, thì gia đình khánh kiệt và lâm vào cảnh nghèo khổ ; ông để lại một người anh và một người em trai ; hai người đó tức là ông thân nàng và chú nàng vậy. Từ đấy, ngần ấy con người đều sống vào sự cuu mang bù trừ của bà cô tức là Tăng lão thái thái. Các gia đình, thiệt giống in hết những gốc cây ; sau một thời tươi tốt, cành lá xanh um thì bị héo trụi, khô cỗi ; cho dầu có ra công vun tưới, bón xới cho mấy, cũng bằng vô ích. Cái gia đình nhà họ Tôn này chẳng khác gì một gốc cây đã khô hết nhựa, nên nó trở thành suy lạc, tàn lụi.

Hình như kiếp số đã chú định. Ông chú của nàng vừa mất được một năm, chưa mãn tang, thì ông thân của nàng đến đầu xuân cũng nằm xuống nốt. Cái tang sau này làm cho Tăng lão thái thái hết sức lo âu, về việc nối dõi cho họ Tôn.

Bây giờ, chỉ còn có mỗi một mình Man-Ny là người kế thừa duy nhất của giòng họ Tôn. Chính nàng, nàng phải giữ việc hương khói phụng thờ tổ tông. Bởi vậy, Tăng lão thái thái lại càng thương Man-Ny thêm.

Khi ông thân của Man-Ny vừa nằm xuống thì lão thái thái quyết định hẳn việc đem Man-Ny gả cho Bân-A. Bởi vậy, Lão thái thái cho gọi Bân-A về để chịu tang, cho đúng nghi thức.

Vả chăng, việc học của Bân-A bị thay đổi ngay từ căn bản, tất cả chế độ về sự giáo dục hoàn toàn biến cách, đề theo mới. Nhân vì Nghĩa-hòa-đoàn bị thất bại, phái cực đoan bảo thủ ở trong triều mất hết địa vị và thế lực. Một loạt các đại thần cầm đầu các bộ thuộc phái tân tiến, nhẩy lên nắm chính quyền. Bao nhiêu sự cải cách được lập tức thi hành. Từ nay, người Hán và người Mãn có thể thông hôn, chứ không bị cấm đoán như trước nữa. Đàn bà, con gái, cấm chỉ không được bó chân. Việc thi cử cũng có lệnh ban bố đề sửa đổi hẳn. Việc học, từ nay đòi ra thành đại học, trung học và tiểu học. Những học sinh tốt nghiệp ở các học hiệu mới đó, cũng lấy đỗ cống sinh, cử nhân, tiến sĩ. Tất cả khóa trình đều biến cải, bỏ hẳn cái lối văn « bát cổ », ta quen gọi là lối

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : *COMMUBANK*



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

văn « tám vế », đối nhau, mà thay thế vào bằng những bài luận văn về thời chính.

Xem như vậy, chế độ ở các học hiệu đương ở vào thời kỳ manh nha, nên hết sức lộn xộn ; các giáo sư lành nghề thì chưa có, và cũng không ai rõ sẽ giảng dạy ra sao ? Ông Tăng-văn-Phác thấy thế cũng rất phân vân ; chính ông, ông cũng chưa có một chủ ý đề quyết định việc học cho Bân-A, đề mai ngày cậu ra làm quan. Nay nhân có dịp ở Sơn-Đông, ông liền cho thân mẫu cậu, dẫn cậu về quê.

Trước khi an táng ông thân của Man-Ny, Lão thái thái nghĩ rằng, đem hai mẹ con nàng về ở bên Tăng phủ cho tiện việc làm lễ « thất thất lai tuần ». Cụ cho dọn mấy gian ở phía đông viên thất, đề cho bên nhà họ Tôn cử tang, một gian đề đình phóng quan tài, còn dư ra thì đề hai mẹ con nàng ở.

Trước cửa cái gian bày quan tài, có căng những tấm màn trắng, khuất hẳn một nửa cửa ra vào và có treo một đôi đèn lồng, trên mỗi chiếc có viết bằng mực đen một chữ « Tôn » thật lớn ; như vậy, đề biểu thị rõ ràng rằng đây là đám tang của nhà họ Tôn.

Ngoài ra, Lão thái thái cất riêng mấy người nhà, vừa đàn ông, vừa đàn bà, sang giúp đỡ các việc đề cho người mẹ góa và đứa con cô được rảnh tay mà phục dịch tang lễ. Cụ cho thiết lập một bàn thờ Phật, rước sư về tụng

kinh, đề siêu độ cho vong linh, cùng là bày biện một tế trác đề cho các quan lại, quý khách, đến phúng viếng, vì ai cũng rõ đám tang này là đám tang của một ngoại thích trong Tăng phủ.

Trong thời kỳ « tứ cửu », Man-Ny bận toàn đồ trắng và phải cùng với thân mẫu nàng, ngủ ở ngay sau bức màn mà phía trước đã an tọa cỗ quan tài. Lúc đầu, từ cái quan tài đó, tới bức màn âm thầm và chỉ le lói có ánh sáng của mấy ngọn nến ; đêm hôm khuya khoắt, ngần ấy thức làm cho nàng hết đổi run sợ mà cứ nép chặt vào người bà mẹ. Đến sáng tinh mơ nàng, đã phải cùng với thân mẫu nàng, sửa soạn đồ lễ và dọn cơm chay đề các vị hòa thượng tổ trai ; rồi trông nom, săn sóc tới những gia nhân đem đồ phúng đến, rồi nào nhận lễ, ghi vào sổ, và nào phong bao cho họ ; tất cả ngần ấy việc làm cho nàng mệt nhoài. Bốn mươi chín ngày tang lễ đó đã đem lại cho nàng sự thương cảm đối với người cha khuất bóng, sự xót xa trong cái tình thâm của cha con và sự đau khổ trong cái cảnh tử biệt, kẻ mất, người còn vậy !

Nhân được thân mẫu của Bân-A đồng ý, Tăng lão thái thái rắp tâm, làm một việc có thể gọi là phi thường. Nguyên do, tiếng rằng thế, nhưng Man-Ny chưa bước qua ngưỡng cửa, đề về làm dâu nhà họ Tăng, mà Bân-A, chẳng qua mới là một người vị hôn phu của nàng mà thôi. Tuy vậy, cụ muốn đề cho người cháu đích tôn của cụ chính thức đứng vào hàng con rể, làm

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32 Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL & INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes & mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fralseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	
	MULLER et PESANT	Tours à métaux et à bois	



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whisky V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		
COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine « les deux béliers »
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses
			{ AVENIR ETOILE

THIRIEZ & CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder & à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

chủ tang, vì bên nhà gái không có con trai. Đến hôm khai diếu, Bân-A sẽ đứng ra liếp đãi quan khách, cùng là khi hành lễ, cậu sẽ đứng bên quan tài đề đáp lễ; thế nghĩa là, tuy chưa cưới xin, nhưng Bân-A phải nhận cái chức vụ của một người nữ tể. Bởi vậy, đêm hôm ấy, vì cậu thấy hai mẹ con Man-Ny quá độ mệt mỏi, cậu xin thay phiên đề thủ linh, nghĩa là suốt đêm túc trực ở bên quan tài.

Man-Ny thấy trong lòng hồi hộp cảm động, thứ nhất được một người biểu thân gia giúp đỡ, đề cho tang sự có vẻ long trọng hơn, như thế, vong hồn người quá cố cũng được thêm phần quang thái; điều nữa, là đối với người sống, tức là nàng và gia đình nàng, được thêm phần hân diện, dấu rằng chưa chính thức, ấy thế mà Bân-A đã mặc đủ tang phục của một người con rể, rồi cùng với nàng và thân mẫu nàng, hộ linh. Ngoài ra, cái điều mà Man-Ny cảm một cách thấm thía nhất, là từ khi thân phụ nàng, hai tay buông xuôi, hai mẹ con nàng thành ra cô khổ, linh đình, trơ trọi, ấy thế mà nay, trong nhà đã có một người đàn ông đề nương tựa, cậy trông. Theo lời của Lão thái thái, từ nay Bân-A phải gọi thân mẫu của nàng là « má » chứ không gọi là mợ, như trước nữa. Cái việc sau này không phải là dễ dàng gì đâu, đấy nhá; có những anh chàng rể đã « đội rế » rồi hăn hoi mà không nói trôi được những tiếng xưng hô ấy đấy! Lòng nàng dào dạt cảm tình. Cậu ta hỡi còn niên thanh như vậy mà làm cái gì cũng hợp nghi, đúng lễ; lúc nào cậu cũng ôn nhu, văn nhã.

Khi cái đôi thanh niên nam nữ, đó, một người mười tám, một người mười sáu, mình bạn toàn đồ trắng, sáng lỏi cùng nhau đứng dưới ánh nến le lói ở bên cổ quan tài, thì hai khoé mắt của Man-Ny luôn luôn long lanh đầm lệ. Không ai có thể nói được rằng, những làn nước mắt đó toàn thị là nước mắt của sự bi thương, hay của lòng cảm mộ, hoặc đó là những lệ khóc của sự ưu uất hay của sự khoái hoạt; mà thiệt tình, chính ngay nàng, nàng cũng chẳng biết nữa.

Nhưng, có một điều là nàng không thể nào không cảm động, khi nàng nghe Bân-A gọi nàng bằng « muội muội » hoặc khi nàng gọi cậu bằng « Bân-Kha. » Vả nàng thuộc về hàng họ ngoại, không thể theo bên họ nội mà xưng hô là « đại muội » « nhị muội » hay « tam muội » gì được; mà hai tiếng « man muội » thì khó nghe, không thuận tai, nên thân mẫu nàng bảo Bân-A cứ gọi nàng là « muội muội », là hơn cả.

Ở trong một sự chung đụng như vậy, e sẽ có những sự lẫn lộn, thiếu lễ độ. Tăng phu nhân vốn là một người rất nghiêm túc, nên lúc nào bà cũng đề ý và nhiều lần dặn con :

— « Nay, Bân-nhi, ngày ngày, con cùng với em con, chung chạ, đứng ngồi; vậy con phải hết sức giữ lễ... mẹ cũng hiểu và rất yêu nó, vì cái nét đoan trang của nó, nhưng riêng về phần con, con phải thận trọng cho lắm.

(Còn nữa)

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

NEVER SUCH A SIGHT! NEVER SUCH MIGHT!



WARNER BROS. PRESENT
**GREGORY
PECK**

**RICHARD, LEO
BASEHART GENN**

IN THE
JOHN HUSTON

PRODUCTION OF HERMAN MELVILLE'S

MOBY DICK

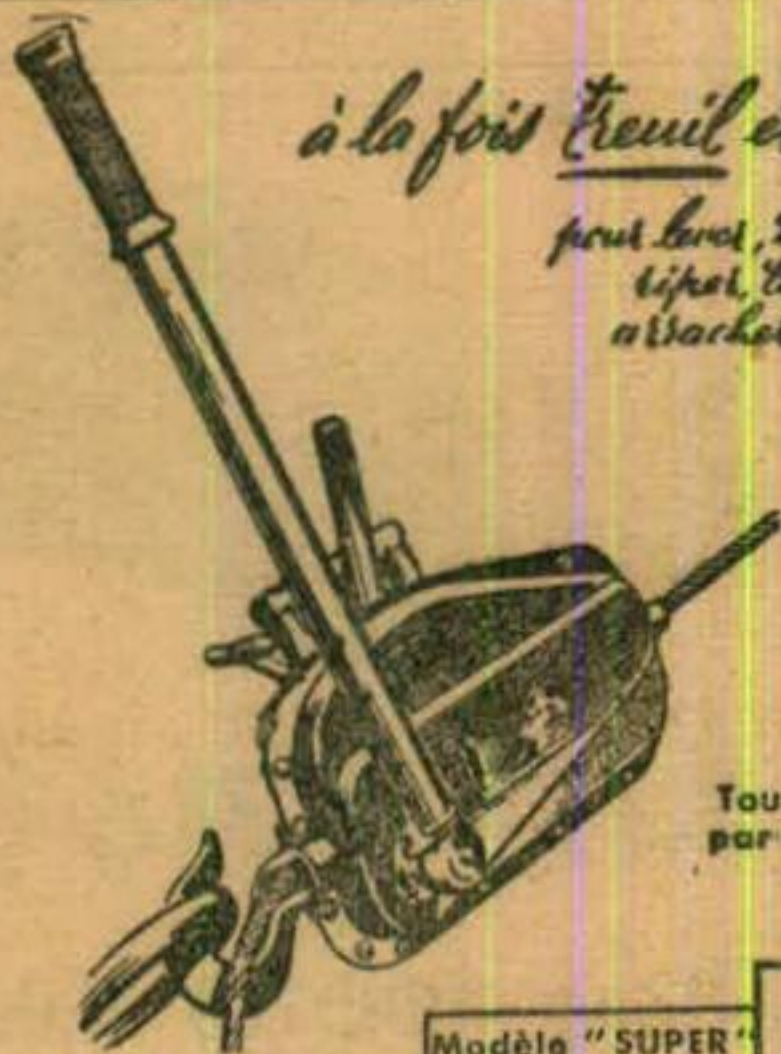


COLOR BY **TECHNICOLOR**

SCREEN PLAY BY RAY BRADBURY AND JOHN HUSTON • A MOULIN PICTURE DIRECTED BY JOHN HUSTON • PRESENTED BY WARNER BROS.

WILL BE PLAYED FROM DECEMBER 24 TO 31 1957

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois freuil et palan!

*pour lever, tirer,
tirer, tendre
à l'achat et...*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(Brevet)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1500 et 3000 kgs
Poids : 15 et 21 kgs

*Tirfor rend
1000 services!*
Demandez-nous la
brochure.

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài-gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

A. C. LANGILLET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

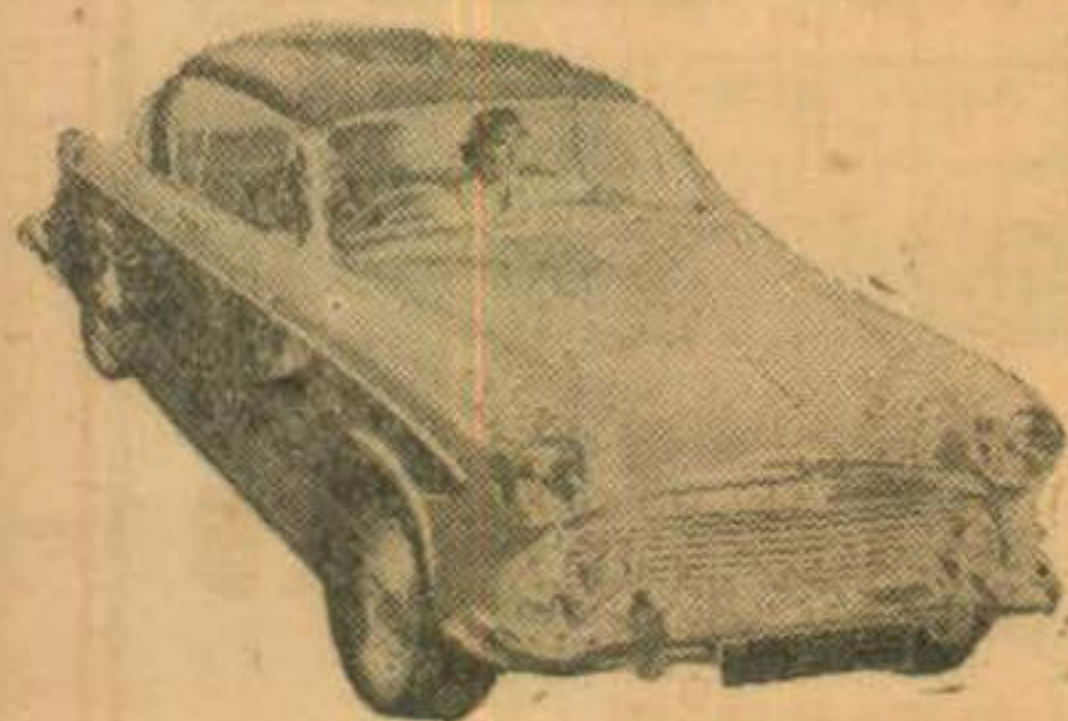
Export : Caoutchouc - Céréales
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIE

XE DU LỊCH

DANH TIẾNG KHẮP
HOÀN CẦU

ĐẸP BỀN



SUNBEAM RAPIER



SINGER *Gazelle*

do Hãng ROOTES Anh-cát-Lợi
sản xuất

ĐẠI LÝ ĐỘC QUYỀN TẠI VIỆT-NAM
HÃNG

VIỆT-HÀ

69, đường Tự-Do — SAIGON

Giấy nói : 23.070

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Su nên
Kính-te Việt-Nam
tới năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
- U** – Khởi mất ngày giờ
- T** – Không khói, không bụi
- A** – Dùng nấu nướng các thứ
- G** – Không làm nhứt đầu hay cay mắt
- A** – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** – Một bình hơi dùng :

TỔNG PHÁT HÀNH:
DOINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ

Rượu luyện tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp Các thứ nước hoa đều
chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên
Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại: 135, Pasteur - SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đường-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (đư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công Ty
135, Pasteur - SAIGON

Dove



15%

Thuốc thơm hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VẮN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHẨN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN